



NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG
PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

TIẾNG VIỆT

SÁCH GIÁO VIÊN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)

VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG

PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

Tiếng Việt

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên Tiếng Việt 5 là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập *Tiếng Việt 5* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh *Tiếng Việt 5* theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Sách giáo viên Tiếng Việt 5 gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học.

Ở đầu sách, các tác giả trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 5*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Năm, Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 5*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Năm khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Trang
3

Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

A. Những vấn đề chung về sách <i>Tiếng Việt 5</i>, bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>	6
1. Quan điểm biên soạn	6
2. Một số điểm mới của sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 5</i>	9
3. Cấu trúc sách và các bài học	11
B. Hướng dẫn dạy học	20
1. Bài mới	20
2. Bài ôn tập, đánh giá định kì	26
C. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá	28
1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	28
2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên	29
3. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá định kì	32
D. Một vài nội dung khác	33
1. Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Năm	33
2. Phân phối chương trình sách <i>Tiếng Việt 5, tập một</i>	36

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 1 KHUNG TRỜI TUỔI THƠ (TUẦN 1 – 4)	46
Bài 1 Chiều dưới chân núi	46
Bài 2 Quà tặng mùa hè	52
Bài 3 Tiếng gà trưa	58
Bài 4 Rét ngọt	65
Bài 5 Quà sinh nhật	70
Bài 6 Tiếng vườn	76
Bài 7 Chớm thu	81
Bài 8 Ban mai	87
Chủ điểm 2 CHỦ NHÂN TƯƠNG LAI (TUẦN 5 – 8)	92
Bài 1 Trạng nguyên nhỏ tuổi	93
Bài 2 Thư gửi các học sinh	99
Bài 3 Nay em mười tuổi	104

Bài 4	Cậu bé say mê toán học	111
Bài 5	Lớp học trên đường	116
Bài 6	Luật Trẻ em	121
Bài 7	Bức tranh đồng quê	126
Bài 8	Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc	132
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)		137
Tiết 1		137
Tiết 2		139
Tiết 3		140
Tiết 4		141
Tiết 5		142
Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá giữa học kì I		143
Chủ điểm 3 CHUNG SỐNG YÊU THƯƠNG (TUẦN 10 – 13)		144
Bài 1	Tết nhớ thương	144
Bài 2	Mặn mòi vị muối Bạc Liêu	150
Bài 3	Nụ cười mang tên mùa xuân	156
Bài 4	Mùa vừng	162
Bài 5	Trước ngày Giáng sinh	168
Bài 6	Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh	172
Bài 7	Về ngôi nhà đang xây	178
Bài 8	Hãy lắng nghe	184
Chủ điểm 4 CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ (TUẦN 14 – 17)		189
Bài 1	Tiếng rao đêm	189
Bài 2	Một ngày ở Đê Ba	195
Bài 3	Ca dao về lễ hội	200
Bài 4	Ngày xuân Phố Cáo	207
Bài 5	Những lá thư	211
Bài 6	Ngôi nhà chung của buôn làng	216
Bài 7	Dáng hình ngọn gió	221
Bài 8	Từ những cánh đồng xanh	227
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)		233
Tiết 1		233
Tiết 2		234
Tiết 3		235
Tiết 4		236
Tiết 5		237
Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá cuối học kì I		238

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SÁCH *TIẾNG VIỆT 5*, BỘ SÁCH *CHÂN TRỜI SÁNG TẠO*

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn; Những điểm mới của sách; Cấu trúc sách và các bài học; Tổ chức các hoạt động dạy học; Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá, ...* trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể.

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

Để đáp ứng mục đích biên soạn, quan điểm chung về biên soạn sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt* cấp Tiểu học, nhóm tác giả (TG) quan niệm SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* cần dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên, gần gũi với đời sống thực, hấp dẫn, khơi gợi được hứng thú của học sinh (HS) thông qua hệ thống ngữ liệu và cách khai thác phù hợp.

1.1. Yêu cầu của việc bảo đảm quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

Nhóm TG quan niệm SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa chương trình (CT), SGK với cách thức học tập, khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; (2) Sự phù hợp với các đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật, tự nhiên giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

1.1.1. Quan điểm giao tiếp

Để đảm bảo quan điểm giao tiếp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* tuân thủ sáu vấn đề sau:

1. Tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS.
2. Tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp.
3. Tổ chức bài học thành hệ thống hoạt động/ bài tập (BT).
4. Dạy học các kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS.
5. Công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS.
6. Ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn việc dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

1.1.2. Quan điểm tích hợp

Để đảm bảo quan điểm tích hợp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 5* tuân thủ năm vấn đề sau:

1. Tích hợp dạy học bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.
2. Tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng các phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
3. Tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách.
4. Tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy.
5. Tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác (Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương, Tin học, Công nghệ,...).

1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

1.2.1. Quan điểm giao tiếp và tích hợp được thể hiện qua việc biên soạn các bài học

a. SGK *Tiếng Việt 5* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như các kiến thức về tiếng Việt, văn học được rèn luyện và phát triển.

b. SGK *Tiếng Việt 5* tạo cơ sở để GV thực hiện hoạt động liên kết các hành vi ngôn ngữ; khai thác đa phương thức trong dạy học – sách tạo điều kiện để GV tổ chức cho HS thực hiện đồng thời nhiều hoạt động – việc sử dụng văn bản đa phương thức trong dạy học giúp HS tiếp thu kiến thức và phát triển các kĩ năng hiệu quả hơn. Ví dụ (VD): Việc dạy đọc kết nối với việc tổ chức các hoạt động giúp HS nhận thức về các hành vi ngôn ngữ có trong văn bản, để từ đó HS có thể vận dụng vào việc tạo lập ngôn bản/ văn bản; hoặc hoạt động dạy viết mà sách thể hiện cũng sẽ giúp GV tổ chức kết hợp rèn luyện nhiều kĩ năng đồng thời (nhìn, nghe, đọc, vận động,...).

c. SGK *Tiếng Việt 5* liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ điểm của bài học.

Chủ điểm kết nối nội dung các ngữ liệu dùng cho đọc, viết, nói và nghe.

Hoạt động tổ chức cho HS tiếp cận thể loại văn bản (hình thức) được thực hiện gắn kết với hoạt động tổ chức chiếm lĩnh nội dung của văn bản. Đây là cơ sở để tạo liên kết về nội dung: các BT, các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đều có nội dung gắn với chủ điểm của văn bản tập đọc, các hoạt động tổ chức khai thác, vận dụng ý tưởng, sự hiểu biết từ BT đọc sang BT nói, viết.

Trường liên tưởng được sách chú ý thể hiện xuyên suốt. GV có thể khai thác qua việc dạy học các đơn vị kiến thức, vì khi các thông tin được xử lí một cách kĩ lưỡng (gắn với những kinh nghiệm sống, hiểu biết của HS được liên kết chặt chẽ với nhau theo trường nghĩa) sẽ giúp quá trình ghi nhớ của HS trở nên có ý nghĩa; giúp HS thấy mục đích của việc học và giúp hình thành động cơ học tập tích cực ở HS.

d. SGK *Tiếng Việt 5* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản:

- Văn bản thông tin khoa học thường thức;
- Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên;
- Văn bản giới thiệu (giới thiệu sách, phim);
- Văn bản hành chính (báo cáo công việc, chương trình hoạt động có sử dụng bảng biểu,...).

Các thể loại văn bản trên góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản bên cạnh văn bản văn chương.

Đồng thời sách chú ý đến việc khai thác các hiểu biết về đề tài, nội dung, thể loại văn bản, hành động ngôn ngữ của văn bản HS đọc hiểu sang ngôn bản/ văn bản HS tạo lập (nói, viết).

Mặt khác, sách cũng chú ý tới việc tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với các môn học khác trong CT như: *Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tin học, Công nghệ, ...*

e. SGK *Tiếng Việt 5* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc, viết và vận dụng các điều đã học để nói, viết. Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Ngoài ra, SGK *Tiếng Việt 5* cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng (ĐMR) theo tiến trình hợp lí, giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS ĐMR một cách có hiệu quả. Theo mô hình trục kĩ năng, các lĩnh vực kiến thức, đơn vị kiến thức và kĩ năng trọng tâm được *Tiếng Việt 5* thiết kế theo dạng vòng xoáy đồng tâm, triển khai và lặp lại để củng cố và nâng cao theo chủ điểm (được mở rộng, nâng cao từ các lớp dưới trong toàn bộ cấp học).

1.2.2. Theo định hướng đổi mới được quy định trong CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm.

Các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà với các nội dung bài học.

Mặt khác, các nội dung về giáo dục bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài đọc, viết, nói và nghe,...

Bên cạnh đó, những hình ảnh về HS dân tộc thiểu số, HS có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nhu cầu đặc biệt,... được cân nhắc, cài đặt nhẹ nhàng qua một số bài đọc (*Cậu bé say mê toán học; Một ngày ở Đê Ba; Ngôi nhà chung của buôn làng; Điều kì diệu dưới những gốc anh đào; Sự tích con Rồng cháu Tiên; Bài ca Trái Đất*,...), vẫn đảm bảo giữ được màu sắc trong trẻo, hồn nhiên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, tâm lí nhận thức, tâm lí phát triển của HS lớp Năm ở mọi vùng miền đất nước.

Đặc biệt, các chủ điểm của sách *Tiếng Việt 5* được kế thừa và phát triển trên cơ sở SGK *Tiếng Việt 1*, SGK *Tiếng Việt 2*, SGK *Tiếng Việt 3* và SGK *Tiếng Việt 4*. Sự kế thừa này thể hiện rõ nguyên tắc đồng tâm xuyên suốt bộ sách, đồng thời tạo điều kiện giúp GV và HS sử dụng sách *Tiếng Việt 5* hiệu quả hơn.

1.2.3. SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Các kí hiệu dùng trong sách được thiết kế trên cơ sở gắn với hình ảnh của HS và sử dụng một số kí hiệu đã dùng trong sách *Tiếng Việt CT* giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2006 và sách *Tiếng Việt 4* (như kí hiệu *Giải nghĩa từ*, kí hiệu *Câu hỏi, bài tập*; kí hiệu *Mẫu*; kí hiệu *Ghi nhớ*; kí hiệu *Tự học*;...). Bộ kí hiệu có tác dụng “phạm trù hoá” các hoạt động vào từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, đồng thời giúp tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS.

SGK *Tiếng Việt 5* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, tạo hứng thú cho HS. Vấn đề trường nhìn trong các văn bản đọc đều được chú ý thiết kế để phù hợp với trường nhìn của HS, giúp HS nâng cao tốc độ đọc và khả năng đọc hiểu.

Kèm với SGK là SGV gồm phần giới thiệu chung, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và cách thiết kế *Kế hoạch bài dạy* (KHBD) ở từng bài học cụ thể mà sách học sinh (SHS) đã hiện thực hoá, cụ thể hoá CT.

Đồng thời, SGK *Tiếng Việt 5* còn gồm vở bài tập (VBT) (bao gồm các nội dung luyện từ và câu, ĐMR, luyện viết,...) để giúp HS rèn luyện, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5

2.1. Tiếp nối Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3 và Tiếng Việt 4

Các đặc điểm về cấu trúc, nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lí giáo dục đã được khẳng định ở *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2*, *Tiếng Việt 3* và *Tiếng Việt 4*.

Chẳng hạn cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lí dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lí học hiện đại, tâm lí học nhận thức, tâm lí học ngôn ngữ của trẻ em trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế BT.

Từng ngữ liệu của bài đọc và BT đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lí giáo dục. Nội dung giáo dục HS ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức về quê hương,

đất nước, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình,... luôn được chú trọng và cài đặt hài hoà với các nội dung rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm và theo trình tự

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế theo mạch chủ điểm liên quan đến năm nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh HS. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Nhà trường
- ♦ Thiên nhiên và môi trường
- ♦ Quê hương, đất nước, thế giới

Không chỉ hoạt động đọc hiểu, mở rộng vốn từ (MRVT) mà tất cả các hoạt động dạy học như: *Viết* (đoạn văn, bài văn), *Nói và nghe* (giới thiệu, thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác biệt,...),... cũng gắn bó chặt chẽ với năm mạch nội dung trên và với từng chủ điểm. Chẳng hạn, yêu cầu “Viết bài văn miêu tả phong cảnh” mà CT đề ra gắn với mạch nội dung *Thiên nhiên và môi trường; Quê hương, đất nước, thế giới;...*

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với các chủ điểm, nội dung của các môn học khác. Chẳng hạn, SGK các môn *Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mỹ thuật, Âm nhạc*,... đều có các mạch chủ điểm lớn tương tự và gần như song hành về thời điểm được học. Các bài đọc của các văn bản thông tin cho các mạch nội dung xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm*; hoặc nội dung giáo dục đạo đức, nhân cách trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mỹ thuật, Âm nhạc*,...

2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng theo một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kĩ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết phần bài học và phần thực hành – luyện tập – vận dụng, giữa các tuần trong một mạch nội dung và giữa các nội dung lớn với nhau. Giáo dục HS từ việc biết yêu quý với những gì gần bó, gần gũi, thân quen đến yêu quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc và hướng ra thế giới.

2.4. Thiết kế các kĩ năng theo trình tự hợp lí

Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận nhằm đảm bảo tính tiên trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng, độ khó.

Kĩ năng viết được thiết kế từ nhận diện thể loại (cấu trúc, nội dung, kĩ thuật viết,...) → phân tích yêu cầu của đề bài để xác định nội dung viết (trả lời câu hỏi *Viết về cái gì?*) → quan sát và tìm tư liệu để viết (quan sát trực tiếp, gián tiếp; chọn vị trí, thời điểm quan sát; sử dụng giác quan,...) → dựng đoạn (hình thành ý chính cho đoạn, phát triển ý,

viết đoạn) → viết bài (liên kết đoạn; chỉnh sửa bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả;... để hoàn chỉnh bài viết) → trả bài (hoàn thiện bài viết trên cơ sở đánh giá của bạn và GV). Trong đó, một số kĩ năng được kế thừa và phát triển mạch đã triển khai ở lớp Hai, lớp Ba và lớp Bốn; lên lớp Năm, các kĩ năng này được cài đặt nâng cao qua hệ thống BT phù hợp với các chủ điểm cũng như giai đoạn của từng học kì.

Hoạt động ĐMR được bắt đầu từ nêu tên văn bản, tên TG, nguồn, chi tiết thích nhất đến việc nêu nội dung, bài học được rút ra, đánh giá về bài/ truyện đọc; từ chia sẻ với bạn đến việc biết hỏi lại điều mình chưa rõ; từ việc viết *Nhật kí đọc sách* kết hợp lúc đọc sách đến việc chia sẻ trong giờ ĐMR trên lớp; từ tìm đọc trong sách, báo đến tìm đọc trên internet,... đều thể hiện được trình tự hợp lí của hoạt động nhận thức cũng như hoạt động rèn luyện kĩ năng.

2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kĩ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; mỗi kĩ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kĩ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kĩ năng ngôn ngữ.

Chẳng hạn, đối với kĩ năng nói và nghe, nhóm TG chủ đích sắp xếp nội dung đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Mỗi yêu cầu như *biết dựa trên gợi ý để giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi; thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; ...* đều được hình thành kĩ năng theo các bước:

Bước 1: Xác định yêu cầu nói (chọn yêu cầu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Năm, gắn với văn bản đọc hoặc gắn gũi với cuộc sống của HS,...).

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, tìm ý và phát triển nội dung cho bài nói.

Bước 3: Thực hành nói trong nhóm (trên cơ sở nội dung đã chuẩn bị), nghe nhận xét, đánh giá để chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói (về nội dung, hình thức,...).

Bước 4: Thực hành nói trước lớp (dựa trên kết quả nói trong nhóm).

Bước 5: Đánh giá (tiến hành ở các giai đoạn học tập khác nhau với các hình thức đánh giá đa dạng).

3. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CÁC BÀI HỌC

3.1. Cấu trúc chung của sách

Theo quy định của CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 245 tiết; chia thành hai tập:

– Tập một có 4 chủ điểm, tương ứng với 16 tuần học và 2 tuần ôn tập, đánh giá định kì.

– Tập hai có 4 chủ điểm tương ứng với 15 tuần học (chủ điểm 8 gồm 3 tuần) và 2 tuần ôn tập, đánh giá định kì.

3.1.1. Cấu trúc chủ điểm

– Về thời lượng:

Mỗi chủ điểm gồm 4 tuần học, mỗi tuần 7 tiết, mỗi buổi/ ngày 1 – 2 tiết, có thể xếp linh hoạt vào các buổi/ ngày học chính khoá. Ngoài ra, các trường có thể xếp thêm 1 – 2 tiết ôn luyện Tiếng Việt mỗi tuần tạo điều kiện cho HS luyện đọc, viết và làm BT để củng cố các kĩ năng đã học và MRVT.

– Về số bài và kiểu bài:

Mỗi chủ điểm có 8 bài đọc hiểu kèm theo các nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mỗi bài học đều bắt đầu bằng hoạt động *Khởi động* và kết thúc bằng hoạt động *Vận dụng*.

– Về loại thể văn bản:

Mỗi chủ điểm có 8 văn bản, trong đó tỉ lệ giữa văn bản thơ, truyện, miêu tả và thông tin luôn được chú trọng, đảm bảo tính cân đối, hài hoà theo yêu cầu của CT và được bố trí nhất quán suốt hai tập sách:

- + Văn bản truyện: bài 1 và bài 5 + Văn bản thông tin (hoặc miêu tả): bài 2 và bài 6
- + Văn bản thơ: bài 3 và bài 7 + Văn bản miêu tả (hoặc thông tin): bài 4 và bài 8

	CHỦ ĐIỂM	TUẦN	TÊN CHỦ ĐIỂM	GHI CHÚ
TẬP 1 (18 tuần)	1	1, 2, 3, 4	Khung trời tuổi thơ	18 tuần cho 4 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	2	5, 6, 7, 8	Chủ nhân tương lai	
		9	Ôn tập, đánh giá giữa học kì I	
	3	10, 11, 12, 13	Chung sống yêu thương	
	4	14, 15, 16, 17	Cộng đồng gắn bó	
		18	Ôn tập, đánh giá cuối học kì I	
TẬP 2 (17 tuần)	5	19, 20, 21, 22	Giữ mãi màu xanh	17 tuần cho 4 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	6	23, 24, 25, 26	Đất nước ngàn năm	
		27	Ôn tập, đánh giá giữa học kì II	
	7	28, 29, 30, 31	Khúc ca hoà bình	
	8	32, 33, 34	Chân trời rộng mở	
		35	Ôn tập, đánh giá cuối năm học	

Sự phân bố và tỉ lệ thể loại văn bản vừa nêu trên cũng tiếp nối nhất quán với *Tiếng Việt 1 (Phần Luyện tập tổng hợp)*, *Tiếng Việt 2*, *Tiếng Việt 3* và *Tiếng Việt 4*.

3.1.2. Cấu trúc bài học

Vừa tạo ra sự khác biệt với SGK *Tiếng Việt 2* và SGK *Tiếng Việt 3*, vừa tiếp nối với SGK *Tiếng Việt 4*, mỗi chủ điểm ở SGK *Tiếng Việt 5* được thiết kế gồm 8 bài học, mỗi bài học được thiết kế gồm 3 hoạt động chính: *Khởi động*, *Khám phá* và *luyện tập*, *Vận dụng*.

3.1.2.1. Cấu trúc chung

◆ Phần 1: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu mỗi bài học là hoạt động *Khởi động* nhằm kết nối trải nghiệm của người học với bài học và văn bản đọc.

– Phần *Khởi động* gồm (các) câu lệnh và thường kèm tranh ảnh, từ ngữ gợi ý,... để khơi gợi hứng thú cho HS, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ đã có. Các hoạt động được tổ chức chủ yếu thông qua hoạt động nói, trao đổi, chia sẻ, hướng tới hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác.

◆ Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① Đọc

* Đọc văn bản

– Văn bản đọc và tranh minh hoạ:

+ Phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc (nếu có) được trình bày dưới phần *Khởi động*.

+ Kèm theo phần văn bản đọc có thể có phần giải nghĩa từ khó, vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc thành tiếng, vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc (một số từ ngữ khó gắn với ngữ cảnh được chú giải trong SGK).

– Câu hỏi, bài tập:

Sau phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc là *Câu hỏi, bài tập* hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung; câu hỏi đọc hiểu hình thức và câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối cùng với yêu cầu học thuộc lòng (văn bản thơ và một số văn bản văn xuôi miêu tả).

* **ĐMR**: Hoạt động **ĐMR** xuất hiện ở bài 3 và bài 7, trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc nhằm hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm đọc thêm các văn bản văn học (truyện/ kịch, thơ, văn xuôi miêu tả) và văn bản thông tin, nội dung gắn với chủ điểm đang học.

② Nói và nghe

Hoạt động *Nói và nghe* xuất hiện ở bài 2 và bài 6, ngay sau hoạt động đọc, gồm:

– Các BT rèn luyện kĩ năng nói, nói và nghe tương tác gắn với nội dung chủ điểm.

– Các BT rèn luyện kỹ năng giới thiệu về một di tích lịch sử, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

– Các BT rèn luyện kỹ năng nghe – ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

– Các BT rèn luyện kỹ năng thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác biệt.

③ Luyện từ và câu

Hoạt động *Luyện từ và câu* xuất hiện ở bài 1, bài 3, bài 4, bài 5, bài 7 và bài 8, gồm các BT, câu hỏi để rèn luyện kỹ năng sử dụng từ, viết câu theo yêu cầu cần đạt của CT.

④ Viết (đoạn văn, bài văn)

Hoạt động *Viết* xuất hiện ở tất cả các bài học, với hệ thống BT nhận diện thể loại, tìm ý, viết, trả bài viết.

◆ Phần 3: VẬN DỤNG

Phần *Vận dụng* nhằm giúp HS vận dụng những nội dung đã học vào môn Tiếng Việt và các môn học khác, đặc biệt vào thực tế đời sống, kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với những hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, đọc thơ, đóng vai, hát,... Việc tích hợp ngôn ngữ với vận động, âm nhạc,... trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng sẽ tạo thêm một cơ hội để HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Hoạt động *Vận dụng* chủ yếu hướng tới hình thành năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HS có thể thực hiện cùng bạn hoặc người thân, ở trong hoặc ngoài nhà trường. Nếu có yêu cầu thực hiện cùng người thân, GV hướng dẫn thực hiện và có thể tổ chức cho HS tập dượt trước bằng cách thực hiện cùng bạn ở lớp vào cuối tiết – nếu còn thời gian.).

3.1.2.2. Các mục trong một bài học

Bài 1, bài 5: (4 tiết)	Bài 2, bài 6: (3 tiết)
(1) Khởi động	(1) Khởi động
(2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản truyện) – Luyện từ và câu – Viết	(2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản thông tin hoặc văn bản miêu tả) – Nói và nghe – Viết
(3) Vận dụng: Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống	(3) Vận dụng: Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống
Bài 3, bài 7: (4 tiết)	Bài 4, bài 8: (3 tiết)
(1) Khởi động	(1) Khởi động

(2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản thơ) + ĐMR – Luyện từ và câu – Viết	(2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản miêu tả hoặc văn bản thông tin) – Luyện từ và câu – Viết
(3) Vận dụng: Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống	(3) Vận dụng: Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống

3.2. Ngữ liệu

3.2.1. Ngữ liệu dạy đọc

3.2.1.1. Văn bản văn học

Tỉ lệ khoảng 75%, gồm các văn bản văn chương dùng làm ngữ liệu cho hoạt động đọc hiểu (và gợi ý cho hoạt động ĐMR) bao gồm: truyện (truyện cổ, truyện đồng thoại, truyện hiện đại, truyện viễn tưởng,...)/ kịch, thơ, văn miêu tả (bài văn). Văn bản văn học được chọn lọc, sử dụng tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Hoài Dương, Xuân Quỳnh, Định Hải, Tố Hữu, Bằng Sơn, Trương Nam Hương, Đỗ Bích Thủy, Hoài Khánh, Bảo Ngọc, Nguyễn Lâm Thắng,... Nhóm TG cũng chọn lọc đưa vào một số tác phẩm của các nhà văn trẻ như Đoàn Văn Mật, Lữ Mai, Võ Thu Hương, Hữu Vi,... Ngoài ra, nhóm TG cũng chú ý đến việc lựa chọn đưa vào sách một số tác phẩm văn học nước ngoài của các TG nổi tiếng như Ai-ma-tốp (Ajmatov), Lô-ra Inh-gan Oai-đơ (Laura Ingalls Wilder),... do các dịch giả có uy tín như Phạm Mạnh Hùng, Lưu Diệu Vân,... dịch.

3.2.1.2. Văn bản thông tin

Tỉ lệ khoảng 25% dành cho văn bản thông tin (bài đọc) gồm văn bản thông tin khoa học thường thức, văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu, văn bản hành chính (báo cáo công việc, tin tức, thư từ, báo cáo, chương trình hoạt động có sử dụng bảng biểu,...),... Các văn bản đều được lựa chọn từ các nguồn đáng tin cậy như sách khoa học thường thức, truyện danh nhân,... hoặc các trang thông tin chính thức của các cơ quan, tổ chức,... Để phù hợp với việc dạy đọc, một số văn bản thông tin như văn bản giới thiệu, chương trình hoạt động có sử dụng bảng biểu,... được lồng ghép trong quá trình dạy nói và nghe, viết đoạn văn, bài văn hay hoạt động vận dụng.

3.2.2. Ngữ liệu dạy các nội dung khác

Ngữ liệu dùng để dạy viết, nói và nghe cũng như dùng để dạy luyện từ và câu cũng được chọn lọc một cách nghiêm túc, cẩn trọng từ các tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Tố Hữu, Bằng Sơn, Vũ Tú Nam, Tô Hoài, Đoàn Giỏi, Võ Quảng, Xuân Quỳnh, Trần Đăng Khoa, Ngô Quân Miện, Nguyễn Trọng Tạo,...

Ngoài các tác phẩm văn học viết, các TG còn chọn lọc thêm một số tác phẩm văn học dân gian như ca dao, đồng dao, vè,...

3.2.3. Phân bố văn bản trong một chủ điểm

Mỗi chủ điểm gồm 8 văn bản được nhóm TG sắp xếp theo thứ tự: văn bản truyện, văn bản thông tin, văn bản thơ, văn bản miêu tả (chu kì này được lặp lại hai lần). Ở một số bài, văn bản thông tin được thay bằng văn bản miêu tả và ngược lại. Tỷ lệ này được kiểm soát ở phần đọc hiểu và cả phần ĐMR.

Tuy nhiên, để phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí – nhận thức của HS lớp Năm, ngôn ngữ, cách diễn đạt ở các văn bản cung cấp thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu không “thuần túy” theo logic rõ ràng và chặt chẽ về thể loại văn bản khoa học.

3.3. Nội dung dạy học

Trên cơ sở nội dung và yêu cầu cần đạt CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn quy định đối với lớp Năm, SGK *Tiếng Việt 5*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các mạch chính: đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học và ôn tập, kiểm tra.

3.3.1. Đọc

3.3.1.1. Đọc thành tiếng và đọc hiểu

Mỗi bài đọc được thiết kế gồm văn bản đọc, tranh minh hoạ, giải nghĩa từ, câu hỏi, BT đọc hiểu.

Dựa vào yêu cầu của CT về số chữ đối với từng thể loại văn bản, nhóm TG đã chia thành các “chặng”, tăng dần độ dài văn bản trên cơ sở tiếp nối lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn và đảm bảo đạt số chữ CT quy định vào cuối năm học.

Về nội dung câu hỏi, BT, nhóm TG chú trọng đến dạng câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối, câu hỏi gắn với đặc trưng thể loại nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu cho HS.

Về hình thức câu hỏi, BT, nhóm TG cũng lưu ý tăng cường hình thức trắc nghiệm bên cạnh hình thức tự luận (ưu tiên dạng câu hỏi tự luận để phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Năm). Đặc biệt, một số câu hỏi được gợi ý dưới dạng kênh hình nhằm hỗ trợ HS lựa chọn đáp án hoặc nói câu trả lời.

3.3.1.2. Đọc mở rộng

Thể loại, nội dung văn bản đọc cũng như yêu cầu ĐMR cũng được tính toán đảm bảo yêu cầu về kĩ năng tăng dần qua các “chặng”.

Đặc biệt, ở mỗi thể loại văn bản, nhóm TG có thiết kế một số gợi ý về cách tìm văn bản, cách đọc, cách ghi chép *Nhật kí đọc sách*, nội dung trao đổi với bạn sau khi đọc,... như một hình thức gợi ý, hướng dẫn cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động ĐMR ở từng bài học.

3.3.2. Viết

3.3.2.1. Viết (kỹ thuật)

Theo CT giáo dục phổ thông 2018, ở lớp Năm, nội dung dạy viết kỹ thuật chỉ có “Biết viết hoa danh từ chung trong một số trường hợp đặc biệt khi muốn thể hiện sự tôn kính” và “Biết viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài”. Hai yêu cầu này được tích hợp trong các nội dung *Luyện từ và câu*.

3.3.2.2. Viết (đoạn văn, bài văn)

Theo CT giáo dục phổ thông 2018, ở lớp Năm, nội dung dạy viết đoạn văn, bài văn gồm:

- Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo;
- Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả;
- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện;
- Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống;
- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ);
- Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

Về thể loại, một số kiểu bài như viết bài văn kể chuyện; viết bài văn miêu tả; viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc;... HS đã được học ở các lớp dưới với một vài dạng cụ thể. Một số kiểu bài như viết đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống; viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem;... HS được học mới.

Về kĩ năng, yêu cầu viết đoạn văn, bài văn HS đã được hình thành ở lớp Ba và lớp Bốn.

Để khai thác được tối đa những kĩ năng viết đoạn văn, bài văn HS đã được hình thành ở các lớp dưới, sách thiết kế đủ các nội dung, đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT, đồng thời sắp xếp theo trình tự rèn luyện kĩ năng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp với các đề bài gần gũi, quen thuộc, gắn với chủ điểm, văn bản đọc và với thực tiễn cuộc sống, học tập của HS.

3.3.3. Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt về kĩ năng nói và nghe theo yêu cầu của CT được hình thành thông qua một số hoạt động/ dạng BT:

- Nói nghe tương tác được thiết kế ở hoạt động khởi động của tất cả các bài. HS được nói, trao đổi, chia sẻ dựa trên kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ về một vấn đề liên quan tới nội dung bài đọc để dẫn vào bài;

– Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi;

– Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác;

– Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại;

– Ôn luyện lại một số nghi thức lời nói đã được hình thành ở lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn trong quá trình hình thành kĩ năng nói và nghe hoặc ở hoạt động vận dụng,...

Ngoài ra, nhóm TG cũng thiết kế dạng bài nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (VD: *tranh ảnh, sơ đồ,...*) gắn với chủ điểm.

Mỗi hoạt động/ dạng BT được thiết kế lặp lại từ 2 – 3 lần để đáp ứng yêu cầu hình thành kĩ năng. Ngữ cảnh nói đa số gắn với chủ điểm, văn bản đọc, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn hoặc gắn với thực tiễn cuộc sống. Hình thức tổ chức hoạt động nói và nghe phong phú, đa dạng.

3.3.4. Kiến thức tiếng Việt, văn học

3.3.4.1. Kiến thức tiếng Việt

Kiến thức tiếng Việt được dạy thông qua việc hình thành các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

– Ngữ âm và chữ viết:

+ Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

+ Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

– Từ vựng:

+ Vốn từ theo chủ điểm.

+ Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

+ Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng.

+ Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”.

+ Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng.

+ Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản.

– Ngữ pháp:

+ Đại từ và kết từ: đặc điểm và chức năng.

+ Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng.

+ Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng).

– Hoạt động giao tiếp:

+ Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng.

+ Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng.

+ Kiểu văn bản và thể loại.

– Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

Các nội dung trên đều được kết hợp hài hoà, chặt chẽ với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Các khái niệm được hình thành cho HS thông qua hoạt động phân tích mẫu, tạo điều kiện cho HS vận dụng, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp để giải quyết vấn đề, từ đó, tiếp nhận kiến thức mới một cách tự nhiên, nhẹ nhàng.

Mỗi mạch kiến thức được dạy lặp lại có chủ đích với hệ thống BT được thiết kế từ dễ đến khó. Hình thức BT đa dạng, chú trọng cho HS chủ động thực hành và vận dụng.

3.3.4.2. Kiến thức văn học

HS được học các kiến thức về *chủ đề; kết thúc câu chuyện; chuyện có thật và chuyện tưởng tượng; chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hình ảnh trong thơ; nhân vật trong văn bản kịch và lời thoại* thông qua các hoạt động như trả lời câu hỏi đọc hiểu, ĐMR, nói và nghe tương tác,...

3.4. Hình thức trình bày sách

Như đã trình bày ở phần cấu trúc bài học, để tránh lúng túng trong việc phân định hoạt động *Khám phá* và hoạt động *Luyện tập*, nhóm TG chọn giải pháp gộp chung hai hoạt động này và gọi là *Khám phá và luyện tập*. Vì vậy, SGK Tiếng Việt 5, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các hoạt động theo ba nhóm chính: *Khởi động, Khám phá và luyện tập, Vận dụng*. Nhóm hoạt động *Khám phá và luyện tập* bao gồm các hoạt động được nhận diện bằng các kí hiệu: kí hiệu *Đọc*, kí hiệu *Luyện từ và câu*, kí hiệu *Nói và nghe*, kí hiệu *Viết*. Ngoài ra, sách sử dụng thêm sáu kí hiệu: kí hiệu *Cùng sáng tạo*; kí hiệu *Giải nghĩa từ*, kí hiệu *Câu hỏi, bài tập*; kí hiệu *Mẫu*; kí hiệu *Ghi nhớ*; kí hiệu *Tự học*.

Nhóm TG cố gắng kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình, vừa đảm bảo yêu cầu đọc hiểu văn bản đa phương thức vừa giúp trang sách thoáng, đẹp, hấp dẫn HS.

Mỗi tập sách gồm: *Bảng kí hiệu dùng trong sách, Lời nói đầu, Mục lục* và các bài học được sắp xếp theo chủ đề. Cuối sách là *Một số thuật ngữ dùng trong sách, Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Do đặc điểm của nội dung dạy học *Tiếng Việt 5*, ở phần *Hướng dẫn chung*, tài liệu trình bày: (1) Gợi ý tổ chức dạy học bài học mới; (2) Gợi ý tổ chức dạy học bài ôn tập, đánh giá định kì.

Kiểu bài học mới hay bài ôn tập, đánh giá định kì đều có yêu cầu cần đạt. Yêu cầu cần đạt là kết quả HS đạt được trong và sau mỗi bài học. Yêu cầu cần đạt của từng bài học, tiết học được trình bày trong các bài soạn ở cuốn sách này được TG biên soạn thiết kế theo *yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe* cho HS lớp Năm mà CT đã nêu. Do đó, bên cạnh việc dựa vào các bài học ở SHS, dựa vào CT, GV cần dựa trên thực tế *phẩm chất, năng lực* của HS để có thể linh hoạt điều chỉnh yêu cầu cần đạt sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy. Chẳng hạn, nếu thực tế HS trên mức chuẩn tối thiểu, thì GV sẽ nâng yêu cầu cần đạt; nếu HS chưa đạt chuẩn tối thiểu, GV sẽ tìm cách điều chỉnh để giúp HS đạt chuẩn tối thiểu.

Để thuận tiện cho GV, phần yêu cầu cần đạt của tài liệu này sẽ được thiết kế theo dạng yêu cầu cần đạt của từng hoạt động. Các yêu cầu cần đạt sẽ được đánh số thứ tự. Về cơ bản, thứ tự của các yêu cầu cần đạt tương ứng với thứ tự của các hoạt động.¹

Để yêu cầu cần đạt ở mỗi chủ điểm, mỗi bài học không gây cảm giác “cồng kềnh”, tránh được sự “trùng lặp nhàm chán”, phần *yêu cầu cần đạt về phẩm chất* như bồi dưỡng ở HS *lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* sẽ được viết ở phần mở đầu mỗi chủ điểm. Cũng nhằm tránh trùng lặp, phần *yêu cầu cần đạt về năng lực chung* như phát triển ở HS *năng lực giao tiếp và hợp tác* qua hoạt động nhóm và cả lớp; *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* qua các hoạt động chính của mỗi bài học (*Khởi động, Khám phá và luyện tập, Vận dụng*); *năng lực tự chủ và tự học* qua hoạt động học cá nhân, được trình bày và được thể hiện tích hợp trong các hoạt động và yêu cầu cần đạt của hoạt động.

1. BÀI MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Dựa vào kết quả của hoạt động khởi động, trao đổi được với bạn về:

- Những nội dung mà tên chủ điểm gợi ra².
- Phỏng đoán về nội dung mà tên bài học và tranh minh họa gợi ra.

2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Thông qua thực hiện các câu hỏi, BT đọc hiểu, hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.

¹ Chọn cách viết yêu cầu cần đạt theo hoạt động, TG nhằm tránh tình trạng trùng lặp trong diễn đạt mà những cách viết khác khó tránh được. Ngoài ra, cách viết này giúp người đọc thấy được các hoạt động cũng như trình tự các hoạt động trong một bài dạy học.

² Hoạt động này chỉ có ở bài 1 của chủ điểm, các bài tiếp theo chỉ khai thác tên bài học – tên văn bản đọc.

3. Tìm đọc một văn bản theo thể loại, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được về văn bản đã đọc (bài 3 và bài 7).

4. Thực hiện được hoạt động nói và nghe (bài 2 hoặc bài 6).

5. MRVT theo chủ điểm (bài 8), kiến thức tiếng Việt (bài 1, bài 3, bài 4, bài 5 và bài 7).

6. Viết được đoạn văn, bài văn về một chủ đề theo gợi ý (ở tất cả các bài học).

7. Thực hành một nội dung vận dụng ngôn ngữ liên quan đến bài học hoặc thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh hoạ.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác, video clip (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi nội dung cần luyện đọc.

– Thẻ từ, thẻ câu hỗ trợ HS tìm từ ngữ, chơi trò chơi,...

– Sách, báo có truyện, bài thơ, bài văn, bài đọc và *Nhật kí đọc sách* cho hoạt động ĐMR¹.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. KHỞI ĐỘNG²

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm (bài 1); HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi – đáp về những sự vật, hiện tượng,... có liên quan theo gợi ý và câu hỏi/ câu lệnh ở phần khởi động.

– HS kết nối sản phẩm của hoạt động khởi động với tên bài và tranh/ ảnh minh hoạ để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc văn bản

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng (đọc đúng)

– HS nghe GV (văn bản văn học) hoặc bạn (văn bản thông tin) đọc mẫu.

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp, kết hợp giải quyết một số nhiệm vụ:

¹ HS tự chuẩn bị văn bản đọc, đọc văn bản, viết *Nhật kí đọc sách* và mang tới lớp theo hướng dẫn của GV ở cuối tiết học trước.

² Tùy thực tế bài học, thực tế HS, GV chủ động tổ chức hoặc không tổ chức việc kiểm tra bài cũ – cho HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ (Việc xác định từ ngữ khó đọc tùy thuộc vào đối tượng HS và tình hình thực tế khi GV tổ chức hoạt động học tập trên lớp. GV có thể dự đoán trước các từ ngữ khó đọc với từng đối tượng/nhóm đối tượng HS trong lớp để chủ động tổ chức hoạt động này. Hoạt động này có thể thực hiện chung trước lớp, cũng có thể thực hiện trong nhóm. Lên lớp Năm, do kĩ năng đọc thành tiếng của HS đã được củng cố, số từ ngữ khó thường có xu hướng giảm, thậm chí nhiều bài đọc không xuất hiện các từ ngữ khó đọc).

+ Luyện cách ngắt nghỉ hơi ở một số câu dài theo logic ngữ nghĩa hoặc biểu cảm.

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc thành tiếng là từ ngữ mới hoặc phương ngữ, nghĩa không phụ thuộc vào ngữ cảnh mà nó xuất hiện. Lên lớp Năm, số từ ngữ khó cần giải nghĩa cũng giảm đáng kể).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc trong SHS (Khi HS trả lời, GV hướng dẫn HS cách nhắc lại một phần câu hỏi kết hợp với ý trả lời, phát triển ý trả lời; khuyến khích HS bày tỏ ý kiến cá nhân ở những câu hỏi vận dụng.); kết hợp giải thích và nghe GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc hiểu là từ mới hoặc từ xuất hiện với nghĩa mới, gần với ngữ cảnh); có thể rút ra ý của từng đoạn.

– HS rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc trên cơ sở tìm hiểu bài dưới sự hướng dẫn của GV.

– HS tự suy nghĩ hoặc thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi kết nối bài đọc với thực tiễn (nếu có).

1.1.3. Luyện đọc lại/ học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn cần luyện đọc lại/ học thuộc lòng (GV đã chọn và ghi bảng phụ).

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn luyện đọc lại hoặc học thuộc lòng theo phương pháp tự nhẩm thuộc, xóa dần hoặc thay từ ngữ bằng hình ảnh,... (GV có thể tổ chức một số hình thức luyện đọc lại như thi đọc cá nhân/ nhóm hoặc đọc phân vai). Khuyến khích HS tự học thuộc lòng đoạn thơ, đoạn văn trên cơ sở đã được rèn luyện kĩ năng học thuộc lòng ở các lớp dưới.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng

1.2.1. Tìm bài đọc và viết Nhật kí đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một văn bản theo hướng dẫn của GV (GV lưu ý giao nhiệm vụ ĐMR cho HS trước ít nhất một tuần, cũng có thể

giao theo chủ điểm để HS chủ động); khuyến khích HS tìm văn bản từ nhiều nguồn khác nhau. Ở những địa phương khó khăn, GV có thể hỗ trợ HS tìm kiếm văn bản đọc từ sách, báo giấy hoặc từ internet. Nội dung văn bản được đề xuất trong SHS chỉ có tính chất gợi ý. Tùy thuộc đối tượng HS và điều kiện thực tiễn địa phương, GV hướng dẫn HS lựa chọn văn bản đọc có số chữ và thể loại theo yêu cầu cần đạt, nội dung gắn với 5 mạch nội dung chính của sách: *Bản thân; Gia đình; Nhà trường; Thiên nhiên và môi trường; Quê hương, đất nước, thế giới*.

- Viết *Nhật kí đọc sách* (có thể dựa vào một số gợi ý trong SHS).
- Trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung văn bản đã đọc.

1.2.2. Chia sẻ về văn bản đọc và Nhật kí đọc sách

- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về văn bản đọc dựa vào nội dung đã đọc hoặc ghi chép ở *Nhật kí đọc sách*. HS có thể đọc hoặc chia sẻ văn bản trong nhóm.
- HS chia sẻ thêm về văn bản đọc dựa vào gợi ý trong SHS.
- Một vài HS chia sẻ *Nhật kí đọc sách* trước lớp hoặc dán *Nhật kí đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.3. Thể hiện nội dung văn bản đọc bằng một hình thức mới

- HS lựa chọn một hình thức mới để thể hiện nội dung văn bản đã đọc dựa vào gợi ý của GV.
- HS chia sẻ trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2.4. Ghi chép và tìm đọc văn bản được bạn chia sẻ

- HS ghi chép lại những nội dung chính hoặc thông tin quan trọng về một văn bản được nghe bạn chia sẻ.
- HS tìm đọc văn bản theo thông tin được chia sẻ hoặc thông tin đã ghi chép.

2. Nói và nghe

- HS xác định yêu cầu của BT, đọc các tình huống và gợi ý, quan sát tranh ảnh minh họa (nếu có).
- HS trả lời một số câu hỏi/ câu lệnh để tìm ý cho bài nói.
- HS nói đơn thoại hoặc tham gia hội thoại trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (tùy vào yêu cầu của BT) nội dung phù hợp với tình huống, có thể kết hợp với ghi chép văn tắt ý kiến của người khác.

- Một số cá nhân hoặc nhóm HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Luyện từ và câu

3.1. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu, đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được và làm BT phát triển để tích cực hoá vốn từ (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu và đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).
- HS xác định thành phần câu/ đặt câu/ lựa chọn dấu câu/ lựa chọn hoặc tìm từ ngữ cần điền/... theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu/ dấu câu/ từ ngữ/... để hoàn thành câu theo yêu cầu BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm của mình.
- HS viết vào VBT nội dung mình đã làm.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Viết (đoạn văn, bài văn)

4.1. Bài tập viết đoạn văn

Bước 1: Nhận diện thể loại thông qua đoạn văn mẫu (phân tích cấu tạo, cách triển khai,...).

Bước 2: Xác định yêu cầu viết (trả lời câu hỏi *Viết về cái gì?*); quan sát, tìm tư liệu viết và hình thành ý chính cho đoạn viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho đoạn viết.

Bước 3: Viết đoạn văn (trên cơ sở ý đã hình thành, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu có mối liên kết với nhau).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện và đánh giá đoạn viết (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

Thực tế, để khai thác triệt để những kỹ năng viết đoạn văn đã hình thành ở các lớp dưới cũng như thể hiện sự phát triển, nâng cao yêu cầu ở lớp trên, ở một số kiểu bài cụ thể đã có sự điều chỉnh tăng, giảm hoặc ghép các bước nêu trên.

4.2. Bài tập viết bài văn

4.2.1. Bài tập viết báo cáo công việc, chương trình hoạt động có sử dụng bảng biểu

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Năm), phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Quan sát, tìm tư liệu viết và hình thành ý chính cho văn bản viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho văn bản viết.

Bước 3: Viết văn bản (trên cơ sở ý đã hình thành).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện và đánh giá văn bản (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

4.2.2. Bài tập viết bài văn kể chuyện, viết bài văn tả người, phong cảnh

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn bài văn mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Năm, hạn chế tối đa việc sử dụng bài văn mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS); phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Quan sát, tìm tư liệu viết.

Bước 3: Hình thành ý chính cho bài văn viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho bài văn.

Bước 4: Viết đoạn văn (đoạn mở bài, đoạn thân bài, đoạn kết bài, đoạn viết thêm,...) trên cơ sở ý đã hình thành, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu có mối liên kết với nhau.

Bước 5: Viết bài văn (trên cơ sở ý đã hình thành và một số đoạn văn đã viết, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các đoạn có mối liên kết với nhau).

Bước 6: Chỉnh sửa, hoàn thiện và đánh giá bài viết (trả bài, nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá để chỉnh sửa bài viết về bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát mẫu và đọc gợi ý, ngữ liệu; quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có), nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động.

– HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.

– HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

Lưu ý: Tùy bài cụ thể, HS có thể thực hiện hoạt động này ở lớp hoặc ở nhà; nếu thực hiện ở lớp, GV tổ chức các hoạt động như vừa nêu. Nếu thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn trước cho HS cách thức thực hiện.

2. BÀI ÔN TẬP, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

Kiểu bài ôn tập, đánh giá định kì gồm ôn tập, đánh giá giữa mỗi học kì và ôn tập, đánh giá cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm đã học trước đó/ các chủ điểm được học trong học kì tương ứng. Đồng thời, ở kiểu bài ôn tập, đánh giá định kì, HS được ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, được củng cố và phát triển các năng lực *tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo*. Thêm vào đó, ở mỗi tuần ôn tập, đánh giá định kì còn có đề đánh giá định kì cho GV tham khảo để tổ chức cho HS ôn tập, đánh giá kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe hoặc thiết kế đề đánh giá định kì.

Nội dung ôn tập giữa và cuối học kì được phân bố theo từng tiết, gồm:

- Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.
- Tiết 2 và tiết 3: Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
- Tiết 4 và tiết 5: Ôn luyện viết đoạn văn, bài văn.
- Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá giữa hoặc cuối học kì:
 - + *Tiết 6*: Kết hợp đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và đánh giá kiến thức tiếng Việt.
 - + *Tiết 7*: Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn hoặc bài văn.

Lưu ý: GV có thể thực hiện đánh giá giữa hoặc cuối học kì theo đề đánh giá định kì gợi ý hoặc có thể thiết kế đề đánh giá định kì dựa vào yêu cầu cần đạt theo các “chặng” phù hợp với KHBD môn học do GV xác định.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm phiếu đọc, ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu trong nhóm 4.
- Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.

2. Chia sẻ về bài đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 + TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ theo chủ đề hoặc kiến thức về từ, câu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Thẻ từ, thẻ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Ôn luyện về câu

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS điền từ ngữ, đặt câu,... theo yêu cầu BT trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT câu/ đoạn theo yêu cầu BT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Khi hướng dẫn HS thực hiện các BT, nhất là các BT đặt câu, viết đoạn văn, viết văn bản, các phỏng đoán khi thực hiện hoạt động đọc hiểu,... GV cần khuyến khích, động viên, khơi gợi để HS mạnh dạn nêu suy nghĩ của mình; tránh việc áp đặt, chỉ trích, chê bai; chỉ uốn nắn nếu lời nói, viết của HS vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

TIẾT 4 + TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn, bài văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS xác định yêu cầu và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý cho bài viết.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 + TIẾT 7

ĐÁNH GIÁ GIỮA HOẶC CUỐI HỌC KÌ

Bài đánh giá giữa hoặc cuối học kì thiết kế dưới dạng đề đánh giá để GV tham khảo, gồm các nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và đánh giá kĩ năng viết đoạn văn, bài văn. Nội dung này được gợi ý thực hiện trong 2 tiết, bám sát theo chuẩn yêu cầu cần đạt mà CT đã đề ra. GV có thể thiết kế dưới dạng đề đánh giá định kì hoặc sử dụng VBT cho HS luyện tập.

C. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

Căn cứ vào Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định đánh giá HS Tiểu học ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để thực hiện việc đánh giá phẩm chất, năng lực của HS, GV căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và kết quả đánh giá định kì (chủ yếu dựa vào kết quả đánh giá thường xuyên, kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì chỉ mang tính chất tham khảo).

Để thực hiện việc *đánh giá thường xuyên* phẩm chất, năng lực của HS, GV có thể nhận xét bằng lời hoặc viết. Cơ sở để nhận xét là nội dung kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cần hình thành, rèn luyện và phát triển (có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt cụ thể về các mạch kiến thức và kĩ năng để chia yêu cầu đánh giá thành các “chặng”). Lời nhận xét phải gồm phần HS đã đạt được, chưa đạt được và hướng khắc phục. GV nên có *Nhật kí đánh giá thường xuyên* để ghi chép lại mức độ đáp ứng cùng những thay đổi tích cực/ hạn chế và quá trình rèn luyện, phấn đấu của HS để phục vụ quá trình đánh giá.

Đồng thời với hoạt động GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn HS *tự đánh giá* và *đánh giá đồng đẳng* (đánh giá lẫn nhau) qua các việc như: (1) Giúp HS hiểu mục đích,

ý nghĩa của hoạt động tự đánh giá và đánh giá bạn; (2) Cung cấp cho HS các nội dung cần đánh giá; (3) Hướng dẫn HS cách đánh giá; (4) Làm mẫu cho HS; (5) Cung cấp cho HS một số biểu mẫu.

Ngoài ra, GV cũng cần hướng dẫn *phụ huynh tham gia vào quá trình đánh giá con em* thông qua các phiếu đánh giá, phiếu dặn dò,... hay khuyến khích HS thực hiện hoạt động tự học ở nhà bằng nhiều hình thức như: kể lại câu chuyện đã học, đọc bài làm,... cho bố mẹ nghe; nhờ/ mời bố mẹ cùng tham gia thực hiện các hoạt động như ĐMR trên internet,... GV nên trao đổi với phụ huynh trong cuộc họp đầu năm, gửi cho phụ huynh phiếu đánh giá thường xuyên; phiếu đánh giá cuối tháng, cuối kì và hướng dẫn phụ huynh phối hợp với GV để có được đánh giá về HS một cách khách quan và chính xác nhất.

Để thực hiện việc *đánh giá định kì* phẩm chất, năng lực của HS, GV cần: (1) Lập bảng hệ thống hoá các đơn vị kiến thức, kĩ năng; (2) Lập bảng ma trận các đơn vị kiến thức, kĩ năng, yêu cầu cần đạt; (3) Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì; (4) Tổ chức đánh giá (viết định kì).

2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN

2.1. Đánh giá hoạt động đọc

Có hai nội dung đánh giá: đánh giá đọc thành tiếng và đánh giá đọc hiểu.

*** Về đọc thành tiếng:** GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹/ tổng số tiếng, số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi logic và biểu cảm.

(4) Ngữ điệu đọc phù hợp, nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, phân biệt giọng của người dẫn chuyện với các nhân vật ở văn bản truyện.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 90 – 95 chữ (học kì I); 95 – 100 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng trong thời gian 60 giây và trả lời câu hỏi đọc hiểu liên quan tới nội dung đoạn đọc.

*** Về đọc hiểu:** GV cần đánh giá các khả năng:

– Với văn bản văn học:

(1) Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

(2) Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

(3) Hiểu chủ đề của văn bản.

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

(4) Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

(5) Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

(6) Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

(7) Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

(8) Tìm được cách kết thúc khác cho câu chuyện.

(9) Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.

– Với văn bản thông tin:

(1) Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.

(2) Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

(3) Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

(4) Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản chương trình hoạt động.

(5) Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

(6) Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

(7) Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

(8) Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 300 – 330 chữ (truyện), 200 – 230 chữ (miêu tả), 110 – 120 chữ (thơ), 200 chữ (thông tin) ở cuối học kì I; khoảng 330 – 350 chữ (truyện), 230 – 250 chữ (miêu tả), 120 – 130 chữ (thơ), 230 chữ (thông tin) ở cuối học kì II, cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

2.2. Đánh giá hoạt động viết

GV đánh giá hoạt động viết của HS dưới các hình thức như:

– Viết câu theo mẫu, viết câu theo yêu cầu khác (có từ ngữ, hình ảnh so sánh,...).

– Điền phần thông tin còn trống dựa vào từ ngữ/ vế câu cho trước, viết câu mở/ câu kết cho đoạn văn, viết đoạn mở/ đoạn kết cho bài văn, viết đoạn hội thoại,...

– Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.

– Viết tự do: Với kĩ năng viết này, GV cần đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích, giúp trẻ phát huy trí tưởng tượng và mạnh dạn thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân (với CT lớp Năm, yêu cầu này HS được làm quen chủ yếu ở hoạt động viết *Nhật kí đọc sách*).

Lưu ý:

- ① Tránh quá chú trọng đánh giá lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- ② GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: *độc giả, người trợ giúp, người đánh giá, giám khảo*.
- ③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

2.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

2.3.1. Nói

- (1) Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe.
- (2) Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc.
- (3) Có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người.
- (4) Sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.
- (5) Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.
- (6) Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

2.3.2. Nghe

- (1) Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.
- (2) Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

2.3.3. Nói và nghe tương tác

- (1) Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt.
- (2) Biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại.
- (3) Biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình. Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số; đánh giá bằng điểm số chỉ thực hiện ở bài kiểm tra giữa và cuối học kì.

3. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

3.1. Kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng văn bản

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹/ tổng số tiếng, số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi logic và biểu cảm.

(4) Ngữ điệu đọc phù hợp, nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, phân biệt giọng của người dẫn chuyện với các nhân vật ở văn bản truyện.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 90 – 93 chữ (giữa học kì I); 93 – 95 chữ (cuối học kì I) cho HS đọc thành tiếng trong thời gian 60 giây và trả lời câu hỏi đọc hiểu liên quan tới nội dung đoạn đọc.

3.2. Kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS.

– *Nội dung và hình thức:*

+ Số lượng câu hỏi:

- Khoảng 6 câu trắc nghiệm (đa dạng về hình thức) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (4 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; 2 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

- Khoảng 4 câu hỏi tự luận ở mức độ thông hiểu và vận dụng (3 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; 1 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

+ HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

3.3. Kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết đoạn văn, bài văn

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng viết bài văn của HS.

– *Nội dung và hình thức:* Viết bài văn theo một trong các thể loại đã học dựa vào gợi ý.

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

D. MỘT VÀI NỘI DUNG KHÁC

1. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP NĂM¹

(Trích CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trang (tr.) 35 – 40).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp Bốn. – Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác. – Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ). – Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung – Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn để nhận biết của văn bản. – Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. – Hiểu chủ đề của văn bản. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật. – Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện. – Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài 1.2. Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác 2.3. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng 2.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa” 2.5. Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng 2.6. Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản 3.1. Đại từ và kết từ: đặc điểm và chức năng 3.2. Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng

¹ CT là căn cứ để GV tiến hành các hoạt động giáo dục. Vì vậy, tuy GV có thể có hoặc lấy CT từ một nguồn khác, nhưng TG vẫn đưa vào đây để giúp GV thuận lợi hơn trong việc sử dụng các nguồn học liệu.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.
- Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.
- Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.

Đọc mở rộng

- Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.
- Thuộc lòng ít nhất 10 – 12 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 100 chữ.

Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.
- Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.
- Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động.
- Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.
- Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.
- Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng)

4.1. Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng

4.2. Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng

4.3. Kiểu văn bản và thể loại

- Bài văn viết lại phần kết thúc dựa trên một truyện kể
- Bài văn tả người, phong cảnh
- Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện
- Đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội
- Bài văn giải thích về một hiện tượng tự nhiên, bài giới thiệu sách hoặc phim, báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu; văn bản quảng cáo (tờ rơi, áp phích,...)

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

Đọc mở rộng

Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

Biết viết hoa danh từ chung trong một số trường hợp đặc biệt khi muốn thể hiện sự tôn kính. Biết viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

– Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

– Viết được đoạn văn, văn bản thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau.

Thực hành viết

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.

– Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.

– Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.

– Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).

5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề

2. Kết thúc câu chuyện

3. Chuyện có thật và chuyện tưởng tượng

4. Chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hình ảnh trong thơ

5. Nhân vật trong văn bản kịch và lời thoại

NGŨ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

– Truyện dân gian, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; đoạn (bài) văn miêu tả

– Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

– Kịch bản văn học

Độ dài của văn bản: truyện và kịch bản khoảng 300 – 350 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 110 – 130 chữ

1.2. Văn bản thông tin

– Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

– Văn bản giới thiệu sách, phim

– Chương trình hoạt động; quảng cáo

Độ dài của văn bản: khoảng 230 chữ

– Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe.

– Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

– Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

– Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.

Nghe

– Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

– Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

Nói nghe tương tác

Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

2. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH TIẾNG VIỆT 5, TẬP MỘT

Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
1. KHUNG TRỜI TUỔI THƠ	1	Bài 1: Chiều dưới chân núi (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Chiều dưới chân núi</i>
		Luyện từ và câu Từ đồng nghĩa
		Viết Bài văn tả phong cảnh

		Bài 2: Quà tặng mùa hè (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Quà tặng mùa hè</i>
		Nói và nghe Kể về một kỉ niệm đáng nhớ
		Viết Quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh
	2	Bài 3: Tiếng gà trưa (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Tiếng gà trưa</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Khung trời tuổi thơ</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về từ đồng nghĩa
		Viết Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh
		Bài 4: Rét ngọt (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Rét ngọt</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về từ đồng nghĩa
		Viết Viết đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh
	3	Bài 5: Quà sinh nhật (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Quà sinh nhật</i>
		Luyện từ và câu Từ đa nghĩa
		Viết Viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

		Bài 6: Tiếng vườn (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Tiếng vườn</i>
		Nói và nghe Giới thiệu một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi
		Viết Viết đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh
	4	Bài 7: Chớm thu (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Chớm thu</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Khung trời tuổi thơ</i>
		Luyện từ và câu Sử dụng từ điển
		Viết Viết bài văn tả phong cảnh (<i>Bài viết số 1</i>)
		Bài 8: Ban mai (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ban mai</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Tuổi thơ</i>
		Viết Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh
2. CHỦ NHÂN TƯƠNG LAI	5	Bài 1: Trạng nguyên nhỏ tuổi (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Trạng nguyên nhỏ tuổi</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về từ đa nghĩa
		Viết Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

	Bài 2: Thư gửi các học sinh (3 tiết)	
	Đọc	Đọc <i>Thư gửi các học sinh</i>
	Nói và nghe	Thảo luận về ích lợi của việc đọc sách
	Viết	Trả bài văn tả phong cảnh (<i>Bài viết số 1</i>)
	6	Bài 3: Nay em mười tuổi (4 tiết)
	Đọc	– Đọc <i>Nay em mười tuổi</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Chủ nhân tương lai</i>
	Luyện từ và câu	Luyện tập về từ đa nghĩa
	Viết	Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh
		Bài 4: Cậu bé say mê toán học (3 tiết)
	Đọc	Đọc <i>Cậu bé say mê toán học</i>
	Luyện từ và câu	Luyện tập về từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa
	Viết	Viết bài văn tả phong cảnh (<i>Bài viết số 2</i>)
	7	Bài 5: Lớp học trên đường (4 tiết)
	Đọc	Đọc <i>Lớp học trên đường</i>
	Luyện từ và câu	Viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt
	Viết	Viết chương trình hoạt động

		Bài 6: Luật Trẻ em (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Luật Trẻ em</i>
		Nói và nghe Tranh luận theo chủ đề <i>Bổn phận của trẻ em</i>
		Viết Luyện tập viết chương trình hoạt động
	8	Bài 7: Bức tranh đồng quê (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Bức tranh đồng quê</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Chủ nhân tương lai</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập sử dụng từ điển
		Viết Trả bài văn tả phong cảnh (<i>Bài viết số 2</i>)
		Bài 8: Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Công dân</i>
		Viết Viết báo cáo công việc
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	9	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: <i>Mùa cơm mới</i>
		Tiết 2 Ôn luyện về từ đồng nghĩa
		Tiết 3 Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa, viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

3. CHUNG SỐNG YÊU THƯƠNG		Tiết 4 Ôn luyện viết bài văn: <i>Viết bài văn tả một cơn mưa</i>
		Tiết 5 Ôn luyện viết: <i>Viết chương trình cho một hoạt động do lớp em dự kiến tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam</i>
		Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá giữa học kì I (2 tiết) Đọc Đọc hiểu văn bản <i>Những vai diễn thú vị</i> Viết – Viết bài văn tả một đêm trăng đẹp – Viết bài văn tả một cảnh đẹp sông nước (biển, hồ, sông, suối,...) mà em biết
	10	Bài 1: Tết nhớ thương (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Tết nhớ thương</i>
		Luyện từ và câu Đại từ
		Viết Luyện tập viết báo cáo công việc
		Bài 2: Mặn mòi vị muối Bạc Liêu (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Mặn mòi vị muối Bạc Liêu</i>
		Nói và nghe Giới thiệu về một làng nghề
		Viết Bài văn kể chuyện sáng tạo
	11	Bài 3: Nụ cười mang tên mùa xuân (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Nụ cười mang tên mùa xuân</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Chung sống yêu thương</i>

		Luyện từ và câu Đại từ xưng hô
		Viết Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo
		Bài 4: Mùa vừng (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Mùa vừng</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về đại từ
		Viết Viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện sáng tạo
	12	Bài 5: Trước ngày Giáng sinh (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Trước ngày Giáng sinh</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về đại từ
		Viết Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 1</i>)
		Bài 6: Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh</i>
		Nói và nghe Thảo luận theo chủ đề <i>Ý nghĩa của sự chia sẻ</i>
		Viết Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo
	13	Bài 7: Về ngôi nhà đang xây (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Về ngôi nhà đang xây</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Chung sống yêu thương</i>
		Luyện từ và câu Kết từ

4. CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ	14	Viết Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 1</i>)
		Bài 8: Hãy lắng nghe (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Hãy lắng nghe</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Hạnh phúc</i>
		Viết Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 2</i>)
		Bài 1: Tiếng rao đêm (4 tiết)
	15	Đọc Đọc <i>Tiếng rao đêm</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về kết từ
		Viết Bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>tiếp theo</i>)
		Bài 2: Một ngày ở Đê Ba (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Một ngày ở Đê Ba</i>
		Nói và nghe Trao đổi ý kiến với người thân <i>Chung tay vì cộng đồng</i>
		Viết Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>tiếp theo</i>)
	15	Bài 3: Ca dao về lễ hội (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Ca dao về lễ hội</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Cộng đồng gắn bó</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về kết từ

		Viết Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 2</i>)
		Bài 4: Ngày xuân Phố Cáo (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ngày xuân Phố Cáo</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về kết từ
		Viết Viết bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 3</i>)
	16	Bài 5: Những lá thư (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những lá thư</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về đại từ và kết từ
		Viết Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình
		Bài 6: Ngôi nhà chung của buôn làng (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ngôi nhà chung của buôn làng</i>
		Nói và nghe Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng
		Viết Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình
	17	Bài 7: Dáng hình ngọn gió (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Dáng hình ngọn gió</i> – Đọc mở rộng: Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm <i>Cộng đồng gắn bó</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập sử dụng từ ngữ

		Viết Trả bài văn kể chuyện sáng tạo (<i>Bài viết số 3</i>) Bài 8: Từ những cánh đồng xanh (3 tiết) Đọc Đọc <i>Từ những cánh đồng xanh</i> Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Cộng đồng</i> Viết Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	18	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: <i>Chiều thu quê hương</i> Tiết 2 Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa Tiết 3 Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ, đại từ Tiết 4 Ôn luyện viết bài văn: <i>Viết bài văn kể lại một câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật với những chi tiết sáng tạo.</i> Tiết 5 Ôn luyện viết bài văn: <i>Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã học trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” bằng lời của một nhân vật trong truyện</i> Tiết 6 và tiết 7 Đánh giá cuối học kì I (2 tiết) Đọc Đọc hiểu văn bản <i>Câu chuyện của chim sẻ</i> Viết – Viết bài văn tả cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở vào một buổi trong ngày – Viết bài văn kể lại câu chuyện “Câu chuyện của chim sẻ” bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện

Chủ điểm 1. KHUNG TRỜI TUỔI THƠ (Tuần 1 – 2 – 3 – 4)

Chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được về thế giới tươi đẹp của tuổi thơ, biết trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết trân trọng, giữ gìn những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân về cuộc sống, về tương lai,...*

BÀI 1: CHIỀU DƯỚI CHÂN NÚI (tiết 1 – 4, SHS, tr. 10 – 14)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kỉ ức tuổi thơ của TG hiện lên sống động trong một buổi cùng con trải nghiệm vẻ đẹp của rừng chiều*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tuổi thơ của mỗi người thường rất đẹp, rất đáng yêu. Cần biết trân trọng kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống*.
3. Nhận diện và biết cách sử dụng từ đồng nghĩa.
4. Nhận diện được cấu tạo bài văn tả phong cảnh, biết được trình tự miêu tả phong cảnh.
5. Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tivi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh chiều mùa hè trong rừng; về hoạt động đã tham gia vào dịp hè (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Còn bây giờ” đến “để lớn lên?”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

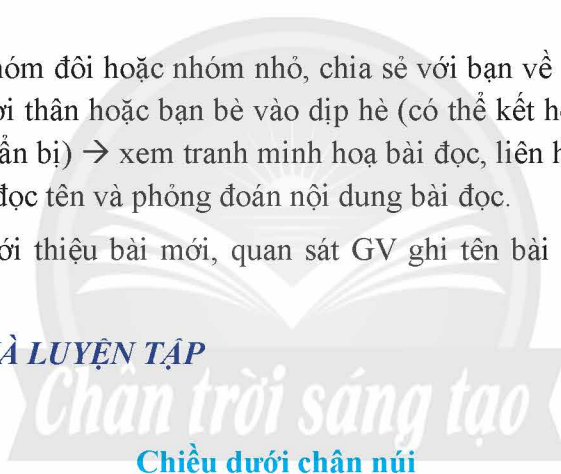
TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”. (Gợi ý: *Những kỉ niệm tươi đẹp của tuổi thơ bên gia đình, bạn bè, thầy cô,...*)
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chiều dưới chân núi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc



1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng con trong sáng, hồn nhiên; giọng mẹ trầu mến, thể hiện tình cảm yêu thương, ...*)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:
 - + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *phấp phới, lộng lẫy, ...*
 - + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Hầu như ngày nào cũng vậy,/ khi mặt trời bắt đầu lặn/ thì tôi đi từ trên núi về nhà/ với một bó củi khô trên vai.//;*

• *Còn bây giờ,/ chúng tôi rón rén ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu đỏ óng ánh/ đang bò rất chậm chạp/ trên chiếc lá to mới rụng.//;*

• *Trong thứ ánh sáng lộng lẫy của mặt trời cuối ngày/ và bên màu xanh biếc tràn đầy sức sống của những tán lá,/ chúng tôi tựa vào nhau/ ngắm lũ côn trùng đang tìm đường về nhà/ và thấy thật yêu mến cuộc đời này.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *đèn dầu* (đèn cháy sáng nhờ dầu hoả, hoặc dầu lạc,...),...

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cuối ngày...”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “nấu cơm”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “lớn lên?”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Ba mẹ con đi chơi trong rừng. Khung cảnh ở đó được miêu tả rất đẹp và yên tĩnh: Khu rừng yên tĩnh đầy những cây thông to dưới chân một ngọn núi. Mùi nhựa thông đâu đó rất thơm. Và những bông hoa li ti đang bắt đầu cụp cánh vào lúc cuối ngày...*

+ Câu 2: *Người mẹ nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ của mình gắn với những buổi chiều, khi mặt trời bắt đầu lặn, người mẹ từ trên núi về nhà với một bó củi khô trên vai; nhớ ngôi nhà ở chân núi, mái ngói nâu thẫm lẫn giữa những tán cây; nhớ ngọn khói vờn bay lên từ căn bếp nhỏ; nhớ hình ảnh mẹ của mình từ vườn về và nhóm bếp để nấu cơm.*

+ Câu 3: *Khi thấy con cánh cam, ba mẹ con rón rén ngồi xuống cỏ, thì tham trò chuyện, hai bạn nhỏ lo lắng về chỗ ngủ của con cánh cam khi đêm xuống,...* → Rất yêu thiên nhiên, quan tâm và có ý thức giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Người mẹ kể cho các con nghe kỉ ức đang sống động trong tâm trí mình vì đó là những kỉ ức tươi đẹp của mẹ, mẹ muốn chia sẻ với các con về cuộc sống tuổi thơ êm đềm và đầy thú vị của mình nơi thung lũng, núi rừng trước đây: không có điện, trường rất xa, chỉ có những cánh rừng mênh mông bất tận,... nhưng bình yên và đầy sức sống.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Ba mẹ con cảm thấy thật yêu mến cuộc đời này vì họ cảm nhận được sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, sự yên bình của cánh vật, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *sống động* (đầy sức sống với nhiều dáng vẻ khác nhau với những biểu hiện mạnh mẽ của sự sống),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cảnh ba mẹ con trong khu rừng vào buổi chiều mùa hè đầy thú vị.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những kỉ ức về tuổi thơ êm đềm của người mẹ vào mỗi buổi chiều.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cuộc gặp gỡ với con cánh cam đã gợi ra những kỉ ức tuổi thơ của mẹ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý đoạn 4: *Cảm xúc của ba mẹ con trước cảnh vật tuyệt đẹp của khu rừng lúc cuối ngày* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, đoạn cuối pha chút trầm lắng, gợi nhớ kỉ niệm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng con trong sáng, hồn nhiên, thể hiện băn khoăn pha chút lo lắng; giọng mẹ trìu mến, thể hiện tình cảm yêu thương, ...*):

Còn bây giờ/ chúng tôi rón rén ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu đỏ óng ánh/ đang bò rất chậm chạp/ trên chiếc lá to mới rụng.//

Nhi thì thào hỏi tôi://

– Đêm xuống/ thì nó sẽ ngủ ở đâu hả mẹ?//

– Đâu đó quanh đây/ chắc sẽ có nhà của nó.// – Tôi đáp.//

Và/ tôi kể cho các con nghe/ kỉ ức sống đông trong tâm trí mình.// Bọn trẻ luôn muốn biết rằng/ mẹ đã sống thế nào/ trong cái thung lũng không có ánh điện,/ chỉ thấp sáng bằng đèn dầu.// Mẹ đã đi học thế nào/ khi trường ở rất xa?// Mẹ làm thế nào để trở về nhà/ từ những cánh rừng mênh mông/ bất tận?// Thậm chí là/ mẹ đã ăn gì để lớn lên?//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, kể tiếp cuộc trò chuyện của ba mẹ con.*

- HS hoạt động nhóm 3, thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Từ đồng nghĩa

2.1. Hình thành khái niệm từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện vào VBT.

(Gợi ý:

+ *Các từ in đậm trong từng đoạn thơ, đoạn văn có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.*

+ *Các từ in đậm trong đoạn thơ không thể thay thế cho nhau vì mỗi từ gợi tả các sắc độ khác nhau của màu đỏ; các từ in đậm trong mỗi đoạn văn có thể thay thế cho nhau vì nghĩa của các từ đó giống nhau.)*

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đồng nghĩa.

- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. *xinh, xinh xắn, dễ thương, ...*; b. *bao la, bát ngát, mênh mông, ...*; c. *gồ ghề, khắp khênh*; d. *nhỏ bé, nhỏ xíu, tí xíu, ...*)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập tìm từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, làm bài vào VBT. (Gợi ý:
 - + *trẻ thơ: trẻ em, trẻ nhỏ, thiếu nhi, ...*
 - + *gắn bó: gắn kết, đoàn kết, ...*
 - + *yêu mến: yêu quý, mến yêu, quý mến, ...*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu với các từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. Bài văn tả phong cảnh ở quê Bác.

b. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:

+ Mở bài: Từ đầu đến “đi về quê Bác”.

+ Thân bài: Tiếp theo đến “màu xanh khác nữa”.

+ Kết bài: Còn lại.

c. TG tả từng bộ phận của cảnh.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: a. TG tả cảnh biển Cửa Tùng theo trình tự thời gian; b. Trình tự ấy phù hợp vì vào mỗi buổi trong ngày, nước biển cửa Tùng thay đổi màu sắc khác nhau, mang vẻ đẹp riêng.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn tả phong cảnh.

- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Luyện tập xác định cấu tạo của bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc bài văn.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu của BT. (Gợi ý:

a. *Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:*

+ *Mở bài: Từ đầu đến “rừng cọ trập trùng”.*

+ *Thân bài: Tiếp theo đến “chẳng ướt đầu”.*

+ *Kết bài: Còn lại.*

b. *Đoạn thứ nhất: Miêu tả đặc điểm của cây cọ, rừng cọ.*

Đoạn thứ hai: Nói về sự gắn bó giữa rừng cọ với TG.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà. (Nếu còn thời gian, có thể cho HS ghi chép và chia sẻ kết quả ghi chép tại lớp. HS có thể ghi chép dưới dạng bảng hoặc sơ đồ.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: QUÀ TẶNG MÙA HÈ (tiết 5 – 7, SHS, tr. 15 – 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một chương trình truyền hình mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go với các thể loại phim đa dạng, hấp dẫn là món quà mùa hè đặc biệt dành tặng cho các em nhỏ.*

3. Kể được về một kỉ niệm đáng nhớ.

4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Nói được 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Tranh, ảnh giới thiệu chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go; tên một số phim hoạt hình Việt Nam, VD: *Vàng sáng ấm áp, Ngôi sao xanh kì lạ, Bước qua hai thế giới, Sơn Tinh, Thủy Tinh, ...* (nếu có).

– Tranh, ảnh, video clip về kỉ niệm của em với người thân, bạn bè, thầy cô,...; về cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tuần phim gồm” đến “kĩ năng sống”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một chương trình truyền hình mà em thích dựa vào gợi ý:

+ Tên chương trình (Gợi ý: *Giọng hát Việt nhí, Cuốn sách của em,...*)

+ Đơn vị tổ chức (Gợi ý: *Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), kênh HTV7,...*)

+ Mục đích (Gợi ý: *Phát hiện, bồi dưỡng tài năng ca hát nhí; giới thiệu những cuốn sách đáng đọc, ...*)

+ ?

– HS đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động → phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Quà tặng mùa hè”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quà tặng mùa hè

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV hoặc bạn đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ thông tin về chương trình, tên phim, đặc điểm của các bộ phim, ý nghĩa của chương trình, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *VTV Go* (đọc là vê-tê-vê-gô),...

+ Luyện đọc một số câu dài:

• Đây là món quà mùa hè đặc biệt/ mà Đài Truyền hình Việt Nam/ phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam/ thực hiện để dành tặng cho các em nhỏ.//;

• *Chuỗi phim được công chiếu/ tạo nên một “thư viện hình ảnh” sống động/ vừa mang tính giải trí,/ vừa đem lại những bài học giáo dục có ý nghĩa cho trẻ em./;...*

+ Luyện đọc thông tin dạng bảng.

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *phim 2D* (phim sử dụng một chuỗi liên tiếp các hình ảnh hay bức tranh được vẽ và thể hiện trên mặt phẳng hai chiều để tạo ra một chuyển động của nhân vật), *phim 3D* (phim được thiết kế ba chiều với hình ảnh được dựng lên sống động như thật với sự trợ giúp của các phần mềm đồ hoạ vi tính), *phim cắt giấy vi tính* (phim được thiết kế với các nhân vật làm bằng giấy, sử dụng các phần mềm máy tính để tạo ra một chuyển động của nhân vật), *tổng hợp* (nghĩa trong bài: bao gồm nhiều loại phim),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “dành tặng cho các em nhỏ”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “kĩ năng sống”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vào mùa hè, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam dành tặng cho các em nhỏ “Tuần phim hoạt hình Việt”.*

+ Câu 2: *Các thể loại phim hoạt hình được công chiếu: 2D, 3D, cắt giấy vi tính với thời lượng phim ngắn 10 phút, phim dài 20 đến 30 phút, phim nhiều tập.*

+ Câu 3: HS ghi chép dựa vào lịch chiếu trong bài đọc. Khuyến khích các em ghi lại bằng bảng đơn giản, VD:

Chủ đề	Ngày	Giờ
Phim giả tưởng	01/6	Sáng từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút. Tối từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.
...	...	...

+ Câu 4: HS chọn một bộ phim hoạt hình dành cho thiếu nhi mà em thích và nói về ý nghĩa của một bộ phim đó, VD: *Phim “Sơn Tinh, Thủy Tinh” nói lên ước mơ chinh phục thiên nhiên của con người;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Thông báo “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Thông tin về lịch chiếu và các thể loại phim được công chiếu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Ý nghĩa của các bộ phim được công chiếu → rút ra nội dung bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thời gian công chiếu, thể loại phim được công chiếu, ...*):

Tuần phim gồm 50 bộ phim/ thuộc các thể loại 2D,/ 3D,/ cắt giấy vi tính/ với thời lượng phim ngắn 10 phút,/ phim dài 20 đến 30 phút,/ phim nhiều tập.// Chương trình được phát sóng vào các khung giờ://

Sáng/ từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút.//

Tối/ từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.//

Chủ đề phim đa dạng,/ thay đổi mỗi ngày.//

Ngày	Chủ đề	Ngày	Chủ đề
01/6	Phim giả tưởng	06/6	Chùm phim tổng hợp 2
02/6	Phim viễn tưởng	07/6	Phim về đề tài môi trường
03/6	Chùm phim tổng hợp 1	08/6	Chùm phim tổng hợp 3
04/6	Phim sự tích, cổ tích	09/6	Phim về đề tài gia đình
05/6	Phim lịch sử	10/6	Phim về đề tài cuộc sống hiện đại, kĩ năng sống

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Kể về một kỉ niệm đáng nhớ

2.1. Kể về một kỉ niệm

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS chia sẻ kỉ niệm trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý:
+ Em chọn chia sẻ kỉ niệm nào? (Gợi ý: *Kỉ niệm với người thân hoặc bạn bè, thầy cô, ...*)

+ Kể lại kỉ niệm đó:

- Giới thiệu kỉ niệm: thời gian, địa điểm, ...
- Kể lại kỉ niệm: mở đầu, diễn biến, kết thúc.
- Suy nghĩ của em.

Lưu ý: HS có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị để nội dung kể thêm sinh động.

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát và nhận xét phần kể của bạn theo các tiêu chí:

+ Nội dung sâu sắc.

+ Hình thức hấp dẫn.

+ Giọng kể truyền cảm.

+ ?

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Bình chọn bài nói

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm để bình chọn bài nói yêu thích dựa vào các tiêu chí gợi ý.

– Các nhóm chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả phong cảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi a, b và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

a. *Bài văn tả cảnh trăng lên.*

b. *Khi mới lên, mặt trăng tròn, to và đỏ; khi lên cao, mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vặc.)*

– HS đọc lại bài văn, quan sát sơ đồ gợi ý ở câu hỏi c, trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hoàn thành sơ đồ vào VBT.

(Gợi ý:

+ *Khi trăng mới lên:*

- *Trăng: tròn, to và đỏ.*
- *Mây: sợi, vắt ngang qua, mảnh dần rồi đứt hẳn.*
- *Gió: hiu hiu, thoảng những hương thơm ngát.*

+ *Khi trăng lên cao:*

- *Trời: trong vắt, thăm thẳm và cao.*
- *Trăng: nhỏ, sáng vàng vạc, ánh trăng trong chảy khắp cành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xoá.*
- *Bức tường hoa: sáng trắng lên.*
- *Lá lựu: dày và nhỏ, lấp lánh như thủy tinh, lá rung động, lấp lánh ánh trăng như ánh nước.)*

– HS trao đổi, trả lời câu hỏi d, e và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.

(Gợi ý:

d. *TG quan sát cảnh vật bằng thị giác và khứu giác.*

e. *Hình ảnh so sánh: lá lựu dày và nhỏ, lấp lánh như thủy tinh; lá rung động lấp lánh ánh trăng như ánh nước → gợi tả vẻ đẹp của sự vật dưới ánh trăng.)*

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS làm bài vào VBT (có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị để quan sát. GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp, mở rộng, phát triển ý, không gò ép HS).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn thiện phần ghi chép.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.*

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà, chia sẻ với bạn hoặc người thân: *Nói tên phim hoạt hình Việt Nam mà em thích, nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: TIẾNG GÀ TRƯA (tiết 8 – 11, SHS, tr. 19 – 24)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tiếng gà người cháu nghe thấy trên đường hành quân đã gợi nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp, êm đềm bên bà. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm bà cháu chan chứa yêu thương và những kỉ niệm đẹp, hạnh phúc của tuổi thơ được sống bên bà. Học thuộc lòng được bài thơ.*

– Tìm đọc được một truyện viết về trải nghiệm thú vị của thiếu nhi, một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp của thiếu nhi hoặc truyện khoa học viễn tưởng viết cho thiếu nhi, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, giải thích được lí do em thích.

3. Luyện tập nhận diện và sử dụng được từ đồng nghĩa.

4. Lập được dàn ý cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Trao đổi được với bạn về cảm nhận của TG đối với sự thay đổi của mỗi sự vật trong đoạn thơ khi nghe tiếng gà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Audio tiếng gà; tranh, ảnh, video clip về cảnh bà cháu ở vùng nông thôn; quả na, bụi tre, mầm măng, buồng chuối chín trĩu cuống, lúa uốn câu, gà mái mơ, gà mái vàng (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.

– Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.

– HS mang tới lớp truyện phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tiếng gà trưa”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Tiếng gà trưa

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, trùu mến; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ âm thanh tiếng gà, hoạt động, cảm xúc, vật và đặc điểm của vật được nhắc đến trong bài thơ,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *cục tác cục ta, xao động, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Nghe/ xao động nắng trưa/

Nghe/ bàn chân đỡ mỏi/

Nghe/ gọi về tuổi thơ.//;

Cháu/ chiến đấu hôm nay/

Vì/ lòng yêu Tổ quốc/

Vì/ xóm làng thân thuộc/

Bà ơi,/ cũng vì bà/

Vì/ tiếng gà cục tác/

Ồ trứng hồng/ tuổi thơ.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Âm thanh tiếng gà trong khổ thơ đầu đã gợi cho anh chiến sĩ nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ với tình cảm xao xuyến, xúc động; khiến anh chiến sĩ cảm thấy ánh nắng buổi trưa như xao động, khiến bao mệt mỏi tan biến.*

+ Câu 2: *Các chi tiết, hình ảnh nói về những kỉ niệm của thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại: ổ rom – hồng những trứng, con gà mái mơ – khắp mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng – lông vàng như màu nắng, giấc mơ – hồng sắc trứng.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Tiếng gà có ý nghĩa đối với anh chiến sĩ vì đây là âm thanh gắn liền với tuổi thơ của anh, gợi cho anh nhớ đến hình ảnh của bà kính yêu, ...*

+ Câu 4: Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần có tác dụng khẳng định: *Tiếng gà trưa gắn với tuổi thơ của TG; tiếng gà mang đến hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp; tiếng gà còn mang đến niềm vui và sức mạnh cho cháu – anh chiến sĩ trẻ trên đường hành quân.*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nghe* (nghĩa trong bài: cảm thấy, nhận thấy), *xao động* (ý trong bài nói về trạng thái tình cảm xúc động), *giấc ngủ hồng sắc trứng* (vừa gợi màu sắc của quả trứng vừa gợi liên tưởng về tương lai tốt đẹp),...

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Tiếng gà trưa gợi nhớ về tuổi thơ tươi đẹp.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những kỉ niệm êm đềm, thân thương thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Tiếng gà trưa mang lại hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp, hạnh phúc đang đến của anh chiến sĩ trẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong trẻo, tươi vui, đoạn sau hơi trầm – thể hiện suy tư; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật, ...*):

Tiếng gà trưa/

Ôi rom/ hồng những trứng/

Này/ con gà mái mơ/

Khắp mình/ hoa đốm trắng/

Này/ con gà mái vàng/

Lông/ óng như màu nắng.//

Tiếng gà trưa/

Mang/ bao nhiêu hạnh phúc/

Đêm/ cháu về nằm mơ/

Giấc ngủ/ hồng sắc trứng.//

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm Khung trời tuổi thơ

1.2.1. Tìm đọc truyện

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện:

+ Kể về một trải nghiệm thú vị (Gợi ý: *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi, *Những bí mật trong* Tuần thiên nhiên – Phan Hà Anh, *Cây bánh tét của người cô* – Phạm Hồ, *Con mèo và chú bé lùi* – Nguyễn Quang Sáng,...)

+ Nói về một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp (Gợi ý: *A-lít-xơ ở xứ sở thần tiên* – Lu-ít Ke-rôn, *Lời ước dưới trăng* – Phạm Thị Kim Nường, *Những giấc mơ xanh* – Nguyễn Công Kiệt,...)

+ Khoa học viễn tưởng (Gợi ý: *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Giuyn Véc-nơ, *Tới Hệ Mặt Trời xa lạ* – Lê Toán, *Tiền của thần cây* – Võ Diệu Thanh, *Chuột chít và hai chiếc giày đến từ xứ Tít Mù Tắp* – Vũ Thị Thanh Tâm, *Quả trứng vương* – Viêt Linh,...)

+ ?

– HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. *Viết Nhật kí đọc sách*

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện và tên TG, tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện; chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, lí do em thích,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện.

1.2.3. *Chia sẻ về truyện đã đọc*

– HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, lí do em thích; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết em thích,...

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. *Ghi chép lại các sự việc chính*

HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về một truyện được bạn chia sẻ mà em thích: tên truyện và tên TG, tên nhân vật, các sự việc chính, ý nghĩa của truyện,...

1.2.5. *Đọc một truyện được bạn chia sẻ mà em thích*

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc truyện.

– HS thực hành đọc truyện ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đồng nghĩa

2.1. *Tìm từ đồng nghĩa*

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ đồng nghĩa. (Đáp án: *mẹ, bầm, má.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, tìm thêm 2 – 3 từ đồng nghĩa với các từ vừa tìm được ở yêu cầu thứ nhất. (Gợi ý: *u, mẹ, bu, mẹ, ...*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

- + *Từ dùng lặp lại là: a. bát ngát; b. giúp đỡ; c. quê hương.*
- + *Thay “bát ngát”¹ bằng “bao la/ mênh mông/...”; thay “giúp đỡ”² bằng “chia sẻ/ tương trợ/ hỗ trợ/...”; thay “quê hương”¹ bằng “quê nhà/ quê quán/ quê cha đất tổ/...”.*
- + *Sau khi thay thế từ ngữ, đoạn văn tránh được việc lặp lại từ ngữ, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể hơn, sinh động hơn, ...)*

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm và nêu tác dụng của việc sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các đoạn thơ, câu văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện BT. (Gợi ý: a. *già rét – lạnh buốt*; b. *bé – bông*; c. *nơi – chốn*; *quả – trái* → *Sử dụng từ ngữ đồng nghĩa trong đoạn thơ, câu văn nhằm tránh được việc lặp lại từ ngữ một cách đơn điệu, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể, sinh động hơn, ...)*

- 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và nhóm nhỏ, chỉ ra các từ đồng nghĩa đã sử dụng; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: *Tả phong cảnh*.)
- Em cần tả cảnh gì? (Đáp án: *Một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc lại BT 2 tr. 18 (*Tiếng Việt 5, tập một*) kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp, lưu ý HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài: Giới thiệu cảnh chọn tả:*

- *Cảnh gì? Ở đâu?* (VD: *Cảnh đồi núi, dòng sông, biển cả,... ở quê hương em, nơi em ở*)
- *Vào thời điểm nào?* (VD: *bình minh, hoàng hôn, ...*)
- ?

+ *Thân bài: Tả cảnh: HS có thể chọn tả từng đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian.*

Lưu ý: GV nhắc HS:

- (1) *Xác định trình tự miêu tả phù hợp với cảnh chọn tả.*
- (2) *Dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hoá để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh.*
- (3) *Dùng từ, cụm từ khi nêu các ý. GV khuyến khích HS mở rộng ý dựa vào những điều quan sát được, không gò ép.*

+ *Kết bài: Nêu nhận xét, tình cảm, cảm xúc, ... về cảnh chọn tả hoặc liên hệ thực tế.*)

- HS đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý (nếu cần).

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Phòng tranh*, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn: TG cảm nhận mỗi sự vật trong đoạn thơ sau thay đổi như thế nào khi nghe tiếng gà?*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của hoạt động. (Gợi ý: *Quả na mở mắt, hàng tre đâm măng, buồng chuối chín trĩng cuốc, hạt đậu nảy mầm, bông lúa chín uốn câu.*)

Lưu ý: GV có thể cho HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.)

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: RÉT NGỌT (tiết 12 – 14, SHS, tr. 25 – 28)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những món quà quê bình dị và tình yêu của bà giúp cho những ngày đông rét mướt trở nên ấm áp.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm chan chứa yêu thương của bà đã đem đến cho các cháu một tuổi thơ ngọt ngào, đầy ý nghĩa.*

3. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa.

4. Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh.

5. Tìm được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về cách làm chè lam (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Mùa đông” đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất (Gợi ý: *Món cháo trứng gà tía tô do bà nấu cho khi em bị cảm, món bánh ngọt*

mẹ tự tay làm vào ngày sinh nhật em, ...) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khỏi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Rét ngọt”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Rét ngọt

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về cách làm, đặc điểm của các món ăn, hoạt động, trạng thái của con người, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *sấy, vỏ trấu, bỏng nếp, giã dổi, phen, rền, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Bỏng nếp xay mịn, / mặt mĩa với mạch nha trộn nước / nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại, / trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng, / thả quả táo nhỏ / cùng với lạc rang giã dổi.//;*

• *Ăn một miếng chè lam bà làm, / cảm nhận vị dẻo, / dai của bột nếp, / vị ngọt ngào của mật, / một chút cay cay của gừng, / một chút bùi bùi của lạc / mà thấy cả tháng Chạp xôn xao, / rét bỗng dịu lại.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *nếp nhưng* (loại lúa nếp thường được gieo trồng ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; cho hạt gạo to, tròn, màu trắng đục), *sấy* (dùng met, nia làm sạch chất hạt bằng động tác hất nhẹ cho hạt lép, rác bắn bay về phía trước), *mảy hạt* (hạt to và chắc),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “bỗng dịu lại”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy món chè lam được bà làm rất công phu: Chọn thóc nếp cái hoa vàng hoặc nếp nhưng đem rang với cát cho đến khi nổ bỏng xoe hoa rồi sấy*

lại; bỏng nếp xay mịn, mật mía với mạch nha trộn nước nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại, trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng, thảo quả tán nhỏ cùng với lạc rang giã dối; nhào kĩ chè lam, chia ra từng phen bánh, lăn cho rền và phẳng, phủ bên ngoài một lớp bột mỏng để chè lam khô.

+ Câu 2: *Các bạn nhỏ cảm nhận được vị dẻo, dai của bột nếp, vị ngọt ngào của mật, vị cay của gừng, vị bùi bùi của lạc khi ăn món chè lam của bà. Nhờ vậy, cái rét tháng Chạp bỗng dịu lại.*

+ Câu 3: *Nói “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn vì ngoài những món ăn của bà, các bạn nhỏ còn được nhận những món quà của người lớn đi làm đồng ngang qua cho – cũng chính là tình cảm mộc mạc của người dân quê với mấy bà cháu.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Những việc làm của bà giúp tuổi thơ của các bạn nhỏ thêm sinh động, đáng nhớ; những việc làm ấy trở thành kỉ niệm đẹp về tuổi thơ êm đềm của các cháu;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nở bỏng* (rang hạt ngũ cốc cho phồng và nở bung ra thành món ăn vặt – món bỏng gạo, bỏng ngô,...), *giã dối* (nghĩa trong bài: giã không kĩ, không nhuyễn), *phen* (nghĩa trong bài: từng miếng nhỏ hình chữ nhật đều nhau), *rền* (dẻo mềm đều, do được nấu kĩ),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Món chè lam của bà được làm rất công phu, đậm đà hương vị.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Niềm vui của các bạn nhỏ với “bữa tiệc cánh đồng” → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm, hoạt động, trạng thái của con người; giọng bà âu yếm, giọng các cháu hào hứng, vui tươi;...*):

Mùa đông ngọt chè lam,/ ngọt khoai lang nướng,/ mật dừa nào cũng lem nhem/ như mọc râu mèo,/ tiếng cười giòn/ vỡ vang cả cánh đồng.// Người lớn đi làm đồng ngang qua/ nghe chân cười theo,/ vui vẻ cho thêm mấy bắp ngô nếp mấy hạt,/ mấy củ khoai mới dỡ.// Góc rạ được gom về,/ đồng lúa to hơn,/ “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn.// Bà nhìn mặt các cháu lem nhem khỏi bụi ra rơm,/ cười hỏi:// “Rét có ngọt không?”// Các cháu đồng thanh thật to:// “Ngọt,/ ngọt lắm cơ/ bà ạ!”//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đồng nghĩa

2.1. Tìm và đặt câu với từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS tìm từ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- + *Chỉ hương thơm: thoang thoảng, dịu dịu, ngan ngát, nồng nàn, ngào ngạt, ...*
- + *Chỉ không gian rộng lớn: mênh mông, bao la, rộng lớn, bát ngát, ...)*
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- HS hoạt động nhóm đôi, nói câu trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý. (Đáp án: *mênh mông, kéo kẹt, kéo, đầy ắp, giản dị.*)
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập nhận diện và sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

- a. *vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ói, vàng tươi.*
- b. *Các từ đồng nghĩa tìm được ở BT a không thể thay thế cho nhau, vì mỗi từ gợi tả một sắc độ khác nhau của màu vàng, chỉ phù hợp với sự vật được miêu tả.)*
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói câu trong nhóm và nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2.
- HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn mở bài tương ứng với từng đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp.

(Đáp án:

a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①.

b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 giới thiệu chung về cảnh; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng có liên quan để dẫn vào giới thiệu cảnh.)

+ Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn tả phong cảnh?

- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn mở bài

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn mở cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thi tìm các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.

(Gợi ý: *Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra; Chị ngã em nâng; Một giọt máu đào hơn ao nước lã; Lên non mới biết non cao/ Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy; ...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: QUÀ SINH NHẬT (tiết 15 – 18, SHS, tr. 29 – 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Món quà sinh nhật là tấm lòng quý mến, trân trọng của Trinh dành cho Trang.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm đáng quý giữa những người bạn chơi với nhau từ thuở bé.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng từ đa nghĩa.

4. Viết được đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật”, nói được lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh về cây ổi găng, hoa ổi găng; rừng núi vào buổi sáng; Sa Pa vào mùa hè;... (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và bây giờ” đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Quà sinh nhật”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quà sinh nhật

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, chậm rãi, giọng Trinh dịu dàng, giọng nhân vật tôi vui vẻ, xúc động, ...; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả sự vật, cảm xúc của nhân vật; ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lặng mây, xuýt xoa, găng, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Một,/ hai,/ ba...// sáu,/ bảy,/ tám.../ phải hơn chục hoa là ít.// Mà lại nở chum vào một đầu cành/ mới thích chứ!//*

• *Nó/ là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh/ đã ấp ủ/ nâng niu,/ hằng nghĩ đến bao ngày nay.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “góc ao đầy!”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “sự bất ngờ”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Trình tặng bạn mấy bông hồng vàng và một cành ổi còn nguyên cả lá và lúc lỉu đến năm, sáu quả. Chi tiết cho thấy Trình rất coi trọng món quà: thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng, khẽ nâng cành ổi.*

+ Câu 2: *Khi thấy món quà của Trình:*

- *Các bạn: xúm lại, trầm trồ nhìn ngắm, xuýt xoa → thích thú, hâm mộ.*
- *Nhân vật tôi: “à” lên một tiếng, mi mắt nong nóng, nâng chùm ổi trên tay, giọng run run → cảm động.*

+ Câu 3: Khuyến khích HS kể tóm tắt bằng lời của mình, tham khảo trình tự kể: *Trình phát hiện ra chùm ổi đặc biệt → dự định để dành tặng sinh nhật bạn → khoe với bạn chùm ổi đặc biệt → hái tặng bạn vào ngày sinh nhật.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Nói món quà “là cả một tấm lòng trân trọng của Trình đã ấp ủ nâng niu” vì Trình ấp ủ dự định tặng món quà cho nhân vật tôi từ khi cành ổi còn là một chùm hoa. Đó là chùm hoa rất đặc biệt của một cây ổi có hương vị đặc biệt. Dự định ấy được ấp ủ qua bao ngày tháng, từ khi còn là hoa đến khi kết thành quả chín.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Học được cách chọn và tặng quà cho bạn bè và người thân – món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người tặng; học được cách ứng xử phù hợp khi nhận quà; ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Những món quà dễ thương mà Trình dành tặng cho bạn của mình.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Dự định bí mật của Trình khi thấy Trang chăm chú nhìn cành ổi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Tình bạn đẹp giữa Trình và Trang → rút ra nội dung bài đọc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc chậm rãi, thông thả, giọng nhân vật tôi cảm động, run run; nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, ...*):

Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi.// Nâng chùm ổi trên tay,/ giọng tôi run run://

– Dự định Trình nói dao ấy/ là chuyên này đây phải không?//

Trình vẫn lặng lẽ cười,/ chỉ gật đầu không nói.// Cảm ơn Trình quá.// Món quà Trình mang đến cho tôi/ mới quý giá làm sao!// Nó/ là cả một tấm lòng trân trọng của Trình/ đã áp ủ/ nâng niu,/ hằng nghĩ đến bao ngày nay.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đặt mình vào vai nhân vật tôi, ghi lại cảm xúc khi nhận được món quà của Trình.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Từ đa nghĩa

2.1. Hình thành khái niệm từ đa nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các nghĩa của từ “mũi”.

– HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý:

a. Từ “mũi” được trình bày ba nghĩa:

+ Bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.

+ Bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của một số vật.

+ Mỏm đất nhô ra biển.

b. Nghĩa chỉ “bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi” được trình bày đầu tiên.

c. Nghĩa 2 và 3 giống nghĩa 1 ở chỗ đều có ý “nhô ra phía trước”.)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đa nghĩa.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Từ “cửa” trong đoạn thơ thứ nhất được dùng với nghĩa gốc, trong đoạn thơ thứ hai, thứ ba được dùng với nghĩa chuyển.

b. Từ “ngon” đoạn thơ thứ nhất và thứ ba được dùng với nghĩa chuyển, trong đoạn thơ thứ hai được dùng với nghĩa gốc.)

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu với từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý:

a. lá:

+ chiếc lá, nón lá, vạch lá tìm sâu, ...

+ lá thư, lá bài, lá cờ, ...

b. đầu:

+ cái đầu, đầu em bé, ...

+ đầu tàu, đầu máy bay, đầu tú, ...)

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa, mở rộng câu.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Mảnh ghép*:
 - + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn a.

(Gợi ý:

- Đoạn văn tả cảnh núi rừng vào lúc tảng sáng.

- TG chọn tả các sự vật: vòm trời: cao, xanh mênh mông; gió: tràn xuống, mát rượi; khoảng trời sau dãy núi phía đông: ửng đỏ; nắng: hắt chéo qua thung lũng, trải thành vệt sáng màu lá mạ tươi tắn; cây lim: trổ hoa vàng; cây vải thiều: đỏ ối những quả.)

+ 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn b.

(Gợi ý:

- Đoạn văn tả cảnh ở Sa Pa vào mùa hè.

- TG quan sát cảnh vật bằng nhiều giác quan:

→ Thị giác: mây – vén lên, sóng núi – nhấp nhô vô tận, rừng – sáng xanh lên trong nắng, hoa – tung bừng nở, suối – dào dạt nước, búp hoa – xoè nở, cảnh vật – biếc xanh.

→ Thính giác: sấm động, suối rì rào, thác xối, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào.

→ Xúc giác: không khí trong lành, mát rượi.

- Sử dụng nhiều hình ảnh nhân hoá: màn mây vén lên, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào, núi rừng cỏ cây tắm gội,... → Khung cảnh thiên nhiên trở nên sinh động.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Em chọn tả cảnh gì? Ở đâu? Vào thời điểm nào?

+ Vào thời điểm đó, cảnh có những đặc điểm gì nổi bật?

+ ?

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– HS xác định yêu cầu của BT 3 và tự thực hiện.

3.3. Chia sẻ những điều em thích trong đoạn văn đã viết

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động nhóm đôi, chia sẻ những điều em thích ở đoạn văn đã viết, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh đoạn văn.

– 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật” để nói lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.*
- HS nhớ lại nội dung bài đọc “Quà sinh nhật” để chuẩn bị ý kiến trao đổi.
- HS trao đổi trong nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.
- 2 – 3 nhóm HS thực hiện đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: TIẾNG VƯỜN (tiết 19 – 21, SHS, tr. 33 – 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cây cối đâm chồi nảy lộc và tiếng dế, tiếng chim đã làm cho khu vườn vào xuân tràn đầy sức sống. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Thiên nhiên mùa xuân tươi mới, trong trẻo với những vẻ đẹp độc đáo.*
3. Giới thiệu được về một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi.
4. Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh.
5. Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gợi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về khu vườn, cây muỗm, hoa nhài, hoa bưởi, lá chè non, tán xoan,... lúc vào xuân (nếu có).
- Audio tiếng dế, tiếng chim vành khuyên, chim gáy, chim chào mào,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và trong những tầng lá” đến hết.
- HS mang theo ảnh, video clip về một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tiếng vườn”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Tiếng vườn

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, âm thanh, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *muỗi, vòng hoa, tua tua, sức nước, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài miêu tả cảnh vật:

• *Từng chùm hoa buời cánh trắng,/ có những tua nhị vàng/ ngán lên giữa lòng hoa,/ chẳng khác gì những bông thủy tiên thu nhỏ.//;*

• *Và trong những tầng lá/ những tán cây vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ những chú dế gọi nhau trong kẽ gạch.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *vòng* ((cành) cong lên như hình cung),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tiếng vườn gọi”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “búp trên cành”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp, sự thay đổi của cây cối trong vườn khi mùa xuân đến được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh:*

- *Cây muỗm: khoe vòng hoa mới, hoa tua tủa trở thẳng lên trời.*
- *Hoa nhài: nở trắng xoá, hoa xinh, trắng tinh khôi, hương ngào ngạt sức mức.*
- *Hoa bưởi: đua nhau nở, cánh trắng, những tua nhị vàng ngán lên giữa lòng hoa, giống những bông thủy tiên thu nhỏ.*
- *Vườn chè: bắt đầu ra búp, một tôm hai lá, tôm màu lá mạ, ngán một màu xanh non.*

+ Câu 2: *TG ấn tượng nhất với những tán xoan vì cách xoan báo mùa xuân rất đặc biệt: Hơi xuân chớm đến, trên những cành cây khô bỗng vỡ oà những chùm lộc biếc. Lộc xoan có màu ngọc lục rất đẹp.*

+ Câu 3: *Từ ngữ gợi tả môi âm thanh trong vườn cây: Những chú dế gọi nhau, chim vành khuyên lịch chích, tiếng chim gáy gù gù, đàn chim chào mào riu rít → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Những âm thanh sinh động, đầy sức sống của chim muông khi trời vào xuân đem đến cảm xúc vui tươi, náo nức, tràn ngập sức sống,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Vì khi mùa xuân về, vườn đầy sức sống: sức sống của cây cối, của loài vật. Sức sống ấy thể hiện ở màu sắc, ở hương thơm, ở âm thanh náo nức, tươi mới của vạn vật. Sức sống ấy vô cùng hấp dẫn như gọi mời con người hoà vào thiên nhiên để cùng náo nức, vui tươi;...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1, 2: *Cây cối trong vườn đua nhau khoe sắc khi mùa xuân đến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Những âm thanh rộn ràng, vui vẻ trong khu vườn xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, vui vẻ; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, hoạt động của các loài vật, ...*):

Và trong những tầng lá/ những tán cây vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ những chú dế gọi nhau trong kẽ gạch.// Chim vành khuyên lích chích tìm sâu/ trong các bụi chanh.// Trên chùm hoa bưởi,/ những cánh ong mật quay tít.// Tiếng chim gáy gù gù trong bụi tre gai.// Đàn chim chào mào riú rít trên các cành xoan,/ vừa đứng ở vườn này/ đã chạy sang vườn khác.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi

- HS xác định yêu cầu của BT 1, BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ theo gợi ý:
 - + Tên chương trình truyền hình hoặc hoạt động em muốn giới thiệu là gì? Do cá nhân hoặc đơn vị nào tổ chức?
 - + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó diễn ra vào lúc nào? Ở đâu?
 - + Nội dung của chương trình truyền hình hoặc hoạt động là gì?
 - + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào?
 - + ?

Lưu ý: HS có thể kết hợp sử dụng ảnh, video clip đã chuẩn bị khi giới thiệu.

- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát, ghi lại một số thông tin về chương trình truyền hình hoặc hoạt động được nghe bạn giới thiệu mà em thấy thú vị.
- HS nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí:
 - + Nội dung giới thiệu.
 - + Trình tự giới thiệu.
 - + Hình thức giới thiệu: tốc độ, âm lượng nói, yếu tố phi ngôn ngữ,...
 - + Sử dụng phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu.
 - + ?
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện đoạn kết bài mở rộng và đoạn kết bài không mở rộng

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2.
- HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn kết bài tương ứng với mỗi đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp.

(Đáp án:

a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①.

b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 nêu nhận xét, đánh giá chung về cảnh hoặc nêu tình cảm, cảm xúc của người tả với cảnh; nhóm 2 có thể liên hệ về người, vật có liên quan và tưởng tượng những điều xảy ra trong tương lai,...)
 - + Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn tả phong cảnh?
 - HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.
- Lưu ý:** GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn kết bài

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn kết bài cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Ghi lại 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gợi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà (nếu còn thời gian có thể cho HS ghi lại ở trên lớp, khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: CHÓM THU (tiết 22 – 25, SHS, tr. 37 – 41)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn 1 – 2 dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào một mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Con đường bước đến ngày mai của bạn nhỏ gắn với những năm tháng tuổi thơ, với cảnh vật mùa thu và những người thân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tuổi thơ với những cảnh vật tươi đẹp đã góp phần nuôi dưỡng, chấp cánh cho mỗi người trên con đường bước tới tương lai.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được thông báo, quảng cáo hoặc bản tin về hoạt động chào mừng năm học mới, hoạt động hè hoặc chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về thông tin và hình thức của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc.

3. Biết cách sử dụng từ điển.

4. Viết được bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chóm thu”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.

– Tranh, ảnh về áo toí, giàn trầu, hoa cúc trắng, cánh đồng lúa chín,... (nếu có).

– HS mang tới lớp thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn 1 – 2 dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào một mùa trong năm (Gợi ý: *Mùa xuân thời tiết se se lạnh, mùa hè thời tiết*

nóng bức, ...) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chớm thu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Chớm thu

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *ngỡ, dẫm, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Trầu già/ giầu nắng đầy cây/

Có bông cúc/ trắng như mây giữa trời/

Có con đường/ cỏ xanh tươi/

Có dòng nước lặng/ chờ người qua sông.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *cuốc* (loài chim nhỏ, thường sống ở những vùng có nước, trong các lùm cây, bụi rậm, bờ ao, ruộng lúa, bờ tre; cuốc là loài chim quen thuộc, biểu tượng cho người nông dân làm việc vất vả khuya sớm), *heo may* ((gió heo may) gió hơi lạnh và khô thổi vào mùa thu), *tảo tần* ((phụ nữ) làm lụng vất vả, đảm đang mọi việc nhà trong cảnh sống khó khăn),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba, thứ tư.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Dấu hiệu báo mùa thu đến: không còn tiếng chim cuốc, có gió heo may, trầu giầu nắng đầy cây, hoa cúc nở trắng như mây, cỏ lên xanh tươi, nước dòng sông lặng trôi.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *“Mùa đơm hạt thóc trên đồng” gọi là “mùa vui” vì thóc đơm hạt là kết tinh những nỗi vất vả, nhọc nhằn của người nông dân; thóc được mùa đem đến no ấm cho mọi người; ...*

+ Câu 3: *Khi nhìn hạt gạo, nhành hoa, TG nghĩ về công lao của mẹ cha, của đất đai chan hoà* → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Vì cha mẹ (cũng như những người nông dân) đã cần cù, sớm hôm vất vả để tạo ra hạt gạo, để chăm chút cho từng nhành hoa tươi thắm; ...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Tương lai của bạn nhỏ sẽ đẹp đẽ, tươi sáng hơn nhờ những năm tháng học tập chăm chỉ, nhờ sự chăm sóc của mẹ, sự dạy dỗ của cô giáo và những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp bên bạn bè, người thân, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *đơm*¹ (nảy sinh ra từ cơ thể thực vật → nghĩa trong bài: lúa kết hạt), *đơm*² (làm cho dính liền → nghĩa trong bài: bóng dáng của mẹ gắn với đồng ruộng, mùa màng), ...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Những dấu hiệu báo mùa thu đến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Niềm vui, sự gắn bó của người nông dân với mùa màng, đất đai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Con đường bước tới ngày mai của bạn nhỏ dệt từ trang sách, bóng mẹ, dáng cô và những năm tháng tuổi thơ* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật, ...*):

Mùa đơm hạt thóc/ trên đồng/

Đơm thêm bóng mẹ/ chờ trông tháng ngày/

Mùa vui/ lúa vẽ đường cày/

Vẽ nên vóc dáng/ đôi tay tạo tằm./

Từ trong/ hạt gạo trắng ngần/
Là bao hôm sớm/ ân cần mẹ cha/
Từ trong/ thơm thảo nhàn nhàn hoa/
Là bao tình nghĩa/ chan hoà đất đai./

Con đường/ bước đến ngày mai/
Dệt từ trang sách/ dăm dùi ước mơ/
Dệt từ bóng mẹ/ dáng cô.../
Cùng bao năm tháng tuổi thơ/ ngọt lành./

- HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách **Chủ điểm *Khung trời tuổi thơ***

1.2.1. Tìm đọc thông báo, quảng cáo, bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet một thông báo, quảng cáo hoặc bản tin:

- + Về một hoạt động chào mừng năm học mới
- + Về một hoạt động hè của thiếu nhi
- + Về một chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi
- + ?

– HS chuẩn bị thông báo, quảng cáo hoặc bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin, tên TG, thông tin chính, điều ấn tượng,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung thông báo, quảng cáo hoặc bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về thông báo, quảng cáo, bản tin đã đọc

- HS trao đổi thông báo, quảng cáo hoặc bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình thức (cách trình bày, sắp xếp thông tin,...) của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc.
- HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép về thông báo, quảng cáo, bản tin được bạn chia sẻ

HS có thể ghi lại những thông tin quan trọng trong thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin, tên TG hoặc nguồn, những thông tin quan trọng,...

1.2.5. Đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích

- HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin.
- HS thực hành đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Sử dụng từ điển

2.1. Tìm hiểu cách sử dụng từ điển

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thực hiện BT theo nhóm nhỏ vào VBT.

(Gợi ý:

- Từ “kết” được trình bày năm nghĩa; “kết¹” là nghĩa gốc; “kết^{2,3,4,5}” là nghĩa chuyển.*
- HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập tra từ điển

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT.

(Gợi ý:

- Nghĩa của các từ in đậm:*

+ *mắt¹*: cơ quan để nhìn của người hay động vật; *mắt²*: bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ của một số quả.

- + *cổ¹*: bộ phận của cơ thể, nối đầu với thân; *cổ²*: bộ phận của áo, bao quanh cổ.

b. Từ “mắt¹” và “mắt²” đều chỉ bộ phận lõm vào trên bề mặt.

Từ “cổ¹” và “cổ²” đều chỉ bộ phận hình trụ thon eo lại so với phần nổi liền nó, nối giữa đầu với thân.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

+ Nghĩa gốc: Có vị như vị của đường, mật.

+ Nghĩa chuyển: (1) Giọng nói nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ làm xiêu lòng (dễ ngọt); (2) âm thanh nghe êm tai (giọng hát ngọt); ...)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chơi trò chơi *Chuyển hoa* để chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn tả phong cảnh
(Bài viết số 1)

3.1. Viết bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã lập, đoạn mở bài, các đoạn thân bài và đoạn kết bài đã viết ở các tiết trước để viết bài văn hoàn chỉnh.
 - + Khi tả, có thể chọn một trong hai cách theo gợi ý.
 - + Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.
 - + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.
 - + Sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh, nhân hoá để bài viết thêm sinh động.
 - + ?
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết để chữa lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... (nếu có).
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 8: BAN MAI (tiết 26 – 28, SHS, tr. 42 – 45)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 1 – 2 câu về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh bình minh tươi đẹp của quê hương TG và niềm ước ao có màu vẽ để vẽ lại cảnh đẹp tuyệt vời ấy. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca vẻ đẹp thanh bình, đầy sức sống của thiên nhiên trên quê hương lúc ban mai và bày tỏ tình yêu tha thiết với quê hương của TG.*
3. MRVT theo chủ đề *Tuổi thơ*.
4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh.
5. Đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về tuổi thơ; mở được triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tôi vừa chạy vừa quan sát” đến “thì nhau lao vun vút”.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về hồ T’Nưng; các danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.
- HS mang tới lớp tranh, ảnh về tuổi thơ của em để mở triển lãm “Khung trời tuổi thơ” (ảnh chụp cùng người thân, bạn bè, thầy cô,...; ảnh sinh nhật; tranh, ảnh những chuyến đi chơi;...).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở (Gợi ý: *Cảnh vật, con người, ...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ban mai”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ban mai

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh hoặc chỉ hoạt động và niềm ao ước của nhân vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *quất tanh tách, cúc thi xa, hau hấu, xúm xít, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Cỏ linh lăng ướt đầm/ lành lạnh/ quất tanh tách vào đôi chân trần,/ đâm đau nhói vào hai bàn chân nứt nẻ/ nhưng/ tôi vẫn cảm thấy thích thú.//;*

• *Chao ôi,/ nếu tôi có màu vẽ/ thì tuyệt quá,/ tôi sẽ vẽ cả vàng mặt trời buổi sáng này,/ cả dãy núi xanh/ điểm những vệt trắng kia,/ cả cánh đồng cỏ linh lăng/ long lanh sương sớm này,/ cả cây hướng dương/ mọc hoang bên bờ kênh kia!//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *quả nang* (một loại quả khô – phân biệt với quả thịt, khi chín thì vỏ khô, cứng và mỏng – thường xuất hiện ở các loài thực vật có hoa),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “vẫn cảm thấy thích thú”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “lao vun vút”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu hỏi phụ: Nhân vật tôi đi đâu? Vào buổi nào? (*Ra bờ sông vào buổi sáng sớm.*)

+ Câu 1: *Trên đường chạy ra bờ sông, nhân vật tôi cảm nhận được cỏ linh lăng ướt đầm sương đêm, mặt trời vươn mình nhô lên, hướng dương vươn về phía mặt trời, cúc thi xa hau háu xúm xít vây lấy hướng dương; hướng dương “thè lưỡi vàng đón nắng mai”, bầy quả nang chặt cứng hạt uống no ánh sáng; cây bạc hà mọc cao, nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt, ...*

+ Câu 2: *Các hình ảnh nhân hoá: mặt trời vươn mình nhô lên; hướng dương vươn về phía mặt trời, không chịu thua đám cúc thi xa, thè lưỡi vàng, đón nắng ban mai, cho bầy quả nang uống no ánh sáng; cúc thi xa hau háu xúm xít vây lấy hướng dương; chim én thi nhau lao vun vút → Cảnh vật trở nên sinh động, gần gũi, thân thiết, đáng yêu như những người bạn.*

+ Câu 3: *Nhân vật tôi ước có màu để vẽ cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp buổi ban mai. Vì cảnh vật quá đẹp và vì nhân vật tôi thiết tha yêu mến cảnh đẹp đó.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn tên “Trên mảnh đất quê hương” vì cảnh vật trên mảnh đất quê hương vào buổi sáng thật đẹp, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *hau háu* (từ gọi tả vẻ nhìn tập trung, không chớp mắt, tỏ rõ sự thèm muốn), *xúm xít* (tụ tập nhau lại rất đông quanh một điểm),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ → rút ra ý đoạn 1: *Nhân vật tôi chạy ra bờ sông vào buổi sớm mai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 2: *Hình ảnh đẹp của sự vật lúc ban mai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Ước muốn có màu để vẽ cảnh đẹp quê hương của nhân vật tôi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng vui, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật, ...*):

Tôi vừa chạy/ vừa quan sát mọi diễn biến xung quanh.// Mặt trời/ vuôn mình nhô lên sau dãy núi,/ cây hướng dương mọc hoang trên bờ kênh/ vuôn về phía mặt trời.// Đám cúc thi xa đầu trắng/ hau háu xúm xít vây lấy nó,/ nhưng nó không chịu thua.// nó thè ra những chiếc lưỡi vàng,/ đón lấy những tia nắng ban mai,/ cho bầy quả nang chặt cứng

hạt/ uổng no ánh sáng.// Kia/ là lối qua kênh,/ mặt đất/ nát như vì xe cộ qua lại nhiều,/ nước/ rĩ qua những vệt bánh xe.// Kia/ là đám cây bạc hà thơm thơm/ mọc cao ngang tầm thắt lưng,/ nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt.// Tôi chạy trên mảnh đất quê hương,/ trên đầu tôi/ chim én thi nhau lao vun vút.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Tuổi thơ

2.1. Tìm các từ ngữ thuộc chủ đề Tuổi thơ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- bị mắt bắt dê, trốn tìm, ném cù, bắn bi, đá banh, ...*
- vui vẻ, thích thú, phấn khích, hào hứng, ...)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Sắp xếp từ ngữ thành hai nhóm và đặt câu

- HS xác định yêu cầu của BT 2a.
- HS hoạt động nhóm 4, xếp các từ thành hai nhóm.

(Gợi ý:

- + Từ chỉ hoạt động của trẻ em: nô đùa, quan sát, khám phá, tìm tòi, sáng tạo.
- + Từ chỉ tính nết của trẻ em: thơ ngây, hồn nhiên, tinh nghịch, trong sáng, ngoan ngoãn, sáng tạo.

Lưu ý: Từ “sáng tạo” có thể xếp vào hai nhóm, vì từ này còn mang nét nghĩa chỉ phẩm chất, tính cách, VD: *Ưa tìm tòi, sáng tạo, có đầu óc sáng tạo,...*)

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Chọn từ ngữ phù hợp với đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện BT. (Đáp án: *thơ ngây, trong sáng, nô đùa, tinh nghịch, khám phá, sáng tạo.*)
- 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu giới thiệu một trò chơi quen thuộc

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả một cảnh đẹp trong tự nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. TG tả hồ T'Nung vào những thời điểm:

+ Sáng sớm:

• Khi sương chưa tan: giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng.

• Nắng lên: mặt hồ trải rộng, sáng lấp lánh, phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời.

+ Hoàng hôn: ráng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn.

+ Vào những ngày nắng đẹp: nước trong; từng đàn cá tung tăng bơi lội; cây lá xanh ngút ngàn; chim hót líu lo.

b. TG sử dụng thị giác, xúc giác, thính giác để quan sát cảnh vật.

c. Hình ảnh so sánh: T'Nung giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng; viên ngọc bích xanh trong không lồ ấy phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời.

Hình ảnh nhân hoá: ráng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn, ru hồ vào giấc ngủ say.

→ *Cảnh vật hiện lên sinh động, giúp cho người đọc dễ cảm nhận, liên tưởng, hình dung về vẻ đẹp của hồ.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần lưu ý khi quan sát, miêu tả một cảnh đẹp trong tự nhiên.

3.2. Thực hành quan sát một danh lam thắng cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS làm bài vào VBT (có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị để quan sát. GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp, mở rộng, phát triển ý, không gò ép HS).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn thiện phần ghi chép.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Chọn và đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về tuổi thơ của em.*
- HS đặt tên và chia sẻ cảm xúc về một bức tranh, ảnh em thích trong nhóm nhỏ.
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Cùng các bạn mở triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.*
- HS trưng bày tranh, ảnh kỉ niệm tuổi thơ của mình vào góc triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.
- HS quan sát tranh, ảnh tham gia triển lãm và cùng bạn bình chọn tranh, ảnh ấn tượng nhất của triển lãm.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 2. CHỦ NHÂN TƯƠNG LAI

(Tuần 5 – 6 – 7 – 8)

Chủ điểm “Chủ nhân tương lai” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: bước đầu ý thức được vai trò của bản thân là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết chăm chỉ học tập, lao động; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với cuộc sống và tương lai...*

BÀI 1: TRẠNG NGUYÊN NHỎ TUỔI

(tiết 1 – 4, SHS, tr. 46 – 49)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 1 – 2 câu giới thiệu một vị trạng nguyên của nước ta mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Nhờ thông minh, Nguyễn Hiền – trạng nguyên mười hai tuổi – đã giúp vua quan nhà Trần giải được lời thách đố của sứ thần nhà Nguyên. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca tài năng của trạng nguyên Nguyễn Hiền, tuy tuổi nhỏ nhưng có tài năng hơn người, từ đó nêu gương cho thế hệ trẻ cố gắng học tập, rèn luyện, dùng tài năng giúp ích cho đất nước.*

3. Luyện tập sử dụng từ đa nghĩa.

4. Lập được dàn ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh.

5. sưu tầm và kể được cho người thân nghe một mẫu chuyện về Nguyễn Hiền.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh hoặc phim hoạt hình về trạng nguyên Nguyễn Hiền (nếu có).

– Tranh, ảnh, video clip về danh lam thắng cảnh (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Chủ nhân tương lai”. (Gợi ý: *Thế hệ HS hôm nay chính là chủ nhân của đất nước mai sau,...*)

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu giới thiệu về một vị trạng nguyên của nước ta mà em biết (Gợi ý: *Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh, ...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Trạng nguyên nhỏ tuổi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Trạng nguyên nhỏ tuổi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng Nguyễn Hiền và các bạn nhỏ trong treo, hồn nhiên, pha chút tình nghịch,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *xoắn, loay hoay, ...*

+ Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, tính cách của nhân vật:

• *Nghĩ rằng nước Đại Việt không có người tài,/ sứ thần bèn thách đố vua quan nhà Trần/ xâu sợi chỉ mảnh qua vỏ một con ốc xoắn nhỏ xíu.//;*

• *Chợt nghĩ đến vị trạng nguyên nhỏ tuổi,/ Vua sai một viên quan/ về làng Dương A gặp Nguyễn Hiền/ để hỏi ý kiến.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *mệnh danh* (gọi là – thường để nêu lên một tính chất đặc trưng nào đó), *vời* (cho mời một người dưới nào đó đến),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “học lễ”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Đại Việt”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Hai đoạn đầu giới thiệu những thông tin về Nguyễn Hiền: được mệnh danh là thần đồng vì có tư chất vượt trội, học đâu hiểu đó, đậu trạng nguyên khi mới mười hai tuổi.*

+ Câu 2: *Sứ giả thách đố vua quan nhà Trần xâu sợi chỉ mảnh qua vỏ một con ốc xoắn nhỏ xíu, vì cho rằng nước Đại Việt không có người tài.*

+ Câu 3: Viên quan nhận ra trạng Hiền nhờ vẻ ngoài khôi ngô, phong thái uy nghi, vượt trội và hơn hết là nhờ vẻ đối cứng cõi, xuất sắc.

+ Câu 4: Cách xâu chỉ qua vỏ ốc mà Nguyễn Hiền chỉ cho viên quan nói lên Nguyễn Hiền là một cậu bé thông minh (nghĩ ra lời giải câu đố nhanh) và tinh nghịch (đưa ra câu trả lời bằng lời hát).

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Ca ngợi tài trí của vị trạng nguyên nhỏ tuổi, ...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *cứng cõi* (không vì yếu mà chịu khuất phục, thay đổi thái độ của mình → nghĩa trong bài: Nguyễn Hiền đối lại vừa nhanh vừa chính xác, thể hiện bản lĩnh vững vàng, không vì nhỏ tuổi mà tỏ ra e ngại, sợ sệt),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu về vị trạng nguyên nhỏ tuổi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Trạng Hiền đã giúp vua quan nhà Trần giải được lời thách đố của sứ thần nhà Nguyên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý đoạn 3: *Nể phục vị trạng nguyên nhỏ tuổi, Vua ban mũ áo và vời Nguyễn Hiền về triều giúp nước* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng thông thả, chậm rãi, giọng đọc lời giải đố hồn nhiên, trong trẻo pha chút tinh nghịch; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái của các nhân vật, ...*):

Vừa đến đầu làng,/ viên quan gặp ngay một đám trẻ chăn trâu.// Trong đó,/ có một cậu bé mắt mũi khôi ngô/ đang chỉ cho các bạn nặn voi bằng đất.//

Viên quan đoán cậu bé ấy là trạng Hiền/ nhưng vẫn ra một vẻ đối/ để thử tài.// Trạng nhanh chóng đáp lại bằng một vẻ đối cứng cõi.// Viên quan phục lắm.//

Biết chắc đây là người cần tìm,/ viên quan truyền lại ý Vua.// Không cần nghĩ lâu,/ Nguyễn Hiền bày cho các bạn cùng hát://

Tích tịch tình tang/

Bắt con kiến càng/ buộc chỉ ngang lưng/

Bên thì lấy giấy mà bưng/

Bên thì bôi mỡ/ kiến mừng kiến sang.//

*Quan nghe xong,/ biết đây chính là câu trả lời triều đình cần,/ bèn cáo từ trạng Hiền/
rời vôi vãi về kinh.//*

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Vừa đến đầu làng” đến “về kinh”.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể lại cuộc gặp gỡ với Nguyễn Hiền bằng lời của viên quan.*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, đóng vai để kể lại câu chuyện bằng lời của viên quan, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– 1 – 2 HS kể lại cuộc gặp gỡ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đa nghĩa

2.1. Phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

– HS xác định yêu cầu thứ nhất của BT 1.

– HS thực hiện BT theo nhóm nhỏ vào VBT. (Gợi ý: Từ “*biển*” trong câu b được dùng với nghĩa gốc, trong câu a và c được dùng với nghĩa chuyển.)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS xác định yêu cầu thứ hai của BT 1.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý:

a. *đi nhanh, chạy nhanh, tốc độ nhanh, ...*

b. *phản ứng nhanh, đầu óc nhanh nhạy, ...*)

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.

– HS thực hành nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

+ đầu:

• *Nghĩa gốc: Phần trên cùng của cơ thể con người, hay phần trước nhất của thân thể động vật, nơi có bộ óc và nhiều giác quan khác.*

• *Nghĩa chuyển: (1) Phần trước nhất hoặc phần trên cùng của một số vật đối lập với đuôi (đầu máy bay); (2) Phần có điểm xuất phát của một khoảng không gian hoặc thời gian, đối lập với “cuối” (đầu đường);...*

+ cao:

• *Nghĩa gốc: Có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến cuối đầu kia, theo chiều thẳng đứng.*

• *Nghĩa chuyển: (1) Có chiều cao lớn hơn mức bình thường hoặc lớn hơn so với những vật khác (giày cao cổ); (2) Hơn hẳn mức trung bình về số lượng hay chất lượng, trình độ, giá cả, ... (tuổi cao); ...)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: *Tả phong cảnh.*)
- Em cần tả cảnh gì? (Đáp án: *Một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh,...*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc lại BT 2 tr. 45 (*Tiếng Việt 5, tập một*) kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp, lưu ý HS có thể ghi chép văn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài: Giới thiệu cảnh chọn tả:*

- *Tên danh lam thắng cảnh (VD: vịnh Hạ Long, hang Sơn Đoòng, ...).*
- *Thời điểm chọn tả (VD: Bình minh, hoàng hôn, ...).*
- ?

+ *Thân bài: Tả cảnh: HS có thể chọn tả đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian.*

Lưu ý: GV nhắc HS:

- (1) *Xác định trình tự miêu tả phù hợp với cảnh chọn tả.*
- (2) *Dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hoá để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh.*
- (3) *Dùng từ, cụm từ khi nêu các ý. GV khuyến khích HS mở rộng ý dựa vào những điều quan sát được, không gò ép.*

+ *Kết bài: Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc,... về cảnh chọn tả hoặc liên hệ thực tế.)*

- HS tự đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý (nếu cần).

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Phòng tranh nhỏ*, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Sưu tầm và kể cho người thân nghe một mẫu chuyện về Nguyễn Hiền.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: tìm đọc truyện về Nguyễn Hiền ở thư viện, internet, VD: *Ông trạng thả diều* – Trình Đường; *Giai thoại Nguyễn Hiền nặn voi đất biết đi,...*; có thể ghi chép lại mẫu chuyện dưới dạng sơ đồ → kể cho người thân nghe.

- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: THƯ GỬI CÁC HỌC SINH (tiết 5 – 7, SHS, tr. 50 – 52)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được suy nghĩ của em khi đọc đoạn thơ của Bác Hồ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bác Hồ khuyên HS cố gắng học tập, rèn luyện để kế tục sự nghiệp của cha ông, xây dựng nước Việt Nam văn minh, giàu mạnh.*

3. Thảo luận được ích lợi của việc đọc sách.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn.

5. Nói được việc làm của em liên quan đến một chủ đề trên bông hoa *Làm theo lời Bác*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi.
- Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động thiếu nhi làm theo lời Bác của trường em hoặc nơi em ở (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi suy nghĩ về đoạn thơ của Bác Hồ viết cho thiếu nhi (GV có thể cung cấp thêm thông tin: *Đoạn thơ được Bác Hồ viết cho thiếu nhi vào dịp Trung thu năm 1946.*). (Gợi ý: *Bác Hồ luôn quan tâm, yêu thương thiếu nhi, mong mỗi thiếu nhi học hành chăm ngoan, mai sau góp sức giữ gìn non sông, ...*)

– HS xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Thư gửi các học sinh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thư gửi các học sinh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV hoặc bạn đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, trầm, ấm áp; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm thân ái, trù mến, thiết tha, lời khuyên và sự tin tưởng của Bác Hồ với các em HS,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *chuyển biến, tự trường,...*

+ Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của Bác Hồ:

• *Các em hết thấy đều vui vẻ/ vì sau mấy tháng giờ nghỉ học,/ sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường,/ các em lại được gặp thầy gặp bạn.//;*

• *Sau 80 năm giờ nô lệ/ làm cho nước nhà bị yếu hèn,/ ngày nay/ chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta,/ làm sao cho chúng ta/ theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *kiến thiết* (xây dựng), *cường quốc năm châu* (nước giàu mạnh trên thế giới),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “Vậy các em nghĩ sao? [...]”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Bác Hồ viết thư gửi cho các HS nhân ngày khai trường năm 1945 – ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

+ Câu 2: *Không khí ngày khai trường năm 1945 rất tung bừng và nhộn nhịp vì đây là ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các em HS vui mừng gặp thầy, gặp bạn.*

+ Câu 3: *Theo lời Bác, để xây dựng đất nước giàu mạnh. HS phải cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Qua bức thư, em hiểu Bác Hồ rất quan tâm, yêu quý, tin yêu thiếu nhi – những chủ nhân tương lai của đất nước;...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường* (ý nói những sự kiện lớn từ giữa năm 1945 đến trước ngày khai giảng, nổi bật là công cuộc Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), *80 năm giờ nô lệ* (80 năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Điều đặc biệt của ngày khai trường năm 1945 và lời nhắc HS ghi nhớ công ơn của những người đã bảo vệ nền độc lập của đất nước, cho các em được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Bác Hồ khuyên HS cố gắng học tập, rèn luyện để mai sau xây dựng nước Việt Nam văn minh, giàu mạnh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe bạn đọc lại đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, tình cảm, niềm mong đợi, ...*):

Trong năm học tới đây,/ các em hãy cố gắng,/ siêng năng học tập,/ ngoan ngoãn,/ nghe thầy,/ yêu bạn.// Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn,/ ngày nay/ chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ/ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta,/ làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu.// Trong công cuộc kiến thiết đó,/ nước nhà trông mong/ chờ đợi ở các em rất nhiều.// Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không,/ dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang/ để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không,/ chính là nhờ một phần lớn/ ở công học tập của các em. [...]

Ngày hôm nay,/ nhân buổi tựu trường của các em,/ tôi chỉ biết chúc các em/ một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Trong năm học tới đây” đến “đầy kết quả tốt đẹp”.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Thảo luận về ích lợi của việc đọc sách

2.1. Xác định nội dung đối thoại của các nhân vật

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc lời của các nhân vật.
- HS thảo luận nhóm đôi, xác định chủ đề cuộc trò chuyện. (Gợi ý: *Hai bạn đang thảo luận về lí do vì sao bạn nữ thích đọc sách.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thảo luận về ích lợi của việc đọc sách

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thảo luận nhóm nhỏ về ích lợi của việc đọc sách dựa vào các gợi ý:
 - + Một hình thức giải trí lành mạnh.
 - + Giúp có thêm hiểu biết.
 - + Giúp MRVT.
 - + Giúp tăng khả năng viết.
 - + ?
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đóng vai để trò chuyện, thuyết phục bạn đọc sách

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các lưu ý.
 - HS đóng vai, thuyết phục bạn nam ở BT 1 dành thời gian đọc sách:
 - + Bằng cách đưa những lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.
- (Gợi ý: *Nêu những tấm gương thành công nhờ yêu thích đọc sách mà em biết:*
- *Qua sách, báo,..., VD: Những tấm gương ham đọc sách và tự học thời đại Hồ Chí Minh – Vũ Dương Thuý Ngà, Búp sen xanh – Sơn Tùng,...*
 - *Ở trường, địa phương em,... (nêu dẫn chứng bằng hình ảnh, bảng tuyên dương,...)*
- + Bằng cách đưa ra những việc làm cụ thể để hỗ trợ hoặc đồng hành cùng bạn.
- (Gợi ý: *Giới thiệu cho bạn một số sách hay, cùng bạn tìm sách đọc, tặng sách cho bạn, thực hiện tốt các giờ ĐMR,...*)
- + Bằng thái độ gần gũi, thân thiện. (Gợi ý: *Sử dụng giọng nói nhẹ nhàng, từ ngữ phù hợp, dễ hiểu, ánh mắt chân thành, thái độ vui vẻ,...*)
 - + ?

- 2 – 3 nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Ghi vào sổ tay một số ích lợi của việc đọc sách

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT hoặc vở nháp.
- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn tả phong cảnh

(Bài viết số 1)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ?

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (câu tạo; trình tự miêu tả; từ ngữ; câu văn;...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

- Những điều học được ở bài viết của bạn: cách mở bài gây ấn tượng; cách quan sát, chọn lọc chi tiết để tả; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh; cách bày tỏ cảm xúc, liên hệ thực tế,...
- Những nội dung em có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn: phát triển ý; chỉnh sửa từ ngữ, diễn đạt; sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá,...

3.4. Viết lại một đoạn trong bài cho hay hơn

- HS xác định yêu cầu của BT 4.

- HS viết lại một đoạn trong bài cho hay hơn vào VBT. (Gợi ý: *Thêm vào câu văn đã viết một số từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hoá,...*)
- 2 – 3 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chọn và nói về việc làm của em liên quan đến một chủ đề trên bông hoa* Làm theo lời Bác.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ theo gợi ý:
 - + Đó là việc gì, thuộc chủ đề nào?
 - + Em đã làm việc đó như thế nào?
 - + Em có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc gì khi làm việc đó?
 - + ?
- Lưu ý:** GV có thể gợi ý thêm chủ đề “Yêu Tổ quốc” để HS nói.
- Mỗi nhóm cử HS nói trước lớp (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: NAY EM MƯỜI TUỔI (tiết 8 – 11, SHS, tr. 53 – 56)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về một niềm vui của em trong ngày sinh nhật hoặc một dịp đặc biệt; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thiên nhiên, đất trời mùa thu như cùng mừng tuổi lên mười với bạn nhỏ*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi niềm vui hồn nhiên, trong trẻo của tuổi thơ vào sinh nhật mười tuổi*. Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài thơ hoặc lời bài hát viết về tài năng hoặc lòng dũng cảm, việc làm có ý nghĩa, ước mơ của thiếu nhi cho tương lai; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về hình ảnh em thích, những điều em học được sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát.

3. Luyện tập sử dụng từ đa nghĩa.

4. Viết được đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh vật ở một danh lam thắng cảnh.
5. Viết và trang trí được một tấm thiệp chúc mừng bạn nhân dịp bạn tròn mười tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về trăng sáng, tiếng gà gáy sớm, đồng lúa,... (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý bài thơ hoặc lời bài hát thuộc chủ điểm “Chủ nhân tương lai”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- HS mang tới lớp bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Giấy màu để HS thực hiện hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi, nói với bạn về một niềm vui của em trong ngày sinh nhật hoặc một dịp đặc biệt → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Nay em mười tuổi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Nay em mười tuổi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc của nhân vật và từ ngữ miêu tả đặc điểm của thiên nhiên, cảnh vật được nhắc đến trong bài thơ, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lóng lánh, hớn hờ, ...*

- + Luyện đọc một số câu thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

*Năng hồi hộp/ thức suốt đêm/
Đợi ban mai/ tới mừng em lên mười//
Trống trường/ vang tiếng nói cười/
Thu đi học/ công khoảng trời dễ thương.//*

- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Ba khổ thơ đầu.

- + Đoạn 2: Khổ thơ cuối.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

- + Câu 1: *Mỗi món quà thiên nhiên tặng bạn nhỏ vào tuổi lên mười được tả: năng ban mai, khoảng trời dễ thương, ánh trăng lóng lánh, cỏ xanh đỉnh sương, tiếng gà gọi bình minh, cánh đồng lúa, làn gió thơm, quả thị toả hương.* (GV có thể chia nhỏ nhiệm vụ cho HS thảo luận bằng cách tìm ở từng khổ thơ.)

- + Câu 2: *Năng và cô được nhân hoá bằng cách dùng từ ngữ tả người để tả vật: năng – hồi hộp, thức suốt đêm, đợi ban mai tới; cô – hớn hờ, đỉnh sương để làm quà → Các sự vật được nhân hoá để thể hiện cảm xúc háo hức, vui vẻ, của bạn nhỏ vào ngày đón tuổi lên mười.*

- + Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Mỗi âm thanh gọi cho em cảm xúc vui tươi, háo hức, đón chờ tuổi lên mười,...*

- + Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *TG nói “Sáng vui đón tuổi lên mười/ Ngõ như đất nước đẹp tươi lớn cùng.” vì vào buổi sáng ngày sinh nhật của bạn thiên nhiên rất tươi đẹp, bạn nhỏ cảm thấy như thiên nhiên dành tặng những món quà đặc biệt đó cho mình, để mình được lớn lên cùng thiên nhiên tươi đẹp;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 → rút ra ý đoạn 1: *Những món quà đặc biệt của thiên nhiên mùa thu tặng bạn nhỏ vào tuổi lên mười.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 2: *Thiên nhiên, đất nước đẹp tươi như vui cùng bạn nhỏ đón tuổi lên mười* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại hai khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, tươi vui, khổ thơ cuối đọc trầm hơn các khổ thơ trước, thể hiện suy tư; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của sự vật, ...*):

Lúa/ phơi bông/ khắp cánh đồng/

Gió thơm/ bay giữa mênh mông thảm vàng/

Đẻ trang cổ tích/ mơ màng/

Căng tròn trái thị/ dịu dàng toả hương./

Ngắm bầy chim liệng/ thân thương/

Riu ràn/ bỗng thấy bốn phương reo mời/

Sáng vui/ đón tuổi lên mười/

Ngõ như/ đất nước đẹp tươi/ lớn cùng./

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ điểm *Chủ nhân tương lai*

1.2.1. Tìm đọc bài thơ, lời bài hát

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ hoặc lời bài hát:

+ Về tài năng hoặc lòng dũng cảm của thiếu nhi (Gợi ý: *Lượm* – Tố Hữu, *Kim Đồng* (lời bài hát) – Phong Nhã, *Trần Quốc Toản* (lời bài hát) – Tâm Thơ, Ngô Nguyễn Trần,...)

+ Về việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi (Gợi ý: *Hạt gạo làng ta* – Trần Đăng Khoa, *Lên rẫy* – Đỗ Toàn Diện, *Mẹ vắng nhà ngày bão* – Đặng Hiền, *Khi mẹ vắng nhà* – Trần Đăng Khoa,...)

+ Về ước mơ của thiếu nhi cho tương lai (Gợi ý: *Em cùng đất nước đi lên* – Hoài Khánh, *Bốn mùa mơ ước* – Nguyễn Lâm Thắng, *Em là hoa hồng nhỏ* (lời bài hát) – Trịnh Công Sơn, *Ước mơ tuổi thơ* (lời bài hát) – Lê Ưu Điềm, *Những ước mơ* (lời bài hát) – Nguyễn Ngọc Thiện,...)

+ ?

– HS chuẩn bị bài thơ hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát: tên bài thơ hoặc bài hát, tên TG, từ dùng hay, hình ảnh đẹp,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hoặc lời bài hát.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc lời bài hát đã đọc

– HS đọc bài thơ hoặc lời bài hát hoặc trao đổi cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ những điều học được sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát, hình ảnh em thích và giải thích lí do,...

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép những hình ảnh đẹp trong bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ

HS có thể ghi chép lại những hình ảnh đẹp trong một bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ mà em thích: tên bài thơ hoặc lời bài hát, tên TG, hình ảnh đẹp,...

1.2.5. Đọc một bài thơ hoặc lời bài hát được bạn chia sẻ mà em thích

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát.

– HS thực hành đọc bài thơ hoặc lời bài hát ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đa nghĩa

2.1. Luyện tập phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm nhỏ, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

+ Từ “quả” trong câu a được dùng với nghĩa gốc, trong câu b được dùng với nghĩa chuyển.

+ (1) Từ dùng để chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả bóng);

(2) Món lợi thu được trong làm ăn, buôn bán (trúng quả lớn);...

+ HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

+ chân:

• Nghĩa gốc: Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật dùng để đi, đứng.

• Nghĩa chuyển: Bộ phận dưới cùng của một số đồ vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.

+ mặt:

• Nghĩa gốc: Phần phía trước từ trán đến cằm của đầu người hay phần phía trước của đầu con thú.

• Nghĩa chuyển: Phần phẳng ở phía trên hoặc phía ngoài của vật.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có sử dụng từ mang nghĩa chuyển

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trả lời một số câu hỏi gợi ý:

+ Em chọn tả cảnh đẹp nào?

+ Em sử dụng từ “mặt” hay từ “chân” được dùng với nghĩa chuyển?

+ ?

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi tìm hiểu đoạn văn.

(Gợi ý:

a. *Đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh từ lúc bình minh đến khi mặt trời lên cao. Những từ ngữ cho biết điều đó là: mặt trời còn bẽn lễn núp sau sườn núi, mặt trời chễm chệ ngự trị trên chòm mây.*

b. *Những từ ngữ để tả màu sắc của núi:*

- + *Mặt trời mới ló dạng: núi từ màu xám xịt đổi ra màu tím sẫm.*
- + *Mặt trời nhô lên dần: núi từ màu tím sẫm đổi ra màu hồng, rồi từ màu hồng lần lần đổi ra màu vàng nhạt.*
- + *Mặt trời đã lên cao: núi trở lại màu xanh biếc.*

c. *Mặt trời được nhân hoá bằng cách dùng từ ngữ tả hoạt động của người để miêu tả hoạt động của vật (chễm chệ ngự trị trên chòm mây) → Mặt trời hiện lên sinh động, uy nghi như một vị vua.)*

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả sự thay đổi của cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Em chọn tả danh lam thắng cảnh nào? Vào những thời điểm nào?
 - + Vào mỗi thời điểm, cảnh có những đặc điểm gì nổi bật?
 - + ?
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 3 và tự thực hiện.

3.3. Chia sẻ đoạn văn và bình chọn đoạn văn hay

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ đoạn văn đã viết theo kỹ thuật *Phòng tranh nhỏ*, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh đoạn văn.

– HS bình chọn trong nhóm đoạn văn hay theo các tiêu chí:

+ Từ ngữ gợi tả phong phú.

+ Hình ảnh đẹp.

+ Câu văn hay.

+ ?

– HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp, trưng bày bài viết ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết và trang trí một tấm thiệp chúc mừng bạn nhân dịp bạn tròn mười tuổi.*

– HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV để chọn nội dung viết:

+ Em viết thiệp tặng ai?

+ Em sẽ nói gì để chúc mừng bạn nhân dịp sinh nhật?

+ Em muốn trang trí thiệp như thế nào?

+ ?

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, làm bài vào VBT hoặc giấy màu.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: CẬU BÉ SAY MÊ TOÁN HỌC (tiết 12 – 14, SHS, tr. 57 – 59)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về nỗ lực và ước mơ của một nhân vật nhỏ tuổi mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Niềm đam mê, sự chăm chỉ, những thành tích, ước mong của cậu bé say mê toán học – Đồng Trọng Nghĩa. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi đức tính chăm chỉ, say mê, khiếm tốn của cậu bé Đồng Trọng Nghĩa; khuyên các bạn nhỏ nỗ lực, mạnh dạn sáng tạo để biến ước mơ thành hiện thực.*

3. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa.
4. Viết được bài văn tả một danh lam thắng cảnh.
5. Suu tầm được tranh ảnh, thông tin,... về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em biết và giới thiệu được về cuộc thi đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Nhờ niềm say mê” đến hết.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nỗ lực và ước mơ của một nhân vật nhỏ tuổi mà em biết (Gợi ý: *Xti-von Hoóc-king, Tiến Anh, Uy-li-am Cam-goam-ba,...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Cậu bé say mê toán học”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cậu bé say mê toán học

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về việc làm, niềm say mê, ước mơ, ... của cậu bé Đồng Trọng Nghĩa,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *Ja Aok* (đọc là Chà O),...

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Ở nhà,/ mọi người thường gọi Nghĩa là Ja Aok/ – tên một chàng dũng sĩ/ trong truyện cổ tích Chăm/ – với ước mong cậu luôn khỏe mạnh,/ thông minh/ và tốt bụng./;*

• *Không những thế,/ Nghĩa còn học đều tất cả các môn/ và rất tích cực tham gia các hoạt động của trường,/ lớp./;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *truyền cảm hứng* (khích lệ, thúc đẩy hành động một cách tự tin cho người khác),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tốt bụng”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “giải Nhì”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Bố mẹ gửi gắm ước mong con luôn khỏe mạnh, thông minh, tốt bụng trong tên thường gọi ở nhà của Đồng Trọng Nghĩa.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy Nghĩa sớm bộc lộ năng khiếu toán học: tính nhẩm rất nhanh, thích thú với những trò chơi đố vui về toán.*

+ Câu 3: (1) *Thông minh, có năng khiếu và say mê môn toán, chăm chỉ học tập;* (2) *Có hoài bão đẹp;* (3) *Khiêm tốn.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Đồng Trọng Nghĩa là một cậu bé người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận. Nghĩa sớm bộc lộ năng khiếu toán học. Em luôn là người truyền cảm hứng cho các bạn trong giờ học toán, tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp. Năm học lớp Năm, em đoạt giải Nhì cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế” tại Thái Lan. Em luôn tự nhủ phải khiêm tốn và cố gắng học tập tốt hơn nữa để trở thành một nhà sáng lập, tạo ra những trò chơi toán học, mang lại niềm vui và phát triển khả năng sáng tạo cho mọi người;...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Tên thường gọi của Nghĩa gửi gắm ước mong của bố mẹ về em: khỏe mạnh, thông minh và tốt bụng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Nghĩa có năng khiếu về toán, luôn truyền cảm hứng học toán cho các bạn, đoạt giải Nhì cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế” và ý đoạn 3: *Đức tính khiêm tốn và ước mơ của cậu bé Nghĩa.**

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe bạn đọc lại đoạn từ “Nhờ niềm say mê” đến hết (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui, hào hứng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, cảm xúc,...*):

Nhờ niềm say mê/ và không ngừng nỗ lực,/ năm học lớp Năm,/ em được chọn/ là một trong sáu thí sinh đại diện cho Việt Nam/ tham dự cuộc thi “Toán trí tuệ Quốc tế”/ tại Thái Lan.// Cậu bé thông minh,/ lanh lợi ấy/ đã xuất sắc đoạt giải Nhì.//

Nghĩa xem những trải nghiệm từ cuộc thi/ với hơn 1 000 thí sinh đến từ 22 quốc gia/ là kinh nghiệm quý báu.// Em luôn tự nhủ phải khiêm tốn/ và cố gắng học tập tốt hơn nữa/ để trở thành một nhà sáng lập,/ tạo ra những trò chơi về toán học,/ mang lại niềm vui/ và phát triển khả năng sáng tạo/ cho mọi người.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Nhờ niềm say mê” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa

2.1. Phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: *Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2 và 3 là nghĩa chuyển.*)

– HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý:

+ *nước ấm, nắng ấm, trời ấm lên, ...*

+ *áo ấm, mặc đủ ấm, ...*

+ *ấm bụng, màu tranh ấm, ...*)

– HS chơi trò chơi *Chuyền hoa* để chữa bài trước lớp.

– HS thực hành nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm 4 theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*. (Gợi ý:
 - a. *nhật tình, hăng hái, ...*
 - b. *cố gắng, gắng sức, ...*
 - c. *miệt mài, say mê, ...*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 2)

3.1. Viết bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã lập, các đoạn thân bài đã viết ở các tiết trước để viết bài văn hoàn chỉnh.
 - + Khi tả, có thể chọn một trong hai cách theo gợi ý.
 - + Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.
 - + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.
 - + Sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh, nhân hoá để bài viết thêm sinh động.
 - + ?
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS tự đọc lại bài viết để chỉnh sửa bài viết. (Gợi ý: *Trình tự miêu tả; từ ngữ gợi tả; hình ảnh so sánh, nhân hoá; câu văn biểu cảm;...*)

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... và nói về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em biết.*

– HS nghe GV hướng dẫn sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... và chia sẻ với người thân ở nhà trước buổi học khoảng một tuần.

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Chia sẻ với bạn hoặc người thân về cuộc thi.*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trưng bày tranh ảnh theo kỹ thuật *Phòng tranh* và chia sẻ thông tin về một cuộc thi dành cho thiếu nhi mà em đã tìm hiểu. (Gợi ý: *Hội thi Nghi thức Đội, Hội thi vẽ tranh về biển đảo Việt Nam, Hội thi hát dân ca trong trường học, ...*)

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: LỚP HỌC TRÊN ĐƯỜNG (tiết 15 – 18, SHS, tr. 60 – 64)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời các nhân vật; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Nhờ lớp học đặc biệt của cụ Vi-ta-li, cậu bé Rê-mi đã biết đọc chữ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi tấm lòng nhân từ, quan tâm đến giáo dục cho trẻ của cụ Vi-ta-li và tinh thần hiếu học của cậu bé Rê-mi.*
3. Nhận diện được các trường hợp viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.
4. Biết được cách viết chương trình cho một hoạt động.
5. Tìm đọc được 1 – 2 đoạn trong truyện “Không gia đình”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về miền quê nước Pháp thế kỷ XIX (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn từ “Từ đó” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Lớp học trên đường”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Lớp học trên đường

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc của các nhân vật; giọng cụ Vi-ta-li trầm ấm, giọng Rê-mi trong trẻo, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *Vi-ta-li, Ca-pi, đặc chí, sao nhãng, ...*
- + Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Dĩ nhiên,/ Ca-pi không đọc lên được những chữ nó thấy/ vì nó không biết nói,/ nhưng/ nó biết lấy ra những chữ mà thầy tôi đọc lên.//;*
 - *Ít lâu sau,/ tôi đọc được,/ trong khi con Ca-pi đáng thương/ chỉ biết “viết” tên nó bằng cách rút những chữ gở trong bảng chữ cái.//;...*
- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “mà đọc được”.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “trong bảng chữ cái”.
 - + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Rê-mi được thầy Vi-ta-li dạy học ở trên đường, trong suốt khoảng thời gian cậu cùng cụ và các bạn thú đi khắp nơi để diễn xiếc.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy lớp học của Rê-mi khác lạ so với lớp học thông thường: sách vở là những miếng gỗ mỏng nhặt trên đường được cắt thành nhiều mảnh nhỏ rồi khắc chữ cái lên đó; Rê-mi học thuộc các chữ cái khi cậu đi trên đường; chú chó Ca-pi là bạn học của Rê-mi; ...*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn từ “hiếu học” vì dù đang ở trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Rê-mi vẫn chăm chỉ học tập để có thể biết đọc, biết viết,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Thầy Vi-ta-li nhận xét Rê-mi “là một đứa trẻ có tâm hồn” vì âm nhạc, những câu hát gọi ra ở cậu bé những cảm xúc riêng, gọi ra nỗi nhớ mẹ và giúp cậu tưởng tượng được nhiều điều,...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.)

– HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *ngày một ngày hai* (nhANH chóng, có kết quả ngay), *tấn tới* (tiền bộ, đạt nhiều kết quả),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Lớp học đặc biệt của Rê-mi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Nhờ thông minh và chăm chỉ, Rê-mi đã biết đọc chữ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra ý đoạn 3: *Rê-mi là một đứa trẻ có tâm hồn*
→ rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Từ đó” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng thong thả, chậm rãi, giọng cụ Vi-ta-li trầm ấm, câu cuối giọng run run, cảm động, giọng Rê-mi hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc của nhân vật, ...*):

Từ đó,/ tôi không dám sao nhãng một phút nào.// Ít lâu sau,/ tôi đọc được,/ trong khi con Ca-pi đáng thương/ chỉ biết “viết” tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bảng chữ cái.//

Cụ Vi-ta-li hỏi tôi://

– Bây giờ/ con có muốn học nhạc không?//

– Đây/ là điều con thích nhất.// Nghe thầy hát,/ có lúc con muốn cười,/ có lúc lại muốn khóc.// Có lúc/ tự nhiên con nhớ đến mẹ con/ và tưởng như/ đang trông thấy mẹ con ở nhà.//

Bằng một giọng cảm động,/ thầy bảo tôi://

– Con/ thật là một đứa trẻ có tâm hồn.//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Từ đó” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại những điều thú vị về mỗi nhân vật trong truyện “Lớp học trên đường”.*

– HS hoạt động nhóm 3, thực hiện yêu cầu, khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

2.1. Hình thành khái niệm về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT.

(Gợi ý:

a. *Bác, Ông Cụ, Người.*

b. *Các danh từ được viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng.*)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Nhận diện các danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*. (Đáp án: a. *Xuân, Bác*; b. *Anh*.)
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có danh từ chung được viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết chương trình hoạt động

3.1. Tìm hiểu cấu tạo của bản chương trình hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bản chương trình giao lưu “Sách và ước mơ”.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện BT.

(Gợi ý:

- Có ba mục: Mục đích, phân công chuẩn bị, chương trình cụ thể.*
- Mỗi mục được trình bày gồm tên và các ý thể hiện nội dung; các ý được trình bày cụ thể rõ ràng; từ ngữ, câu ngắn gọn, kết hợp với các kí hiệu hoặc bảng biểu.)*

- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bản chương trình hoạt động.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Thực hành tìm ý, lập dàn ý cho một bản chương trình hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- Hội trại, Hội thi Nghi thức Đội, Triển lãm “Vì môi trường”, Triển lãm tranh trong “Ngày hội sách”, Triển lãm ảnh “Biển đảo Việt Nam”,...*

- b. Khuyến khích HS tự chọn.)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm đọc 1 – 2 đoạn trong truyện “Không gia đình”.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm đọc truyện “Không gia đình” trước buổi học một tuần.
- HS chia sẻ đoạn truyện trong nhóm nhỏ.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: LUẬT TRẺ EM (tiết 19 – 21, SHS, tr. 65 – 67)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về việc thực hiện nội quy của trường, lớp; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *“Luật Trẻ em” có những điều quy định về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu, được vui chơi, giải trí. Đồng thời, Luật cũng có những điều quy định về bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.*
3. Biết tranh luận theo chủ đề *Bổn phận của trẻ em.*
4. Viết được chương trình cho một hoạt động do Ban chỉ huy Liên đội trường em dự kiến tổ chức trong năm học.
5. Tìm hiểu “Luật Trẻ em” và trình bày được nội dung một điều luật về quyền của trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; nội quy trường, lớp phóng to (nếu có).
- Một số hình ảnh về việc HS thực hiện nội quy trường, lớp (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi Điều 15, Điều 16, Điều 17.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, cùng bạn chia sẻ về việc thực hiện nội quy trường, lớp.
(Gợi ý: *Những điều em thực hiện tốt, những điều em cần cố gắng.*)

Lưu ý: Có thể kết hợp sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị.)

- HS đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động → phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Luật Trẻ em”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Luật Trẻ em

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV hoặc bạn đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ biểu thị các thông tin về điều luật, yêu cầu thực hiện các quy định của Luật,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).

+ Luyện đọc một số câu dài:

• *Trẻ em có quyền vui chơi,/ giải trí;// được bình đẳng/ về cơ hội tham gia các hoạt động văn hoá,/ nghệ thuật,/ thể dục,/ thể thao,/ du lịch/ phù hợp với độ tuổi.//;*

• *1.// Tôn trọng,/ lễ phép với người lớn tuổi;// quan tâm,/ giúp đỡ người già,/ người khuyết tật,/ phụ nữ mang thai,/ trẻ nhỏ,/ người gặp hoàn cảnh khó khăn/ phù hợp với khả năng,/ sức khoẻ,/ độ tuổi của mình.//;*

• *2.// Tôn trọng quyền,/ danh dự,/ nhân phẩm của người khác;// chấp hành quy định về an toàn giao thông/ và trật tự,/ an toàn xã hội;// bảo vệ,/ giữ gìn,/ sử dụng tài sản,/ tài nguyên,/ bảo vệ môi trường/ phù hợp với khả năng/ và độ tuổi của trẻ em.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *bổn phận* (phần việc phải lo liệu, phải làm theo đạo lý thông thường),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Điều 15, Điều 16, Điều 17.

+ Đoạn 2: Điều 39.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những điều luật về quyền trẻ em: Điều 15 có nội dung quy định về “Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng”; Điều 16 có nội dung quy định về “Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu”; Điều 17 có nội dung quy định về “Quyền vui chơi, giải trí”.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Bà chăm sóc em khi em bị bệnh; bố vất vả đi làm để có tiền nuôi nấng em; ... → Biết ơn gia đình hoặc người thân đã chăm sóc, nuôi dưỡng em.*

+ Câu 3: Nêu các nội dung ở Điều 39.

+ Câu 4: Khuyến khích HS trả lời dựa vào thực tế em đã làm để thực hiện các điều luật trong bài khi em ở trường, ở địa phương gia đình em sinh sống, VD: *Lễ phép với các cô chú lao công, nhường chỗ cho người lớn tuổi trên xe buýt, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Một số nội dung quy định về quyền của trẻ em.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Các nội dung quy định về bổn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ biểu thị các thông tin về điều luật, yêu cầu thực hiện các quy định của Luật, ...):

Điều 15.// Quyền được chăm sóc,/ nuôi dưỡng//

Trẻ em có quyền được chăm sóc,/ nuôi dưỡng/ để phát triển toàn diện.//

Điều 16.// Quyền được giáo dục,/ học tập/ và phát triển năng khiếu//

1.// Trẻ em có quyền được giáo dục,/ học tập/ để phát triển toàn diện/ và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.//

2.// Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục;// được phát triển tài năng,/ năng khiếu,/ sáng tạo,/ phát minh.//

Điều 17.// Quyền vui chơi,/ giải trí//

Trẻ em có quyền vui chơi,/ giải trí;// được bình đẳng/ về cơ hội tham gia các hoạt động văn hoá,/ nghệ thuật,/ thể dục,/ thể thao,/ du lịch/ phù hợp với độ tuổi.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Tranh luận theo chủ đề Bốn phận của trẻ em

2.1. Xác định chủ đề tranh luận và nêu quan điểm

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn đối thoại.

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

a. Các bạn tranh luận về việc có nên làm việc nhà sau khi đi học về không.

b. Bạn Sơn và Tuấn cho rằng không cần, bạn Tú lại nghĩ rằng nên làm việc phụ bố mẹ.

c. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thực hành tranh luận theo chủ đề

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đóng vai thực hiện BT trong nhóm nhỏ theo gợi ý:

+ Chưa cần làm việc nhà:

- Tuổi còn nhỏ.
 - Đi học cả ngày.
 - Nhà đã có người giúp việc.
 - ?
- + Cần làm việc nhà:
- Chia sẻ trách nhiệm.
 - Rèn luyện sức khỏe.
 - Bố mẹ vui vì con biết chia sẻ.
 - ?
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết chương trình hoạt động

3.1. Viết chương trình cho một hoạt động dựa vào gợi ý

- HS xác định yêu cầu BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào gợi ý, kết quả thảo luận nhóm và dàn ý đã làm ở tiết trước để viết chương trình cho một hoạt động.
 - + Cần tách các nội dung chính thành các mục kèm số thứ tự, sử dụng kí hiệu hoặc bảng biểu để thể hiện các ý trong mỗi nội dung.
 - + Phần chương trình cụ thể có thể trình bày dưới dạng bảng với hai cột như gợi ý để nội dung trình bày rõ ràng và dễ theo dõi.
 - + Trình bày thông tin cụ thể, rõ ràng với các từ ngữ, câu ngắn gọn.
 - + ?
- HS thực hành viết chương trình hoạt động vào VBT.

3.2. Chia sẻ trong nhóm, hoàn chỉnh chương trình hoạt động đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện các yêu cầu của BT.
- HS chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình hoạt động đã viết theo góp ý của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ chương trình hoạt động đã viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm hiểu “Luật Trẻ em” và trình bày nội dung một điều luật về quyền của trẻ em.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm hiểu những điều Luật quy định ở nhà trước buổi học khoảng một tuần.
- HS trao đổi thông tin trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: BỨC TRANH ĐỒNG QUÊ (tiết 22 – 25, SHS, tr. 68 – 71)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giải được câu đố và nói được 1 – 2 câu về cánh đồng; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cánh cánh đồng làng quê buổi ban mai tươi đẹp.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thanh bình, đầy sức sống của cánh đồng quê hương và bày tỏ tình yêu tha thiết, niềm tự hào về quê hương, đất nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài văn viết về vẻ đẹp của thiếu nhi, việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi hoặc ước mơ đẹp của thiếu nhi; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về từ ngữ dùng hay, hình ảnh đẹp trong bài văn đã đọc.

3. Luyện tập sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Ghi lại được những từ ngữ, những hình ảnh em thích trong bài thơ “Bức tranh đồng quê”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh bình minh, mây vẫy cá, hàng cau, đường làng, ... (nếu có).

– Danh sách gợi ý bài văn thuộc chủ điểm “Chủ nhân tương lai”, hướng dẫn tìm kiếm bài văn trên internet.

– HS mang tới lớp sách, báo có bài văn phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc câu đố → giải đố (Đáp án: *Cánh đồng*) và nói 1 – 2 câu về cánh đồng → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Bức tranh đồng quê”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Bức tranh đồng quê

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả dáng vẻ, màu sắc của cảnh vật, hoạt động của các sự vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *xoè rộng, thoắt, lững thững, quán quýt, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cách nhìn cảnh vật buổi bình minh của TG:

Ông trời/ đốt lửa phương đông/

Đun bằng mấy dải mây hồng/ vắt ngang/

Rồi/ xoè rộng/ cái quạt vàng/

Phát tung/ ánh sáng bay tràn khắp nơi/

Trắng ngời/ mây/ vẫy cá bơi

Đàn cò thoắt hiện/ cánh bơi nhịp nhàn//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ cuối.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: Hình ảnh và màu sắc: Ông trời đốt lửa, đun bếp bằng mấy dải mây hồng vắt ngang, ông trời xoè rộng quạt vàng, phát tung ánh sáng bay tràn khắp nơi, mây trắng ngời như vẩy cá phoi trong ánh bình minh, đàn cánh cò (trắng) bay – như bơi, hàng cau rũ tóc, sương loang cuối vườn.

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Làng quê vào buổi bình minh mang vẻ đẹp bình dị, hiền lành, thân thương,...

+ Câu 3: Hình ảnh nhân hoá: ông trời đốt lửa, xoè quạt, phát tung ánh sáng, đàn cò sải cánh bơi, hàng cau rũ tóc, bờ nghiêng nghiêng chạy, nắng lượn,...; hình ảnh so sánh: mây vẩy cá phoi, lúa non trải lụa mượt mà, cụm vườn toả khói mỏng như khăn voan choàng lên cây,... → Cảnh đồng quê sinh động, mọi vật đều có hồn, tươi đẹp dưới ánh bình minh.

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Chọn từ “thanh bình” vì cảnh vật nơi đây bình yên, êm đềm, ...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Cảnh sắc thiên nhiên, cây cối, chim chóc, ... trong buổi bình minh.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: Cảnh đồng quê trong buổi bình minh.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: Giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật, ...):

Bóng trâu/ lững thững ròi chuồng/
 Dáng người quảy gánh/ trên đường xa xa//
 Lúa non/ trái lúa mượt mà/
 Bờ ngiêng nghiêng chạy/ ròi nhòa mắt tắm//
 Cùm vườn/ toả mỏng khói lam/
 Như khăn voan/ phảng phất choàng bóng cây//
 Một đàn sẻ/ quán quýt bay/
 Dọc con đường/ nặng lượn dài lung linh//
 Đồng quê/ vẽ cảnh bình minh//
 Bức tranh riêng của chúng mình:/ quê hương...//

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm *Chủ nhân tương lai*

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường, internet,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Chủ nhân tương lai” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet một bài văn:

+ Về vẻ đẹp của thiếu nhi (Gợi ý: *Đồng cỏ nở hoa* – Ma Văn Kháng, *Mùa thu ở đồng quê* – Nguyễn Trọng Tạo, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* – Nguyễn Ngọc Thuần,...)

+ Về việc làm có ý nghĩa của thiếu nhi (Gợi ý: *Cây gạo ngoài bến sông* – Mai Phương, *Mẹ vắng nhà* – Nguyễn Thi, *Các em nhỏ và cụ già* – Xu-khôm-lin-xki,...)

+ Về ước mơ đẹp của thiếu nhi (Gợi ý: *Trên đồi, mở mắt và mơ* – Văn Thành Lê, *Chiến chiến bay lên* – Ngô Văn Phú, *Hái trắng trên đỉnh núi* – Vũ Thị Huyền Trang,...)

+ ?

– HS chuẩn bị bài văn đã đọc để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên TG, nội dung bài văn, từ dùng hay, hình ảnh đẹp,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc

- HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về từ ngữ dùng hay, hình ảnh đẹp trong bài văn đã đọc.
- HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép về bài văn được bạn chia sẻ

HS có thể ghi chép lại một vài thông tin quan trọng về một bài văn được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bài văn, tên TG, những từ ngữ, hình ảnh đẹp,...

1.2.5. Đọc bài văn được bạn chia sẻ mà em thích

- HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài văn.
- HS thực hành đọc bài văn ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ điển

2.1. Luyện tập phân biệt nghĩa của từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

+ Nhóm chứa “gia” có nghĩa là “nhà”: gia đình, gia tộc, gia súc, gia dụng.

+ Nhóm chứa “gia” có nghĩa là “thêm vào”: gia giảm, gia cố, gia nhập, gia công.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý:

a. Nghĩa của mỗi từ:

+ Trung thu: rằm tháng Tám âm lịch; ngày tết của trẻ em.

+ *Trung thành*: trước sau một lòng một dạ; đứng với sự thật không thêm bớt.
+ *Trung tâm*: nơi ở giữa của một vùng nào đó; nơi tập trung những hoạt động trong một lĩnh vực nào đó.

+ *Trung thực*: ngay thẳng, thật thà.

b. *Nhóm 1* (tiếng “trung” có nghĩa là “ở giữa”): trung thu, trung tâm.

Nhóm 2 (tiếng “trung” có nghĩa là “thật thà, ngay thẳng”): trung thành, trung thực.

c. *Nhóm 1*: trung bình, trung du, trung gian, ...

Nhóm 2: trung kiên, trung hậu, trung dũng, ...

d. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu giới thiệu một câu chuyện về lòng trung thực

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn tả phong cảnh

(Bài viết số 2)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến thăm hoặc được biết qua sách báo, phim ảnh, ...:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– ?

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (phát triển, mở rộng ý; chỉnh sửa từ ngữ, diễn đạt; sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá;...).

3.3. Trang trí và trưng bày bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS trang trí bài viết theo nội dung bài hoặc nội dung chủ điểm.
- HS trưng bày bài viết trước lớp theo kỹ thuật *Phòng tranh*.

3.4. Bình chọn bài viết tốt

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS tham quan *Phòng tranh* và bình chọn bài viết theo các tiêu chí:
 - + Mở bài hấp dẫn.
 - + Từ ngữ, câu văn hay.
 - + Hình ảnh so sánh, nhân hoá hay.
 - + Kết bài ấn tượng.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Bức tranh đồng quê”.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 8: LỄ RA MẮT HỘI NHI ĐỒNG CỨU QUỐC (tiết 26 – 28, SHS, tr. 72 – 76)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu được 1 – 2 hoạt động hoặc phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Năm 1941, Hội Nhi đồng Cứu quốc đã ra đời với sự góp mặt của năm đội viên đầu tiên.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ngợi ca tinh thần dũng cảm, lòng yêu nước của năm đội viên đầu tiên của Hội Nhi đồng Cứu quốc.*

3. MRVT theo chủ đề *Công dân*.

4. Biết được cách viết báo cáo một công việc.

5. Giới thiệu được với người thân về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về năm đội viên đầu tiên của Hội, buổi lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc; các tấm gương thiếu nhi tiêu biểu,... (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu 1 – 2 hoạt động hoặc phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh mà em biết (Gợi ý: *Hội thi Nghi thức Đội; Phong trào “Kế hoạch nhỏ”; Phong trào “Nghìn việc tốt”; ...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng trong sáng, chậm rãi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả sự vật, ý nghĩa bi danh của nhân vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *cấp thiết, gang thép, đại ngàn, thiêng liêng, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài:

• Để thực hiện nhiệm vụ này, vào ngày 15/ tháng 5/ năm 1941, tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, Hội Nhi đồng Cứu quốc đã ra đời.//;

• *Dưới cánh rừng đại ngàn,/ gương mặt các đội viên/ tươi đẹp như những đoá hoa/ nhưng cũng rất kiên nghị,/ sắt đá.//;*

• *Ánh sáng bàng bạc xuyên qua kẽ lá/ như muốn cùng chứng kiến giờ phút thiêng liêng/ và trọng đại/ trong cuộc đời của các thành viên đầu tiên của Hội.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *kháng chiến* (chiến đấu chống xâm lược), *đại ngàn* (rừng lớn có nhiều loại cây to, lâu đời),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “đã ra đời”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “nhấp nháy sáng”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Hội Nhi đồng Cứu quốc ra đời trong những năm kháng chiến (chống thực dân Pháp). Nhiệm vụ của Hội là chuyển công văn, giấy tờ kịp thời, an toàn để bảo vệ các cơ sở cách mạng.*

+ Câu 2: *Lễ ra mắt Hội Nhi đồng Cứu quốc diễn ra vào ngày 15 tháng 5 năm 1941, tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng trong bầu không khí giản dị và nồng ấm nhưng cũng rất đổi thiêng liêng.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Lý Thị Nì có bí danh là Thuỷ Tiên. Em rất thích bí danh này vì nó mang ý nghĩa tốt đẹp, nhắc nhở bạn nhỏ mang cái tên với ý nghĩa là bông hoa tiên bên suối biết làm việc tốt, việc có ích;...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Thể hiện ý chí kiên cường, dũng cảm của các đội viên, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc,...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *gang thép* (cứng cỏi, vững vàng đến mức không gì lay chuyển được), *thiêng liêng* (nghĩa trong bài: được coi là cao quý, đáng coi trọng hơn hết),...

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Hoàn cảnh ra đời của Hội Nhi đồng Cứu quốc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Bí danh của năm đội viên đầu tiên mang ý nghĩa đặc biệt, tốt lành.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Bầu không khí thiêng liêng và lòng quyết tâm của năm đội viên đầu tiên → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, chậm rãi, trầm ấm; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, ...*):

Dưới cánh rừng đại ngàn,/ gương mặt các đội viên/ tươi đẹp như những đoá hoa/ nhưng cũng rất kiên nghị,/ sắt đá.// Trên trời cao,/ ánh trăng/ và những ngôi sao/ bắt đầu nhấp nháy sáng.//

Sau khi nghe lời căn dặn/ của anh phụ trách,/ năm đội viên cùng nắm chặt tay nhau,/ thề/ sẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao.//

Ánh sáng bàng bạc xuyên qua kẽ lá/ như muốn cùng chứng kiến giờ phút thiêng liêng/ và trong đại/ trong cuộc đời của các thành viên đầu tiên của Hội.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Dưới cánh rừng đại ngàn” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Công dân

2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ “công dân”

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả trong nhóm. (Đáp án: *Những người dân của một nước, có quyền lợi và có trách nhiệm đối với nhà nước.*)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm từ có tiếng “dân”

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý:

+ *dân tộc, dân số, dân quân, dân phòng, dân công,...*

+ *cư dân, quốc dân, bình dân, thổ dân, di dân,...*)

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm từ ngữ nói về những việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, tìm từ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*. (Gợi ý: *Tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, trồng và bảo vệ cây xanh, học tập tốt, quan tâm đến người lớn tuổi, ...*)
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn nói về một việc làm thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân nhỏ tuổi

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS trao đổi VBT trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết



3.1. Tìm hiểu cấu tạo của bản báo cáo công việc

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc báo cáo.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện BT.

(Gợi ý: *Báo cáo gồm ba phần:*

(1) *Phần mở đầu: Tên tổ chức; thời gian và nơi thực hiện báo cáo; tên báo cáo; người nhận báo cáo; tổ chức báo cáo.*

(2) *Phần nội dung: Thường gồm các thông tin chi tiết, cụ thể về các hoạt động đã thực hiện, kết quả của các hoạt động đó, các ý kiến đề nghị,...*

(3) *Phần cuối: Chữ kí và họ tên của người đại diện tổ chức viết báo cáo.*)

- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bản báo cáo về một công việc.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Thực hành tìm ý, lập dàn ý cho một báo cáo công việc

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giới thiệu với người thân về một gương thiếu nhi mà em đã học trong chủ điểm “Chủ nhân tương lai”.*

– HS giới thiệu và bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị).

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tuần *Ôn tập giữa học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” và “Chủ nhân tương lai”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 77 – 78)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Mùa cơm mới”:
 - + Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “đôi tay mềm” và trả lời câu hỏi: Cách mặt trời nấu cơm có gì thú vị? (Gợi ý: *Cách mặt trời nấu cơm rất thú vị: nấu cơm vào giữa trưa, vàng mặt trời là nồi cơm, mây vàng là những sợi rom đun bếp, lửa, khói là nắng.*)
 - + Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “đôi tay mềm” và thực hiện yêu cầu: Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả của mẹ. (Gợi ý: *Những hình ảnh nói lên nỗi vất vả của mẹ là: lượm cả bóng mây đầy nắng, mang theo cái nắng đổ gay về nhà.*)
 - + Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Khói trời” đến hết và trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ trong bài thơ đã làm những việc gì cho mẹ? Những việc làm ấy nói lên điều gì? (Gợi ý: *Bạn nhỏ trong bài thơ đã ủ sẵn ấm trà cho mẹ, lấy ghế cho mẹ ngồi, quạt cho mẹ. Những việc làm ấy nói lên tấm lòng hiếu thảo, tình yêu, sự quan tâm của bạn nhỏ với mẹ.*)
 - + Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Khói trời” đến hết và trả lời câu hỏi: Khổ thơ cuối bài nói về điều gì? (Gợi ý: *Khổ thơ cuối nói lên sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên và khung cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm vào “mùa cơm mới”.*)
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *sém* (bị cháy phớt qua ở cạnh hay mặt ngoài),...
- Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng *bông hoa cảm xúc*.

2. Trao đổi về bài đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, tìm và nêu tác dụng của các hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài thơ “Mùa cơm mới”.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 78)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ đồng nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS thảo luận nhóm đôi, nói câu trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

+ *Đứa bé xách một giỏ cam đầy. → Cầm nhắc lên hay mang đi bằng một tay để buông thẳng xuống.*

+ *Em và Mai khiêng cái bàn vào lớp. → Nâng và chuyển vật nặng bằng sức của hai hay nhiều người.*

+ *Anh Ba vác nôi bao gạo. → Mang, chuyển bằng cách đặt lên vai vật nặng.)*

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- HS tìm từ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*. (Gợi ý: *mang, đeo, gánh, ...*)
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Tìm các từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

a. *vàng xuộm, vàng hoe, vàng tươi, vàng ối, ...*

b. *xanh ngắt, xanh xanh, xanh biếc, xanh lơ, ...*

c. *đỏ chói, đỏ rực, đỏ lừ, đỏ chót, ...*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 78 – 79)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa.
2. Ôn luyện về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Từ điển thành ngữ, tục ngữ (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. *Ăn¹: tự cho vào cơ thể thức nuôi sống (ăn cơm).*

Ăn²: ăn uống nhân dịp gì (ăn liên hoan).

Ăn³: phải nhận lấy, chịu lấy (ăn đòn).

Ăn⁴: hợp với nhau, tạo nên một cái gì hài hoà (ăn ảnh).

b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chơi trò chơi *Chuyển hoa* để trả lời câu hỏi trước lớp. (Gợi ý: Từ “tươi” trong đoạn thơ a được dùng với nghĩa chuyển, trong đoạn thơ b được dùng với nghĩa gốc.)
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

- HS viết câu vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện về từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

- hiền – lành; nhìn – trông; xanh – biếc.*
 - HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Ôn luyện về cách viết hoa thể hiện sự tôn trọng đặc biệt

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

- Cha già, Bác, Người.*
- Việc sử dụng và viết hoa các danh từ đó nói lên tình cảm kính trọng, yêu thương, quý mến, xem Bác như người thân trong gia đình của TG và nhân dân Việt Nam đối với Bác.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 80)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả phong cảnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh, video clip, audio về cơn mưa.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý cho bài viết:
 - + Em tả cơn mưa theo trình tự nào?
 - + Nhớ lại về cơn mưa:
 - Em nhìn thấy gì? • Em nghe thấy gì? • Em ngửi thấy gì? • ?
 - + Em chọn từ ngữ, hình ảnh nào để tả những điều mình cảm nhận được?
 - + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về cơn mưa?
 - + ?

Lưu ý: GV có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip, audio đã chuẩn bị để gợi ý cho HS.

- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 80 – 81)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết chương trình hoạt động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh về các hoạt động do lớp em đã tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam ở những năm học trước (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh về các hoạt động của những năm trước đã chuẩn bị):
 - + Lớp em dự kiến tổ chức hoạt động gì nhân ngày Nhà giáo Việt Nam?
 - + Bản chương trình của hoạt động đó gồm những nội dung gì?
 - + ?
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 81 – 83)

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Những vai diễn thú vị”.
2. Viết được bài văn tả một đêm trăng đẹp hoặc một cảnh đẹp sông nước (biển, hồ, sông, suối,...) mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Những vai diễn thú vị”:

- HS đọc thầm văn bản “Những vai diễn thú vị” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).
- HS trả lời câu hỏi, thực hiện các BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

- a. Cả lớp sẽ đóng kịch trong hội diễn văn nghệ của trường.
 - b. Vì hầu như đó là vai diễn đầu tiên với đa số các bạn.
 - c. hoan hỉ; nghiêm nghị
 - d. Động viên Nguyên về vai diễn; gạt đầu hương ứng lời Nguyên kể; chăm chú nghe Nguyên kể chuyện.
 - e. phấn khích – hào hứng
 - g. Làm cho nẩy sinh, phát triển và lan truyền.
 - h. Chi tiết “Nguyên đã chìm sâu vào giấc ngủ nhưng trên môi cậu vẫn còn đọng lại nụ cười rất tươi.” nói lên Nguyên rất hào hứng và luôn nghĩ đến vai diễn.
 - i. Mẹ của Nguyên tin các con đều có thể lớn lên từ những niềm vui bé nhỏ mà cô giáo đã gieo vì cô giáo luôn tin tưởng vào khả năng và biết cách động viên các bạn.
 - k. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Chọn tên “Những vai diễn đầu tiên” vì đây hầu như là những vai diễn đầu tiên của các bạn, ...
- l. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.)

B. Đánh giá kỹ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kỹ năng viết qua hoạt động viết:

- HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.
- HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.
- HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học.

Chủ điểm 3. CHUNG SỐNG YÊU THƯƠNG (Tuần 10 – 11 – 12 – 13)

Chủ điểm “Chung sống yêu thương” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được những niềm vui, niềm hạnh phúc dù là nhỏ bé, biết trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân về cuộc sống, về tương lai,...*

BÀI 1: TẾT NHỚ THƯƠNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 84 – 87)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 điều ấn tượng về cảnh vật nơi em ở vào dịp Tết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những hoạt động gần gũi, quen thuộc của nhân vật tôi bên gia đình vào mỗi dịp Tết*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Khoảng thời gian bên gia đình, người thân chính là những niềm hạnh phúc ngọt ngào, có ý nghĩa, tạo nên sự gắn bó giữa những thành viên trong gia đình; là kỉ ức đẹp đẽ của mỗi người*.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng đại từ.

4. Viết được báo cáo một công việc mà nhóm, tổ hoặc lớp em đã thực hiện.

5. Tìm và đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về ngày Tết; mở được triển lãm “Sắc xuân”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh sinh hoạt gia đình vào dịp Tết ở miền Bắc: rửa lá dong, gói bánh chưng, luộc bánh chưng,... (nếu có).
- Tranh, ảnh về hoạt động của gia đình vào dịp Tết; về ngày Tết (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Khi nôi bánh chưng” đến “và xanh dậu”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Chung sống yêu thương”. (Gợi ý: *Những niềm vui, cảm xúc êm đềm, ngọt ngào bên người thân, bạn bè, thầy cô,...*)

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 điều em ấn tượng về cảnh vật nơi em ở vào dịp Tết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tết nhớ thương”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Tết nhớ thương

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng chị Na khe khẽ, thể hiện niềm vui, háo hức; giọng thằng Cún ngây thơ, hồn nhiên,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lùng bùng, héch, lép bép,...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Khi nôi bánh chưng sôi lùng bùng trên bếp/ và cảnh đào chuẩn bị được chắm gốc vào đồng lúa,/ lúc ấy/ lũ trẻ mới cảm thấy/ rộn ràng thực sự.//;*

• *Bước ra sân,/ tôi ngẩng đầu/ nhìn bầu trời cao vời vợi,/ hít một hơi thật sâu/ để luồng gió đầu năm/ tràn vào lồng ngực.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *mũi héch* (đầu mũi ngắn, vếch lên trên, không che được hết lỗ mũi),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “thơm lừng”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “và xanh dịu”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Dấu hiệu cho thấy Tết đã đến: gió thoảng mùi lá rừng, mùi đất, những vườn đào đã bung nở hoa.*

+ Câu 2: Khuyến khích HS kể về mỗi việc làm của gia đình bạn nhỏ vào dịp Tết bằng lời của mình, VD: *Gần Tết, bạn nhỏ cùng mẹ đem lá dong ra suối rửa. Nước mát lạnh, mùi thơm của lá dong lùa vào mũi hai mẹ con* → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Gia đình bạn nhỏ rất đầm ấm, hạnh phúc, mọi người quan tâm đến nhau, bố mẹ và con cái cùng chuẩn bị để quây quần bên nhau đón Tết.*

+ Câu 3: *Vào dịp Tết, bạn nhỏ cảm nhận được nhiều hương vị: mùi lá rừng, mùi đất – thoảng trong gió; nước – mát lạnh; mùi thơm của lá dong – lùa vào mũi; mùi nếp – thơm lừng; mùi chả sam – thoang thoảng theo gió ủa tới.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Vì đó là những ngày tháng hạnh phúc, những ngày tháng bạn nhỏ được quây quần bên gia đình đầm ấm, thân thương của mình,...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *vọc* (nghĩa trong bài: thọc bàn tay vào thúng gạo, nhấc tay lên cho gạo chảy xuống qua các kẽ ngón tay),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Những dấu hiệu báo Tết đã đến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Hoạt động quen thuộc của gia đình bạn nhỏ trong những ngày Tết.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Những việc làm ý nghĩa vào ngày đầu năm mới* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng chị Na khe khẽ, thể hiện niềm vui, háo hức; giọng thằng Cún ngây thơ, hồn nhiên, ...*):

*Khi nồi bánh chưng sôi lùng bùng trên bếp/ và cành đào chuẩn bị được châm gốc vào
đống lửa,/ lúc ấy/ lũ trẻ mới cảm thấy rộn ràng thực sự.// Chị Na nhắc ba đôi dép mới,/ khẽ nói://*

*– Đây là đôi của anh cả,/ còn đây là của chị em mình.// Mẹ bảo/ mừng một mới được
đi.// Nhưng giờ mình đi thử một tí/ rồi lại cất lên.//*

*Sau khi đi thử,/ chúng tôi cầm dép lên/ và lấy tay phùi cho thật sạch.// Những điều
mới mẻ,/ đẹp dễ nhất/ phải để dành cho ngày đầu năm.//*

*Ngày Tết ở làng tôi/ bao giờ cũng có món chả sam rất ngon.// Mùa lạnh,/ mùi chả
thơm thoang thoang/ theo gió ùa tới.// Thằng Cún/ vẫn thường vênh cái mũi hếch để
thương lên/ hít hà.//*

– Ngon quá chị ơi!//

*Từ tết Trung thu,/ lũ trẻ chúng tôi đã để dành hạt bưởi/ xâu vào dây lat,/ phơi khô/
để đêm giao thừa đem ra đốt.// Tiếng nổ lép lép/ nghe thật vui tại.// Máu lửa bén nhanh/
và xanh diu.//*

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giới thiệu với bạn về một hoạt động của gia đình em vào dịp Tết.*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: *Hoạt động, người tham gia, ý nghĩa,...*

Lưu ý: HS có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Đại từ

2.1. Hình thành khái niệm đại từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: *Để xưng hô.*)
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT. (Đáp án: a. *đâu*; b. *mấy*; c. *ai*; d. *nào*.)
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. *thế – rất thông minh*; b. *vậy – rất thích hoa nhài*; c. *đó – cây xoài ở góc vườn*.)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đại từ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Tìm và nêu tác dụng của đại từ

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

(Đáp án:

a. *Đó* → dùng để thay thế cho “*xếp thứ nhất trên bảng tổng sắp huy chương*”.

b. *tôi* → dùng để xưng hô (chỉ người nói); *đâu* → dùng để hỏi.)

- 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có sử dụng đại từ

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết báo cáo công việc

3.1. Viết báo cáo công việc dựa vào gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã làm ở tiết trước và các gợi ý để viết báo cáo công việc mà nhóm em đã chọn.
 - + Viết đầy đủ các phần của báo cáo, trình bày các nội dung chính kèm số thứ tự, kí hiệu hoặc bảng biểu.
 - + Phần các hoạt động đã thực hiện có thể trình bày dưới dạng bảng với các cột như gợi ý ở tr. 87 (*Tiếng Việt 5, tập một*) để nội dung trình bày rõ ràng và dễ theo dõi hơn.
 - + Trình bày thông tin cụ thể, rõ ràng với từ ngữ, câu ngắn gọn, đủ ý.
 - + ?
- HS thực hành viết báo cáo công việc vào VBT.

3.2. Chia sẻ trong nhóm, hoàn chỉnh báo cáo công việc đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu của BT.
- HS chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo công việc đã viết theo góp ý của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Bình chọn bản báo cáo tốt

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tiến hành bình chọn trong nhóm nhỏ theo các tiêu chí:
 - + Cấu trúc báo cáo rõ ràng, trình bày khoa học.
 - + Nội dung cụ thể, diễn đạt gãy gọn.
 - + ?
- HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp, trưng bày bài viết ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Tìm và đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về ngày Tết.*
- HS quan sát các tranh, ảnh về ngày Tết đã chuẩn bị, chọn và đặt tên cho 1 – 2 tranh, ảnh.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Cùng các bạn mở triển lãm “Sắc xuân”.*
- HS trưng bày tranh, ảnh theo kĩ thuật *Phòng tranh*.
- HS giới thiệu trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: MẶN MÒI VỊ MUỐI BẠC LIÊU (tiết 5 – 7, SHS, tr. 88 – 91)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giải được câu đố và nói được 1 – 2 câu về hạt muối; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Hoạt động làm muối của diêm dân và vẻ đẹp của những cánh đồng muối ở Bạc Liêu khi vào vụ thu hoạch.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Nỗ vất vả của người nông dân “một nắng hai sương” để làm ra hạt muối. Hạt muối đậm đà tình nghĩa của diêm dân gửi gắm vào trong đó.*
3. Giới thiệu được về một làng nghề.
4. Nhận diện được bài văn kể chuyện sáng tạo (thêm vào một số chi tiết sáng tạo).
5. Đóng vai, nói và đáp được lời cảm ơn một người lao động ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về hoạt động làm muối, cánh đồng muối; một vài mẫu muối biển ở dạng hạt và tinh chế (nếu có).
- Trang thông tin, báo, tranh, ảnh về một làng nghề (nếu có).

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vào dịp tháng Ba” đến “nở hoa trong đêm”.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động khởi động.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS giải câu đố, ghi đáp án vào bảng con hoặc thẻ từ. (Đáp án: *Hạt muối*.)
- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu về hạt muối (Gợi ý: *Màu sắc, hình dáng, mùi vị, cách làm, công dụng,...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Mặn mòi vị muối Bạc Liêu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mặn mòi vị muối Bạc Liêu

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ tả hoạt động của diêm dân và vẻ đẹp của cánh đồng muối; đoạn cuối giọng xúc động xen lẫn tự hào,...*)

- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *mặn mòi, lập loè, sột soạt,...*
- + Luyện đọc một số câu dài:

• *Bạc Liêu đẹp nhất từ tháng Mười hai/ đến tháng Tư năm sau,/ khi từng cánh đồng trở nên sinh động và rộn vui/ cùng diêm dân tất bật vào vụ thu hoạch muối.//;*

• *Mặt ruộng lúc này/ tựa như những tấm gương khổng lồ/ phản chiếu ánh sáng và bóng của diêm dân,/ tạo nên khung cảnh thơ mộng/ mà sinh động/ như bức tranh sơn dầu nghệ thuật.//;...*

- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *mặn mòi* (nghĩa trong bài: vị đậm đà của hạt muối ở Bạc Liêu thấm đậm tình cảm và công sức của những diêm dân đã ngày đêm không quản khó khăn, vất vả để làm ra),...

- Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “vào vụ thu hoạch muối”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “nở hoa trong đêm”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “bức tranh sơn dầu nghệ thuật”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Nói Bạc Liêu đẹp nhất từ tháng Mười hai đến tháng Tư năm sau vì đây là thời điểm vào vụ thu hoạch muối.*

+ Câu 2: *Cảnh diêm dân thu hoạch muối được tả:*

- *Hình ảnh: những bóng đèn lập loè trong màn sương, những ô ruộng muối trải dài nối tiếp nhau, những cánh muối nở hoa trong đêm.*

- *Âm thanh: tiếng bước chân, tiếng gọi nhau í ới xen lẫn tiếng cười đùa, tiếng cào gỗ cào xuống mặt ruộng sột sọat.*

+ Câu 3: *Mặt trời lên, những đồng muối và mặt ruộng được so sánh:*

- *Những đồng muối được so sánh với những viên kim cương → Vì dưới ánh nắng, hạt muối trắng sáng lấp lánh như kim cương.*

- *Mặt ruộng được so sánh với tấm gương khổng lồ → Vì mặt ruộng phẳng và rất rộng, sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời như tấm gương.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Nghề làm muối rất vất vả, thu nhập thấp nên những người gắn bó với nghề phải là những người rất yêu nghề. Vì vậy, có thể nói hạt muối đậm đà như tấm lòng của người dân;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *rộ* (nghĩa trong bài: thu hoạch được nhiều muối nhất), *cà* (nghĩa trong bài: làm cho rã của những chiếc cào tiếp xúc với bề mặt ruộng để tạo ra hạt muối), *những cánh muối nở hoa trong đêm* (quá trình làm cho nước muối đóng tảng vỡ ra thành hạt, hạt muối có những hình thù khác nhau, sáng trắng trong bóng đêm giống như nở hoa),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu thời điểm thu hoạch muối.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Cảnh diêm dân làm muối lúc rạng sáng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Vẻ đẹp của cánh đồng muối khi mặt trời lên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Hạt muối được làm ở Bạc Liêu có hương vị riêng* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc tươi vui, đoạn nói về hoạt động của diêm dân đọc khẩn trương; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cánh đồng muối, hoạt động của diêm dân, ...*):

Vào dịp tháng Ba, / tháng Tư là lúc thu hoạch rộ nhất, / diêm dân bắt đầu làm việc từ ba giờ sáng / để tránh cái nắng chói chang đầu mùa khô. // Những bóng đèn / lập lòe trong màn sương, / trong không gian bao la / trải dài nối tiếp nhau của những ô ruộng muối. // Tiếng bước chân, / tiếng gọi nhau í ới / xen lẫn tiếng cười đùa của diêm dân làm muối đêm. // Tiếng những chiếc cào gỗ cạ xuống mặt ruộng sột soạt, / những người đàn ông khỏe mạnh nhất / đang dồn muối thành đống, / những cánh muối / nở hoa trong đêm. //

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu về một làng nghề

2.1. Chia sẻ những điều tìm hiểu được về một làng nghề

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS chia sẻ những điều em tìm hiểu được về một làng nghề (có thể kết hợp sử dụng trang thông tin, báo, tranh, ảnh, ... đã chuẩn bị) trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý:

- | | |
|----------------------------|------------|
| + Tên và địa chỉ làng nghề | + Sản phẩm |
| + Cách làm ra sản phẩm | + ? |

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá để lựa chọn một số thông tin quan trọng.

2.2. Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về làng nghề đã tìm hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và BT 3.

– HS đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về làng nghề đã tìm hiểu trong nhóm nhỏ.

Lưu ý: HS có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip, ... để nội dung giới thiệu thêm sinh động.

– HS ghi chép những thông tin chính về một làng nghề được nghe giới thiệu theo hình thức tự chọn (khuyến khích dùng sơ đồ để ghi chép).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá để hoàn chỉnh nội dung giới thiệu.

2.3. Bình chọn Hướng dẫn viên xuất sắc

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu trước lớp, các bạn khác lắng nghe, quan sát và nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí:
 - + Nội dung phong phú.
 - + Hình thức hấp dẫn.
 - + Giọng nói truyền cảm.
 - + ?
- HS bình chọn *Hướng dẫn viên xuất sắc*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Bài văn kể chuyện sáng tạo

3.1. Xác định các phần chính của câu chuyện “Ba lưỡi rìu”

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc câu chuyện.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT, kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng *Phiếu học tập* để hỗ trợ HS học nhóm).

(Gợi ý:

- + *Mở đầu: Giới thiệu anh tiều phu.*
- + *Diễn biến:*
 - *Rìu của anh tiều phu bị gãy, lưỡi rìu văng xuống sông.*
 - *Tiên ông biến thành cụ già, hứa giúp anh tiều phu.*
 - *Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng bạc, anh tiều phu không nhận.*
 - *Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng vàng, anh tiều phu cũng không nhận.*
 - *Cụ già vớt được lưỡi rìu bằng sắt, anh tiều phu vui mừng nhận lại.*
- + *Kết thúc: Cụ già tặng anh lưỡi rìu vàng và bạc để làm phần thưởng cho sự trung thực của anh.)*
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Nhận diện bài văn kể chuyện sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

a. *Bạn Hạnh Nguyên chọn kể lại sự việc anh tiểu phu vui mừng nhận lại lưỡi rìu bằng sắt, sau đó, cụ già đã tặng cho anh cả ba lưỡi rìu.*

b. *Những chi tiết bạn Hạnh Nguyên đã viết thêm vào:*

+ *Tả đặc điểm của người, vật: lưỡi rìu cũ kĩ.*

+ *Kể hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật:*

• *Hành động: (anh tiểu phu) reo lên; cụ già vuốt chòm râu, mỉm cười; anh tiểu phu cúi xuống, đưa hai tay đón lấy ba lưỡi rìu và cúi đầu cảm ơn ông.*

• *Lời nói: (anh tiểu phu) Thưa cụ...*

• *Ý nghĩ: (cụ già) Chàng trai này quả đúng là người thật thà!*

+ *Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật hoặc người kể chuyện: anh mừng rỡ, (cụ già) hài lòng.*

c. *Những chi tiết viết thêm không những không làm thay đổi nội dung, ý nghĩa của câu chuyện mà còn giúp bài văn sinh động, hấp dẫn hơn, giúp người đọc cảm nhận rõ hơn về suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong truyện.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn kể chuyện sáng tạo.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.3. Luyện tập về cách thêm vào câu chuyện các chi tiết sáng tạo

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, thực hiện các yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Có thể chọn kể đoạn ông tiên vớt được lưỡi rìu vàng, lưỡi rìu bạc,...*

b. *Có thể thêm vào các chi tiết tả ngoại hình của anh tiểu phu, ông tiên; tả suy nghĩ của anh tiểu phu khi ông tiên vớt lên hai lưỡi rìu vàng và bạc;...)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn một người lao động ở trường.*

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động:

- + Chọn một người lao động mà em biết.
- + Nêu ích lợi từ công việc của người đó.
- + Chọn tình huống có thể nói lời cảm ơn. (Gợi ý: *Gặp cô lao công khi đến trường sớm; trò chuyện với bác bảo vệ trước khi nghỉ lễ 01/5;...*)
- + Em sẽ nói gì để cảm ơn người đó?
- + ?
- HS thực hành đóng vai trong nhóm nhỏ.
- 2 – 3 nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: NỤ CƯỜI MANG TÊN MÙA XUÂN

(tiết 8 – 11, SHS, tr. 92 – 97)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về ý nghĩa của tiếng cười đối với cuộc sống sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Nụ cười”; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những nụ cười của người thân, bạn bè, thầy cô,... mang đến niềm vui cho bạn nhỏ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Mọi người hãy vui vẻ, thân ái, chan hoà với nhau để cuộc sống luôn tươi vui, tích cực.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một truyện viết về niềm vui trong học tập, lao động, niềm vui khi được yêu thương hay niềm vui khi làm việc tốt, viết được *Nhật kí đọc sách*.

3. Nhận diện được đại từ xưng hô.

4. Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

5. Ghi lại được một tên gọi trong bài thơ “Nụ cười mang tên mùa xuân” mà em thích và lí do em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Audio, video clip hoặc lời bài hát “Nụ cười” (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.

– Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Chung sống yêu thương”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.

– HS mang tới lớp truyện phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Nụ cười” và chia sẻ về ý nghĩa của tiếng cười đối với cuộc sống (Gợi ý: *Tiếng cười làm cho cuộc sống đẹp hơn, mọi người vui vẻ, chan hoà với nhau,...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Nụ cười mang tên mùa xuân”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Nụ cười mang tên mùa xuân

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, trêu mến; giọng bố dỉ dỏm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc, vật và đặc điểm của vật được nhắc đến trong bài thơ, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *dỉ dỏm, trong ngần, ...*

+ Luyện đọc một số câu thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Có những nụ cười/ mang tên mùa xuân/

Tươi mới,/ trong ngần/

Nụ cười em/ lấp lánh từ hiên nhà/ đến lớp/

Nụ cười/ như chồi non xanh mướt/

Dệt/ từ ngàn vạn tin yêu.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *trong ngần* (rất trong),...

- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
- + Đoạn 1: Khổ thơ đầu.
- + Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai.
- + Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Việc làm của mỗi người trong gia đình bạn nhỏ: mẹ chuẩn bị bữa trưa, bà đan áo ấm, bố đi rẫy về, đi dòm cát lời gọi con “con mèo lười” → Những người trong gia đình luôn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, ngôi nhà đó nhờ thế nên đầy ắp niềm vui.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Giọng thầy đọc thơ gọi cho em cảm xúc ấm áp, gọi ra những không gian quen thuộc; tiếng reo cười trẻ nhỏ gọi cho em những cảm xúc ngọt ngào khi được học tập, vui chơi cùng các bạn ở trường;...*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Nụ cười chứa những niềm vui, những gì tươi mới, trong ngần, lấp lánh; nụ cười ấy dệt từ niềm tin và tình yêu của người thân, thầy cô, bạn bè với em;...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Cách đặt tên gọi ra những điều đẹp đẽ, tươi mới về ngôi nhà, ngôi trường, nụ cười,...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Ngôi nhà mang tên yêu thương.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Ngôi trường mang tên niềm vui.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Nụ cười mang tên mùa xuân* → rút ra nội dung bài đọc.
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại khổ thơ đầu và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong trẻo, tươi vui, giọng bố dể dỏm, ảm áp; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm, ...*):

Có một ngôi nhà/ mang tên yêu thương/

Góc bếp/ mẹ chuẩn bị bữa trưa/

Bên thêm/ bà đan áo ảm/

Bố vừa đi rẫy về,/ lưng áo còn ướt dẫm/

Đã cất lời dể dỏm://

– Con mèo lười của bố/ đi đâu?//

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề *Chúng sống yêu thương*

1.2.1. Tìm đọc truyện

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ đề “Chúng sống yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện:

+ Về niềm vui trong học tập, lao động,... (Gợi ý: *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* – Ku-rô-ya-na-gi Tét-su-kô, *Chuyện một khu vườn nhỏ* – Văn Long, *Ngày như thế nào là đẹp?* – V. Ô-xê-ê-va,...)

+ Về niềm vui khi được yêu thương (Gợi ý: *Con gái* – Đỗ Thị Thu Hiền, *Buôn Chư Lênh đón cô giáo* – Hà Đình Cẩn, *Miền cỏ hát* – Nguyễn Thu Hằng,...)

+ Về niềm vui khi làm việc tốt (Gợi ý: *Người gác rừng tí hon* – Nguyễn Thị Cẩm Châu, *Chuối ngọc lam* – Phun-ton O-xlơ, Nguyễn Hiền Lê dịch, *Đi tìm việc tốt* – Phong Thu,...)

+ ?

– HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện; tên TG; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện;...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện.

1.2.3. Chia sẻ về truyện đã đọc

- HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép lại các sự việc chính và ý nghĩa của một truyện được bạn chia sẻ

HS có thể ghi chép lại các sự việc chính và ý nghĩa của một truyện được bạn chia sẻ mà em thích (khuyến khích ghi chép bằng sơ đồ).

1.2.5. Đọc một truyện được bạn chia sẻ mà em thích

- HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc truyện.
- HS thực hành đọc truyện ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Đại từ xưng hô

2.1. Nhận diện đại từ xưng hô

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT.

(Gợi ý:

- Từ chỉ người nói: ta.*
- Từ chỉ người nghe: mi, ngươi.*
- Từ chỉ người, vật được nhắc tới: nó.)*

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả. (Đáp án: *Đẻ xưng hô*.)
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đại từ xưng hô.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Tìm đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm nhỏ và thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

- + *Đại từ xưng hô: tôi.*
- + *Danh từ dùng để xưng hô: bác.)*
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết lời nói và lời đáp có sử dụng đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chọn một tình huống và nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo

3.1. Tìm ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc truyện.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. *Xác định các phần mở đầu, diễn biến và kết thúc của truyện:*

+ *Mở đầu: Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: Các loài cây đều chưa có tên.*

+ *Diễn biến:*

- *Trời hợp cây cối lại để đặt cho mỗi loài một cái tên.*
- *Nhành cây nhỏ đến muộn vì bạn chăm sóc bà đang bị bệnh.*
- *Nhành cây cho rằng lời nói ngập ngừng của Trời (thì là) chính là tên của mình.*

+ *Kết thúc: Muôn loài gọi nhành cây đó là thì là.*

b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng, VD: *Có thể thêm vào sự việc đầu tiên cảnh vật, tâm trạng, sự chuẩn bị, ... của các loài cây; thêm vào sự việc tiếp theo suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, ...)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS dựa vào kết quả BT 1 và các gợi ý, làm bài vào VBT hoặc vở nháp.

Lưu ý: HS có thể ghi chép văn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài:* Giới thiệu câu chuyện:

- Tên truyện.
- Nhân vật.
- ?

+ *Thân bài:* Ghi lại các sự việc chính của câu chuyện.

Lưu ý: GV nhắc HS:

(1) Ghi chép văn tắt các sự việc chính.

(2) Chọn một sự việc, ghi chép cụ thể những chi tiết thể hiện sự sáng tạo. GV khuyến khích HS mở rộng ý theo suy nghĩ riêng, không gò ép.

(3) Có thể lược bớt các chi tiết không quan trọng.

+ *Kết bài:* Nêu kết thúc của câu chuyện; bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về nội dung câu chuyện.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại một tên gọi trong bài thơ “Nụ cười mang tên mùa xuân” mà em thích và lí do em thích.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 4: MÙA VỪNG (tiết 12 – 14, SHS, tr. 98 – 101)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về điều em hiểu qua câu tục ngữ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức kí hoạ về người mẹ gọi cho TG nhớ đến đồng quê, nhớ những kỉ niệm tuổi thơ và những cánh đồng nhuộm vàng màu vừng chín.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Những năm tháng tuổi thơ nơi quê nhà là kỉ niệm đẹp đẽ, êm đềm, theo mỗi người đến suốt cuộc đời.*

3. Luyện tập sử dụng đại từ.

4. Viết được đoạn văn kể lại một sự việc trong câu chuyện “Sự tích cây thì là” với những chi tiết sáng tạo.

5. Thi hát, kể chuyện, đọc được thơ văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Chiều về” đến “còn vương sót lại”.
- Một số câu chuyện, bài hát, bài thơ, bài văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về điều em hiểu qua câu tục ngữ (Gợi ý: *Kinh nghiệm của nông dân về mùa màng – thời điểm phù hợp để tra hạt vừng, ...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Mùa vừng”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mùa vừng

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về vẻ đẹp của cánh đồng vừng chín, hoạt động, trạng thái của con người, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *quanh co, nông nã, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Mùa thu/ dịu dàng dặt dẹo ki ỨC của tôi/ quay về với nỗi nhớ đồng quê/ – nhớ những cánh đồng/ nhuộm vàng màu vùng chín.//;*

• *Một trưa xa nhà,/ chiêm ngưỡng bức kí hoạ/ về hình ảnh người mẹ/ lom khom gặt những khóm vùng trầu bông/ mà đưa bạn thân về tặng,/ chợt muốn được là chú bé năm nào,/ ngồi vắt vẻo trên lưng trâu/ đi giữa cánh đồng vùng chín vàng,/ rộn ràng tiếng sẻ du ca...//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “nhuộm vàng màu vùng chín”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “ấn tượng”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “còn vương sót lại”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Mùa thu dặt dẹo ki ỨC của TG quay về với nỗi nhớ đồng quê, vì TG có nhiều kỉ niệm với đồng quê vào khoảng thời gian này – khi mùa vùng chín. (Mùa vùng được tả trong bài ở Nghệ An – quê hương của TG. Vùng này thường trồng vùng đen, thời gian từ lúc tra hạt đến khi thu hoạch từ hai tháng rưỡi đến ba tháng.)*

+ Câu 2: *Bức tranh ngày mùa ở đoạn văn thứ hai được vẽ bằng những hình ảnh, màu sắc và âm thanh: đàn sẻ nâu tíu tít chở nắng về; chân trời bừng ánh ban mai; cánh đồng vùng tươi vàng, lấp lánh; các bà, các mẹ cần mẫn gặt vùng; màu nón trắng nhấp nhô theo từng đợt sóng vùng gọn nhẹ.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Những hương vị và âm thanh được tả gợi khung cảnh nhộn nhịp của đồng quê vào mùa thu hoạch vùng thanh bình, yên vui nơi đây;...*

+ Câu 4: *Bức kí hoạ mà người bạn vẽ tặng gợi cho TG nhớ về tuổi thơ, ước muốn được trở lại tuổi thơ, được là chú bé năm nào ngồi vắt vẻo trên lưng trâu đi giữa cánh đồng vùng chín vàng, rộn ràng tiếng sẻ du ca... Vì đó là những ngày tháng êm đềm, đọng đầy kỉ niệm ngọt ngào của tuổi thơ.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Ấn tượng về hình ảnh những chiếc xe bò chất đầy những bó vùng tươi đang túc tắc về làng, vì hình ảnh này gợi lên một mùa vụ bội thu, sung túc,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Mùa thu gọi cho TG nỗi nhớ đồng quê.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của cánh đồng vùng vào mùa thu hoạch.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Cảnh chiều đồng quê vào ngày mùa đầy sức sống.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Những suy nghĩ của TG khi nhìn bức kí họa mà người bạn vẽ tặng → rút ra nội dung bài đọc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hoạt động, trạng thái của con người, sự vật, ...*):

Chiều về,/ dọc những con đường nhỏ/ như dải lụa đỏ quanh co vắt ngang cánh đồng,/ những chiếc xe bò chất đầy những bó vùng vàng tươi/ đang túc tắc về làng.// Mùi dầu vùng mới gặt xong/ theo gió thoảng toả ra hăng hăng,/ nồng nã.// Trên lưng trâu,/ những chú bé có chôm tóc trái đào/ nở nụ cười rang ngời trong nắng,/ bỏ lại đằng sau bầy chim non liu riu gọi nhau về/ nhặt nhanh những hạt vùng còn vương sót lại.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về đại từ

2.1. Luyện tập nhận diện đại từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

a. *Nhóm 1: gì, bao giờ, sao.*

Nhóm 2: đây, vậy, đó.

b. *đây – con vật; vậy – là một con kì đà; đó – bé cây của con.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm và nêu tác dụng của đại từ

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận trong nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án:

+ *Đại từ xưng hô: tôi, chúng.*

+ *Đại từ nghi vấn: sao.*

Lưu ý: “bạn” là danh từ dùng để xưng hô; “chú” là danh từ dùng để thay thế cho “sóc nhỡ”.)

– 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có sử dụng đại từ nghi vấn

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng đại từ thay thế

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, nói câu giới thiệu, nghe bạn nhận xét, góp ý để điều chỉnh câu.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện sáng tạo

3.1. Viết đoạn văn kể lại một sự việc với những chi tiết sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Em chọn kể lại sự việc nào?
 - + Em có thể thêm vào sự việc đó các chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo?
 - + ?
- HS dựa vào dàn ý đã lập ở tr. 97 (*Tiếng Việt 5, tập một*), thực hành viết đoạn văn vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 2 và tự thực hiện.

3.2. Bình chọn đoạn văn có những chi tiết sáng tạo hấp dẫn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Phòng tranh*, bình chọn đoạn văn có những chi tiết sáng tạo hấp dẫn.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi hát, kể chuyện, đọc thơ văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm bài hát, câu chuyện, bài thơ, bài văn,... về cảnh đẹp ở đồng quê trước buổi học khoảng một tuần. (Gợi ý: HS có thể tìm bài hát, câu chuyện, bài thơ, bài văn,... về cảnh thiên nhiên đẹp hoặc cảnh lao động,...)
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, kể các câu chuyện, hát hoặc đọc bài thơ, bài văn về cảnh đẹp ở đồng quê.
- Mỗi nhóm cử một HS thi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: TRƯỚC NGÀY GIÁNG SINH

(tiết 15 – 18, SHS, tr. 102 – 105)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một trò chơi mà em yêu thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Trò chơi ngoài tuyết và sự quan tâm, chăm sóc của người thân đã đem đến niềm vui cho lũ trẻ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Niềm vui, niềm hạnh phúc có thể đến từ những điều tưởng như rất giản dị: một trò chơi, một bản nhạc,... cùng người thân.*
3. Luyện tập sử dụng đại từ.
4. Viết được bài văn kể lại câu chuyện “Sự tích cây thì là” với những chi tiết sáng tạo.
5. Kể được về một buổi sum họp của gia đình em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về tuyết, trò chơi trên tuyết, cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Cả bọn chơi đùa” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một trò chơi mà em yêu thích → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Trước ngày Giáng sinh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Trước ngày Giáng sinh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, hoạt động, cảm xúc của nhân vật; giọng A-lit-xơ hào hức, giọng má nhẹ nhàng, trù mến, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *Lô-ra, Me-ri, A-lit-xơ, trần trọc*,...

+ Luyện đọc một số câu dài, miêu tả hoạt động của nhân vật:

• *Hai chị em Lô-ra và Me-ri nghe tiếng chuông khua rộn rã, rồi một cỗ xe trượt tuyết lớn/ xuất hiện từ phía khu rừng/ và tiến đến cổng.//;*

• *Mỗi đứa tự leo lên một gốc cây, dang rộng hai tay, rồi cùng lúc, buông mình xuống lớp tuyết dày mịn.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *duyong* (chồng của dì), *xì xào* (tù gởi tả tiếng chuyện trò, bàn tán nhỏ và nghe ở xa nên không rõ lời), *đàn vĩ cầm* (đàn vi ô lông),...

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “những tấm da bò”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “để giữ ấm”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “những hình rất dễ thương”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Sự xuất hiện của những vị khách được tả bằng âm thanh tiếng chuông khua rộn rã, một cỗ xe trượt tuyết lớn xuất hiện, mọi người được trùm kín bởi những tấm chăn, áo choàng dài và những tấm da bò.*

+ Câu hỏi phụ: *Má chuẩn bị như thế nào để bọn trẻ có thể ra ngoài tham gia trò chơi? (Mặc áo choàng, găng tay và áo khoác vai để giữ ấm.)*

+ Câu 2: Khuyến khích HS kể tóm tắt trò chơi của các bạn nhỏ bằng lời của mình, VD: *Mỗi đứa tự leo lên một gốc cây, dang rộng hai tay, rồi buông mình xuống tuyết. Chúng ngã úp mặt xuống đất. Sau đó, chúng cố đứng lên mà không làm hỏng hình thù đã in trên tuyết → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Trò chơi rất mới mẻ, thú vị,...*

+ Câu 3: *Chi tiết nói lên niềm vui, sự náo nức của các bạn nhỏ khi tham gia trò chơi: chưa bao giờ được chơi vui đến thế; mãi mê chơi đùa ngoài tuyết suốt cả ngày.*

+ Câu 4: *Cách người cha giúp đám trẻ đi vào giấc ngủ rất đặc biệt: ông đàn và hát khe khẽ.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Hình ảnh gia đình đầm ấm, yên bình, hạnh phúc, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Sự xuất hiện của những vị khách.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ → rút ra ý đoạn 2: *Lũ trẻ chuẩn bị chơi trò chơi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 3: *Trò chơi ngoài tuyết của lũ trẻ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra ý đoạn 4: *Người cha giúp lũ trẻ đi vào giấc ngủ → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 4 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật; giọng má nhẹ nhàng, trêu mến, ...)*:

Cả bọn chơi đùa vui đến nỗi/ khi đêm xuống chúng vẫn còn phấn khích,/ cứ nằm trằn trọc mãi...

Đám trẻ xì xào/ cho đến khi má nghe được.../ Má nói: “Sác-lơ ạ, bọn trẻ sẽ chẳng ngủ được/ nếu anh không chơi đàn cho chúng nghe.”// Thế nên ba lại lấy cây đàn vĩ cầm xuống.../ Căn phòng ấm áp/ và đầy ánh lửa sáng.../ Những chiếc bóng to lớn của ba má/ và di dượng/ in trên vách trong ánh lửa bập bùng...

Bọn trẻ thiếp đi/ trong lúc ba và cây đàn cùng hát khe khẽ...

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 4.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, kể về giấc mơ của một bạn nhỏ trong truyện.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi, nói về những điều bạn nhỏ có thể gặp trong giấc mơ. (Gợi ý: *Về những hoạt động trong ngày Giáng sinh; về những món quà Giáng sinh; ...)*

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về đại từ

2.1. Tìm đại từ và xếp vào nhóm thích hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*. (Đáp án:
 - + Đại từ xưng hô: người, ta, tôi.
 - + Đại từ nghi vấn: ai.
 - + Đại từ thay thế: thế.)

Lưu ý: “ông” là danh từ dùng để xưng hô.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô phù hợp thay cho

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT. (Gợi ý: Khuyến khích HS dùng danh từ để xưng hô:

a. bà; cháu/ con; bà; bà; cháu/ con.

b. cô/ bác/...; cháu/ em/...; cháu/ em/...; cô/ bác/...; cháu/ em/...)

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có sử dụng đại từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 1)

3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các lưu ý.

- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã lập ở tr. 97 (*Tiếng Việt 5, tập một*) và đoạn văn đã viết ở tr. 101 (*Tiếng Việt 5, tập một*) để viết bài văn hoàn chỉnh.
 - + Khi kể chuyện cần kể bằng lời của mình và thêm vào một sự việc các chi tiết sáng tạo.
 - + Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.
 - + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.
 - + ?
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết để điều chỉnh một số chi tiết. (Gợi ý: *Lời kể; trình tự các sự việc; các chi tiết sáng tạo; chính tả; ...*)
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể về một buổi sum họp của gia đình em.*
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị.
- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (tiết 19 – 21, SHS, tr. 106 – 108)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 câu về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh vật của Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng thật đẹp, đầy sức sống.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình yêu, niềm tự hào của TG về vẻ đẹp của thành phố mang tên Bác.*
3. Thảo luận được theo chủ đề *Ý nghĩa của sự chia sẻ.*

4. Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.

5. Chia sẻ được với người thân những điều em ấn tượng về một tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tivi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Một số hình ảnh về cảnh vật, hoạt động của con người ở Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng, xe lam, xe xích lô máy,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về hoạt động quen thuộc của người dân ở địa phương em vào buổi sáng → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Buổi sáng ở Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui, câu văn cuối bài đọc giọng tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp, sự thay đổi của cảnh, cảm xúc của TG,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *rạng đông, muôn vàn, nườm nượp,...*

+ Luyện đọc một số câu dài, miêu tả vẻ đẹp của cảnh:

• *Mặt trời chưa xuất hiện/ nhưng tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng/ đã tràn lan khắp không gian/ như thoa phấn/ trên những toà nhà cao tầng của thành phố,/ khiến chúng trở nên nguy nga,/ đậm nét.//;*

• *Những chiếc xe tải nhỏ,/ xe lam,/ xích lô máy/ nườm nượp chở hàng hoá/ và thực phẩm/ từ những vùng ngoại ô/ về các chợ Bến Thành,/ Cầu Muối, .../ đánh thức cả thành phố dậy/ bởi những tiếng máy nổ giòn.//,...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *xe lam* (xe có ba bánh, chạy bằng động cơ giống ô tô, nhưng nhỏ hơn, dùng để chở người, chở hàng),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “mềm mại”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Sự thay đổi của thành phố trong bước chuyển huyền ảo của rạng đông được tả bằng những hình ảnh:*

• *Những toà nhà cao tầng như được thoa phấn bởi tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng tràn lan khắp không gian, khiến chúng trở nên nguy nga, đậm nét.*

• *Những vùng cây xanh oà tươi trong nắng sớm.*

• *Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ loáng đi rất nhanh và thưa thớt tắt.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Em thích hình ảnh ba ngọn đèn đỏ trên tháp phát sóng Đài Truyền hình Thành phố có vẻ như bị hạ thấp và kéo gần lại, vì nó miêu tả chuyển động của thời gian (mặt trời) một cách thú vị,...*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Thành phố vào buổi sáng rất nhộn nhịp và huyền ảo: không gian ngập tràn tiếng máy nổ giòn của những chiếc xe tải nhỏ, xe lam, xích lô máy nườm nượp chở hàng hoá và thực phẩm từ những vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Hai câu văn cuối bài thể hiện tình yêu tha thiết và niềm tự hào về Thành phố Hồ Chí Minh của TG.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *huyền ảo* (nghĩa trong bài: ồn ào, náo nhiệt),...

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Những âm thanh huyền ảo ở Thành phố Hồ Chí Minh vào buổi sáng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui, câu cuối đọc giọng tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cảnh, gợi tả âm thanh,...*):

Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ/ loăng đi rất nhanh/ và thua thốt tắt.// Ba ngọn đèn đỏ/ trên tháp phát sóng Đài Truyền hình Thành phố/ có vẻ như bị hạ thấp/ và kéo gần lại.// Mặt trời đang chầm chậm/ lơ lửng như một quả bóng bay mềm mại.//

Đường phố bắt đầu hoạt động/ và huyền ảo.// Những chiếc xe tải nhỏ,/ xe lam,/ xích lô máy/ nuồm nuồm chở hàng hoá/ và thực phẩm/ từ những vùng ngoại ô/ về các chợ Bến Thành,/ Cầu Muối,.../ đánh thức cả thành phố dậy/ bởi những tiếng máy nổ giòn.//

Thành phố mình đẹp quá!// Đẹp quá đi!//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Thảo luận theo chủ đề *Ý nghĩa của sự chia sẻ*

2.1. Trao đổi về những việc làm thể hiện sự chia sẻ

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và quan sát tranh.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ dựa vào các câu hỏi gợi ý.

(Gợi ý:

+ Tranh 1: *Bạn nhỏ đang gửi hộp cơm 0 đồng cho bà cụ với thái độ lễ phép (đưa bằng hai tay), thân thiện,...*

+ Tranh 2: *Các bạn nhỏ đang quây quần xung quanh để hỏi thăm, động viên cụ già với thái độ gần gũi, thân thiện,...*

+ Tranh 3: *Thầy giáo đang cùng HS quỳn góp sách vở với thái độ vui vẻ, tích cực,...*

Lưu ý: HS chia sẻ theo suy nghĩ, cảm nhận riêng về việc làm của những người trong tranh, VD: *Mang lại niềm vui, lan toả tình yêu thương, thể hiện lòng nhân ái, ...*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Thảo luận theo chủ đề

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. (Gợi ý:
 - + *Đem đến niềm vui cho nhiều người.*
 - + *Giúp mọi người gần gũi với nhau hơn.*
 - + *Lan toả tình thân ái.*
 - + ?)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *Kể chuyện.*)
- Em cần kể câu chuyện nào? (Đáp án: *Câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích.*)
- Em cần lưu ý gì khi kể lại câu chuyện? (Đáp án: *Thêm vào câu chuyện những chi tiết sáng tạo.*)

3.2. Tìm ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
 - HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, có thể ghi tóm tắt các ý bằng sơ đồ đơn giản.
- (Gợi ý:
- Tích Chu; Sự tích hoa mào gà; ...*
 - Lưu ý:** HS có thể ghi tóm tắt các sự việc chính bằng sơ đồ đơn giản.

c. Có thể thêm vào sự việc đã chọn những chi tiết tả ngoại hình của nhân vật, kể hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật hoặc người kể chuyện, ...)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS dựa vào kết quả BT 1 và các gợi ý, làm bài vào VBT hoặc vở nháp.

Lưu ý: HS có thể ghi chép văn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài:* Giới thiệu câu chuyện:

- Tên truyện.
- Nhân vật.
- ?

+ *Thân bài:* Ghi lại thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện, các sự việc chính của câu chuyện.

Lưu ý: GV nhắc HS:

(1) Ghi chép văn tắt các sự việc chính.

(2) Thêm vào các chi tiết sáng tạo ở sự việc đã chọn. GV khuyến khích HS mở rộng ý theo suy nghĩ riêng, không gò ép.

(3) Có thể lược bớt các chi tiết không quan trọng.

+ *Kết bài:* Nêu kết thúc của câu chuyện; bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về nội dung câu chuyện.)

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và tự thực hiện.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: Chia sẻ với người thân những điều em ấn tượng về một tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY

(tiết 22 – 25, SHS, tr. 109 – 112)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn những điều em quan sát được trong bức tranh của bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Về đẹp của ngôi nhà đang xây được so sánh với một đứa trẻ đang lớn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Mỗi bạn nhỏ giống như một ngôi nhà đang xây, đang dần hoàn thiện với bao điều đẹp đẽ. Học thuộc lòng được bài thơ.*

– Tìm đọc được bản tin về một hoạt động thiện nguyện, một trải nghiệm thú vị, trường học xanh – sạch – đẹp; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về thông tin em hiểu biết thêm, suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bản tin.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng kết từ.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn.

5. Trao đổi được với bạn về một việc có ích mà em có thể làm cho cộng đồng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về một số ngôi nhà đang xây (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- HS mang tới lớp bản tin phù hợp với chủ điểm “Chung sống yêu thương” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn những điều em quan sát được trong bức tranh của bài đọc → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Về ngôi nhà đang xây”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Về ngôi nhà đang xây

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh ngôi nhà, hoạt động, trạng thái của các sự vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *nhú, hươ hươ, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ miêu tả ngôi nhà:

Ngôi nhà/ tựa vào nền trời sẫm biếc/

Thở ra/ mùi vôi vữa nồng hăng/

Ngôi nhà/ giống bài thơ/ sắp làm xong/

Là bức tranh/ còn nguyên màu vôi,/ gạch.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Hai khổ thơ cuối.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Trong hai khổ thơ đầu, ngôi nhà đang xây được tả bằng hình ảnh nhân hoá: tựa vào nền trời sẫm biếc, thở ra mùi vôi vữa nồng hăng và hình ảnh so sánh: ngôi nhà giống như bài thơ sắp làm xong, là bức tranh còn nguyên màu vôi gạch. Nhờ những hình ảnh so sánh, nhân hoá, ngôi nhà hiện lên thật sinh động, giống như con người, đầy sức sống.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Hình ảnh bác thợ nề ra về còn hươ hươ cái bay để chào tạm biệt ngôi nhà nói lên sự gắn bó của bác với ngôi nhà, tinh thần vui vẻ, yêu lao động, hài lòng khi nhìn thấy thành quả lao động của mình và đồng nghiệp; ...*

+ Câu 3: *Thiên nhiên rất gắn bó với ngôi nhà: Bầy chim đi ăn về hót nơi ô cửa, nắng chiếu trên tường, gió mang hương ủ vào những bức tường.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Từ hình ảnh ngôi nhà đang xây, TG muốn gửi gắm suy nghĩ: Cũng giống như một ngôi nhà đang xây, trẻ em đang dần hoàn thiện qua từng ngày, lớn lên với bao niềm hi vọng, mơ ước, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của ngôi nhà đang xây.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Sự gắn bó của thiên nhiên với ngôi nhà đang xây.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái của các sự vật, ...*):

Bầy chim đi ăn về/

Rót vào ô cửa chưa sơn/ vài nốt nhạc.//

Nắng/ đứng ngủ quên/

Trên những bức tường//

Làn gió nào về/ mang hương/

Ủ đầy những rãnh tường/ chưa trát vữa.//

Bao ngôi nhà/ đã hoàn thành/

Đều qua/ những ngày xây dở.//

Ngôi nhà như trẻ nhỏ/

Lớn lên/ với trời xanh...//

- HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề *Chúng sống yêu thương*

1.2.1. Tìm đọc bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ đề “Chúng sống yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet bản tin:

- | | |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| + Về một hoạt động thiện nguyện | + Về trường học xanh – sạch – đẹp |
| + Về một trải nghiệm thú vị | + ? |

– HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên bản tin, tên TG, thông tin chính, suy nghĩ, cảm xúc,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc

– HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về những điều em hiểu biết thêm và suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bản tin.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép về bản tin được bạn chia sẻ

HS có thể ghi chép tóm tắt bằng sơ đồ về một bản tin được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên bản tin, tên TG hoặc nguồn, một vài thông tin quan trọng,...

1.2.5. Đọc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bản tin.

– HS thực hành đọc bản tin ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Kết từ

2.1. Hình thành khái niệm kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trả lời câu hỏi.

(Đáp án:

+ Từ “và” dùng để nối “các loài chim bạn” với “vườn cây”.

+ Từ “nhưng” dùng để nối câu 2 với câu 1.

+ Từ “của” dùng để nối “chú” với “trí nhớ thơ ngây”.

+ Từ “để” dùng để nối “báo trước mùa xuân tới” với “một cành hoa mận trắng, biết nở cuối đông”.)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm đôi, trả lời câu hỏi. (Gợi ý: Các từ in đậm có tác dụng nối các từ ngữ (các ý) trong câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ đó với nhau.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về kết từ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Luyện tập nhận diện kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT. (Đáp án: a. của, của, nhưng, rồi; b. và, như, nhưng, thì, và.

Lưu ý: Ở câu a, không bắt buộc HS tìm được từ “rồi”; ở câu b, không yêu cầu những trường hợp như “trên” (những ngọn cây cao), “trong” (rừng), “dưới” (chân), “trên” (gỗ), “trên” (lá mục).)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập sử dụng cặp kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. Nhờ ... nên ...; b. Nếu ... thì ...; c. Tuy ... nhưng ...)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể giải thích lí do vì sao chọn cặp kết từ đó.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu có sử dụng kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 5.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 1)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn kể lại câu chuyện “Sự tích cây thi là” với những chi tiết sáng tạo:

– Ưu điểm

– Hạn chế

– ?

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

– HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.

– HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo; trình tự kể; dùng từ; viết câu;...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

– Những điều học được ở bài viết của bạn: cách dẫn dắt vào câu chuyện; cách chọn lọc, sắp xếp các chi tiết; thêm chi tiết sáng tạo hợp lí; lời kể sinh động, hấp dẫn; cách kết thúc ấn tượng;...

– Những nội dung em có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn: phát triển ý thể hiện sự sáng tạo đối với sự việc đã chọn; chỉnh sửa từ ngữ, diễn đạt;...

3.4. Viết lại một đoạn trong bài cho hay hơn

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS viết lại một đoạn trong bài cho hay hơn vào VBT. (Gợi ý: *Thay thế từ ngữ hoặc thêm vào một số chi tiết sáng tạo,...*)

– 2 – 3 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn về một việc có ích mà em có thể làm cho cộng đồng.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi dựa vào một số gợi ý:

+ Đó là việc gì?

+ Vì sao việc đó có ích cho cộng đồng?

+ Em sẽ làm việc đó như thế nào?

+ ?

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: HÃY LẮNG NGHE (tiết 26 – 28, SHS, tr. 113 – 115)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn cảm xúc của em khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bạn ơi hãy lắng nghe”; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những âm thanh ta nghe được xung quanh chính là món quà quý báu của thiên nhiên ban tặng.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Chúng ta hãy lắng nghe những âm thanh xung quanh để không uổng phí món quà quý báu từ thiên nhiên diệu kì, để cảm nhận rõ hơn về cuộc sống giàu màu sắc.*

3. MRVT theo chủ đề *Hạnh phúc*.

4. Viết được bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo.

5. Ghi lại được các từ ngữ gợi tả âm thanh có trong bài “Hãy lắng nghe”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Audio âm thanh trong tự nhiên: tiếng gió, tiếng sóng, tiếng chim,... (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “náo nức, tí tách,...”.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn cảm xúc của em khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bạn ơi hãy lắng nghe” (Gợi ý: *Âm thanh trong tự nhiên đầy sức sống, làm lòng vui vẻ,...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Hãy lắng nghe”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Hãy lắng nghe

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi, náo nức; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, đặc điểm, trạng thái của sự vật,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *khắc khoải, ngái ngủ, ...*

+ Luyện đọc một số câu miêu tả cảnh, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Tiếng con chim tu hú/ báo hiệu mùa hè khắc khoải,/ con chim vút vọt/ gọi mưa giữa khi trời trong sáng,/ cơn cu cườm/ đánh thức những buổi trưa im vắng/ đầy ngái ngủ.//;*

• *Bạn ơi,/ nếu bạn lắng nghe,/ bạn sẽ tìm ra được bao điều mới lạ,/ giống như được nghe một bản hoà nhạc,/ mỗi âm thanh của mỗi cây đàn/ đều mang cá tính riêng của mình.//; ...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “náo nức, tí tách,...”

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Tiếng gió, tiếng sóng, tiếng mưa được tả bằng cảm nhận rất tinh tế: tiếng gió trên bãi mía là tiếng xào xạc nhẹ nhẹ của không gian, tiếng gió trên trà lúa là tiếng thì thầm của âm no; tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá cần cù suốt ngày này qua tháng khác; tiếng mưa rào rào như bước chân người đi vội.*

+ Câu 2: *Tiếng của mỗi loài chim được nhắc đến ở đoạn đầu được tả bằng những từ ngữ:*

- *Tiếng con chim tu hú khắc khoải.*
- *Tiếng con chim vút vọt gọi mưa.*
- *Tiếng con cu cườm đánh thức những buổi trưa im vắng đầy ngái ngủ.*
- *Tiếng con cuốc gõ vào mùa hè buồn thắm.*
- *Tiếng con chim sơn ca hót véo von, lanh lút, rộn rã.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *“Tiếng của thiên nhiên, của quê hương” được tả ở đoạn 2 gợi cho em cảm xúc rộn rã, náo nức, vui tươi bởi những âm thanh sinh động,...*

+ Câu 4: *TG muốn nhấn nhủ rằng mỗi một âm thanh xung quanh ta đều mang vẻ đẹp, nét độc đáo riêng, tất cả hoà vào nhau tạo nên âm thanh tươi đẹp của cuộc sống.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Em thích tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá, vì âm thanh đó nghe rất thanh bình, sáng khoải,...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Những âm thanh thú vị trong tự nhiên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Khuyến chúng ta hãy lắng nghe để không uổng phí món quà quý báu từ thiên nhiên diệu kì.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi, náo nức; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, đặc điểm, trạng thái của sự vật,...*):

Hãy lắng nghe/ tiếng gió trên bãi mía.// Đó là tiếng xào xạc nhè nhẹ/ của không gian.// Hãy lắng nghe/ tiếng gió trên trà lúa,/ đó là tiếng thì thầm của ấm no.// Tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá/ cần cù suốt ngày này sang tháng khác.// Tiếng mưa rào rào/ như bước chân người đi vội.// Tiếng con chim tu hú/ báo hiệu mùa hè khắc khoải,/ con chim vút vọt/ gọi mưa giữa khi trời trong sáng,/ con cu cườm/ đánh thức những buổi trưa im vắng/ đầy ngái ngủ.// Con cuốc/ gõ vào mùa hè buồn thảm bao nhiêu/ thì con chim sơn ca hót yéo von,/ lạnh lót,/ rôn rã bấy nhiêu...//

Hãy lắng nghe/ tiếng của thiên nhiên,/ của quê hương/ cứ reo lên,/ hát lên hằng ngày quanh ta.// Cây cỏ,/ chim muông,/ cả tiếng mưa,/ tiếng nắng,.../ lúc nào cũng thăm thẳm,/ lao xao,/ náo nức,/ tí tách,...//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Hạnh phúc

2.1. Tìm hiểu từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với từ “hạnh phúc”

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Từ đồng nghĩa: sung sướng, vui sướng, mãn nguyện,...; Từ có nghĩa trái ngược: bất hạnh, đau khổ, tuyệt vọng,...)

b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm hiểu nghĩa của các từ chứa tiếng “phúc”

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu a. (Gợi ý:

a. phúc hậu, phúc lợi, phúc đức, phúc lộc.

b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– HS chơi trò chơi Tiếp sức để chữa bài trước lớp, kết hợp giải nghĩa một số từ.

– HS đặt câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ có nội dung nói về những biểu hiện của gia đình hạnh phúc

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện BT. (Gợi ý:
 - a. *Trên thuận, dưới hoà; Kính già, yêu trẻ; Chị ngã, em nâng; Trong ấm ngoài êm.*
 - b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)
- 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp, giải thích nghĩa của các thành ngữ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết đoạn văn chia sẻ niềm vui khi làm được một việc tốt

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh đoạn văn.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 2)

3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.
- HS có thể nghe GV lưu ý thêm:
 - + Dựa vào dàn ý đã lập ở tr. 108 (*Tiếng Việt 5, tập một*) để viết bài văn hoàn chỉnh.
 - + Kể lại câu chuyện theo một trình tự hợp lí.
 - + Chú ý thêm vào các chi tiết sáng tạo (tả ngoại hình của các nhân vật; kể hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật;...) ở một sự việc.
 - + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.
 - + ?
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS tự đọc lại bài viết để điều chỉnh một số chi tiết. (Gợi ý: *Trình tự các sự việc; dùng từ; viết câu; các chi tiết sáng tạo; chính tả; ...*)
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại các từ ngữ gợi tả âm thanh có trong bài “Hãy lắng nghe”.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 4. CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

(Tuần 14 – 15 – 16 – 17)

Chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của mối quan hệ giữa cá nhân và những người xung quanh, biết trân trọng tình cảm của người thân, bạn bè, xóm giềng,...; biết sống đoàn kết, nghĩa tình,... Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; tôn trọng và đối xử bình đẳng với mọi người xung quanh; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, xã hội;...*

BÀI 1: TIẾNG RAO ĐÊM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 116 – 120)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kể được về một việc làm của bạn bè, người thân,... để giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Anh thương binh đã không ngại nguy hiểm lao vào đám cháy và cứu một gia đình.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh của anh thương binh.*
3. Luyện tập sử dụng kết từ.
4. Nhận diện được bài văn kể chuyện sáng tạo (kể lại bằng lời của một nhân vật).
5. Kể lại được câu chuyện “Tiếng rao đêm” cho người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về một số việc làm giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn của bạn bè, người thân,... (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về người bán bánh giò, thương binh, thanh rằm,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Người ta lần tìm” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”. (Gợi ý: *Sự gắn kết, tương trợ lẫn nhau giữa bạn bè, hàng xóm, cộng đồng,...*)
- HS hoạt động nhóm nhỏ, kể về một việc làm của bạn bè, người thân,... để giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tiếng rao đêm”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Tiếng rao đêm

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc chậm rãi, trầm ấm, hơi buồn; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, cảm xúc của nhân vật, ...*)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:
 - + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *tĩnh mịch, thảm thiết, đen nhẻm, thất thần, ...*
 - + Luyện đọc một số câu dài, tả hoạt động của nhân vật, thể hiện cảm xúc của TG:
 - *Tiếng rao đều đều,/ khàn khàn/ kéo dài trong đêm khuya tĩnh mịch,/ nghe buồn não ruột.//;*
 - *Trong ánh lửa,/ tôi thấy một bóng người cao,/ gầy,/ khập khiễng/ chạy tới ngôi nhà cháy,/ xô cánh cửa đổ rầm.//;*

• *Rời từ trong nhà,/ vẩn cái bóng cao,/ gầy,/ khắp khiêng ấy/ lom khom như đang che chở vật gì,/ phóng thẳng ra đường.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *tĩnh mịch* (yên lặng và vắng vẻ, không có những biểu hiện hoạt động), *thất thần* (mất hết tinh thần do quá sợ hãi),...

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “nảo ruột”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “ra đường”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “cái chân gỗ”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu hỏi phụ: TG nghe thấy âm thanh gì vào mỗi đêm? Âm thanh ấy như thế nào? (TG nghe thấy tiếng rao bán bánh giò. Âm thanh đều đều, khàn khàn, kéo dài trong đêm, buồn nảo ruột.)

+ Câu 1: *Đám cháy xảy ra ở ngôi nhà đầu hẻm vào giữa đêm khuya.*

+ Câu 2: *Khi phát hiện ra đám cháy, người bán bánh giò đã la lên để báo động, sau đó xông vào ngôi nhà đang bốc cháy phùng phùng để phá cửa, cứu đưa bé ra ngoài → dũng cảm quên mình, cứu sống cả một gia đình.*

+ Câu 3: *Chi tiết gây bất ngờ: Phát hiện người bán bánh giò đeo một cái chân gỗ, tìm thấy trong túi áo của anh một tấm thẻ thương binh.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Mỗi công dân đều cần có ý thức bảo vệ cộng đồng, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi khó khăn, hoạn nạn, ...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn tên “Người thương binh dũng cảm” vì người thương binh trong câu chuyện đã dũng cảm cứu sống một gia đình, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tung tích* (nghĩa trong bài: thông tin cá nhân của một người),...

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu âm thanh tiếng rao đêm.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 2: *Người bán bánh giò đã phát hiện ra đám cháy, báo hiệu và xông vào cứu người.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Mọi người phát hiện ra người bán bánh giò đeo một cái chân gỗ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Mọi người bất ngờ vì người bán bánh giò là một thương binh → rút ra nội dung bài đọc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 4 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc chậm rãi, hơi trầm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc của các nhân vật, ...*):

Người ta/ lần tìm tung tích nạn nhân.// Anh công an lấy ra từ túi áo nạn nhân/ một mớ giấy tờ.// Ai nấy bàng hoàng/ khi thấy trong xấp giấy một tấm thẻ thương binh.// Bấy giờ/ người ta mới để ý tới chiếc xe đạp/ nằm lẩn lóc ở góc tường/ và những chiếc bánh giò tung toé...// Thì ra/ người bán bánh giò/ là một thương binh.// Chính anh/ đã phát hiện ra đám cháy,/ đã báo động/ và cứu một gia đình.//

Vừa lúc đó,/ chiếc xe cấp cứu ào tới/ chở nạn nhân đi...//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 4.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết tóm tắt câu chuyện bằng 4 – 5 câu.*

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về kết từ

2.1. Luyện tập sử dụng kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

a. *của, như, và.*

b. *nhưng, vì, và, để, của.*)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm kết từ phù hợp thay cho

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm 4 theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Đáp án: a. *và*; b. *như*; c. *của, và*; d. *Với/ Bằng, và*.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Thay bằng từ ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. *xem phim/ nghe nhạc/...*

b. *biết thêm nhiều điều thú vị/...*

c. *Nhà xuất bản Kim Đồng/ nhà văn Trần Hoài Dương/...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu có sử dụng kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)

3.1. Xác định các sự việc chính của truyện

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu.

– HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. *Cách bạn Hương Thu kể lại câu chuyện:*

+ *Bạn xưng là “tôi” khi kể chuyện.*

+ *Khi đặt mình vào vai nhân vật:*

• *Lời nói: Cháu thích lắm, nhất là màu tím ạ!*

• *Ý nghĩ: Nếu những đám mây có màu xanh thì thật tuyệt!*

• *Hành động: vươn mình đón những tia nắng đầu tiên; cố vươn mình lên để nhìn ngắm; rụt rè (trả lời); nói lời cảm ơn cô tiên rồi vươn lên cao; tự nhủ sẽ dùng những viên ngọc này vào việc có ích; dành tặng anh mướp viên ngọc màu vàng; ghé thăm mấy chị mào gà sắp nở hoa; ...*

• *Tình cảm, cảm xúc: hân hoan; sung sướng; vui sướng ngẩng đầu lên; ...*

Lưu ý: GV có thể cho HS thực hiện theo kỹ thuật *Mảnh ghép*.

+ *Những lời nói, ý nghĩ, hành động, ... đó phù hợp với nhân vật bạn mượn lời để kể, vì bạn đã đặt mình vào nhân vật và chọn những lời nói, ý nghĩ, hành động, ... của riêng bìm bịp.*

b. *So sánh hai bài viết:*

+ *Người kể chuyện:*

• *Truyện “Sự tích hoa bìm bịp”: Không rõ người kể chuyện.*

• *Bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu: Người kể chuyện là hoa bìm bịp.*

+ *Nội dung của câu chuyện: Truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu có nội dung giống nhau (cùng giải thích lí do vì sao hoa bìm bịp có màu tím).*

+ *Ý nghĩa của câu chuyện: Truyện “Sự tích hoa bìm bịp” và bài văn kể lại câu chuyện của bạn Hương Thu có ý nghĩa giống nhau (cùng ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên).*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách mượn lời một nhân vật trong câu chuyện.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Tìm ý cho bài văn kể lại câu chuyện bằng lời nhân vật

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- + Có thể mượn lời nhân vật cô tiên, mướp, hoặc mào gà để kể lại câu chuyện.
- + Khi kể cần chú ý cách xưng hô, thể hiện lời nói, ý nghĩ, hành động, ... phù hợp với nhân vật.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể lại câu chuyện “Tiếng rao đêm” cho người thân.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: MỘT NGÀY Ở ĐÊ BA (tiết 5 – 7, SHS, tr. 121 – 124)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu về một trung tâm hoặc một nhà văn hoá dành cho thiếu nhi mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của người dân ở Đê Ba*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên ở Đê Ba và cuộc sống đầm ấm, thanh bình, gắn kết của người dân nơi đây.*
3. Trao đổi ý kiến được với người thân theo chủ đề *Chung tay vì cộng đồng*.
4. Tìm được ý, lập được dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.
5. Kể được tên và nêu được ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng ở nơi em sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động cộng đồng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “khung cử dặt vải”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu về một trung tâm hoặc một nhà văn hoá dành cho thiếu nhi mà em biết dựa vào gợi ý:

- + Tên trung tâm hoặc nhà văn hoá
- + Địa chỉ
- + Hoạt động chính
- + ?

– HS xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Một ngày ở Đê Ba”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Chân trời sáng tạo
Một ngày ở Đê Ba

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên thay đổi theo từng buổi và việc làm của người dân nơi đây, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lượn lờ, sừng sững, ...*
- + Luyện đọc một số câu thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên hoặc cảnh người dân sinh hoạt:

Nắng nhạt dần/ làm sáng lên những cụm bông lau trong gió.// Trên những bắp ngô,/ mớ râu non trắng như cước...// Sương lam/ nhẹ bò trên các sườn núi.// Mặt trời gác bóng,/ những tia nắng hắt lên các vòm cây...//; ...

- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “khung cửa dột vãi”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “chiều mới về”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “các vòm cây...”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Sáng sớm, đỉnh Đê Ba như một hòn đảo, vì sương ở đây phủ dày như nước biển, bao quanh đỉnh núi.*

+ Câu 2: *TG sử dụng các từ ngữ, hình ảnh:*

• *Tả sương: sáng sớm, sương dày đặc, lượn lờ dưới các chân núi như những dải lụa; chiều đến, sương nhẹ bò trên các sườn núi.*

• *Tả nắng: buổi trưa, nắng to nhưng không gay gắt; chiều về, nắng nhạt dần làm sáng lên những cụm bông lau trong gió; mặt trời gác bóng, những tia nắng hắt lên các vòm cây.*

+ Câu 3: *Những hoạt động của người dân ở Đê Ba: Vào buổi sáng và trưa, thanh niên ra rừng gõ bẫy gà, bẫy chim; phụ nữ quây quần giặt giũ bên những giếng nước mới đào; các em nhỏ đùa vui trước nhà sàn; các cụ già trong làng chụm đầu bên những ché rượu cần; các bà, các chị sửa soạn khung cửa dột vãi; đồng bào đi làm ruộng, làm rẫy tập thể. Vào buổi tối, lớp thanh niên ca hát, nhảy múa.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Cuộc sống, sinh hoạt của người dân ở Đê Ba thật thanh bình, ban ngày, mọi người đều làm việc, tối đến, mọi người quây quần ca hát để xua tan mệt mỏi,...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tranh thủy mặc* (tranh vẽ về chủ đề thiên nhiên, người ta mài thỏi mực màu đen pha với nước và sử dụng bút lông để vẽ lên giấy hoặc lụa),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý: *Thiên nhiên tươi đẹp ở Đê Ba.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý: *Cuộc sống của người dân ở Đê Ba → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc nhẹ nhàng, thông thả, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của thiên nhiên và hoạt động của người dân vào buổi sáng sớm ở Đê Ba, ...*):

*Sáng sớm,/ sương phủ dày như nước biển./ Đỉnh Đê Ba nổi lên như một hòn đảo./
Sương tan dần./ Các chóp núi lần lượt hiện lên./ Sương lơ lờ dưới các chân núi như những dải lụa./ Cả thung lũng/ như một bức tranh thủy mặc./ Làng mới định cư/ bừng lên trong nắng sớm./ Những sinh hoạt đầu tiên của một ngày/ bắt đầu./ Thanh niên ra rừng gõ bẫy gà./ bẫy chim./ Phụ nữ quây quần giặt giũ/ bên những giếng nước mới đào./ Các em nhỏ đùa vui trước nhà sàn./ Các cụ già trong làng/ chum đầu bên những ché rượu cần./ Các bà,/ các chị/ sửa soạn khung cửi dệt vải./*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Trao đổi ý kiến với người thân
Chung tay vì cộng đồng

2.1. Xác định đề tài trao đổi

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc lời các nhân vật.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trả lời câu hỏi.

(Gợi ý:

a. *Bạn Dũng xin phép bố mẹ tham gia một số hoạt động thiện nguyện chủ đề Thắp sáng ước mơ.*

b. *Bố mẹ không phản đối nhưng họ cho rằng bạn cần phải suy nghĩ kỹ vì nếu tham gia hoạt động này, bạn sẽ phải cắt hoặc giảm thời gian của các hoạt động khác.)*

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Đóng vai, thực hiện cuộc trao đổi ý kiến với người thân

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm để hình dung các khó khăn và đề xuất các phương án giải đáp cho bố mẹ.

– HS thực hành đóng vai trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Lầu băng chuyển*.

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập tìm ý, lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *Kể chuyện.*)
- Em cần kể câu chuyện nào? (Đáp án: *Câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích.*)
- Em cần lưu ý gì khi kể lại câu chuyện? (Đáp án: *Kể lại bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.*)

3.2. Tìm ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS nhớ lại câu chuyện, ghi tóm tắt các sự việc vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, có thể ghi chép kết quả thảo luận bằng sơ đồ đơn giản.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS dựa vào kết quả BT 1, BT 2 và các gợi ý, làm bài vào VBT hoặc vở nháp.

Lưu ý: HS có thể ghi chép văn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài:* Giới thiệu câu chuyện:

- *Nhân vật.*
- *Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.*
- *?*

+ *Thân bài:* Ghi lại các sự việc chính của câu chuyện.

Lưu ý: GV nhắc HS:

- (1) Ghi chép vắn tắt các sự việc chính, kể lại các sự việc theo một trình tự hợp lí.
 - (2) Đặt mình vào vai nhân vật để thể hiện lời nói, ý nghĩ, hành động,... hoặc tình cảm, cảm xúc phù hợp.
 - (3) Thêm vào các chi tiết sáng tạo (tả ngoại hình, hành động của nhân vật, ...) ở một vài sự việc. GV khuyến khích HS mở rộng ý theo suy nghĩ riêng, không gò ép.
- + **Kết bài:** Nêu kết thúc của câu chuyện; đặt mình vào vai nhân vật để bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về nội dung câu chuyện hoặc rút ra bài học, ý nghĩa.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Kể tên và nêu ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng ở nơi em sống.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, kể tên và nêu ý nghĩa của 1 – 2 hoạt động cộng đồng (có thể tìm thêm thông tin trên internet, kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị).
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: CA DAO VỀ LỄ HỘI (tiết 8 – 11, SHS, tr. 125 – 129)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ với bạn về một lễ hội truyền thống mà em biết hoặc đã từng tham dự; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài ca dao; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giới thiệu các lễ hội truyền thống của Việt Nam.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Khơi gợi lòng tự hào về nét đẹp của các lễ hội truyền thống của Việt Nam. Qua đó, nhắc nhở chúng ta cần ghi nhớ, giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hoá này.* Học thuộc lòng được 3 – 4 bài ca dao em thích.

– Tìm đọc được một bài thơ, đồng dao, ca dao,... về tình cảm gia đình, tình bạn, tình thầy trò, về mối quan hệ với cộng đồng; viết được *Nhật kí đọc sách*, chia sẻ được với bạn về điều tâm đắc khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... và giải thích được lí do.

3. Luyện tập sử dụng cặp kết từ.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn.

5. Suy tầm được 1 – 2 bài ca dao về lễ hội; tìm hiểu được thêm thông tin về lễ hội được nhắc đến trong bài ca dao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về các lễ hội được nhắc đến trong bài (nếu có).
- Tranh, ảnh về các lễ hội truyền thống (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi hai bài ca dao đầu.
- Danh sách gợi ý bài thơ, đồng dao, ca dao,... thuộc chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”, hướng dẫn tìm kiếm bài thơ, đồng dao, ca dao,... trên internet.
- HS mang tới lớp bài thơ, đồng dao, ca dao,... phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một lễ hội truyền thống mà em biết hoặc đã từng tham dự (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ca dao về lễ hội”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc các bài ca dao

Ca dao về lễ hội

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ địa điểm, thời gian, vẻ đẹp của cảnh vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

- + Luyện đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
- + Luyện đọc một số bài ca dao:

1. Ai về Phú Thọ/ cùng ta,/
Vui ngày Giỗ Tổ/ tháng Ba mừng mười.//
Dù ai/ đi ngược về xuôi,/
Nhớ về Giỗ Tổ/ mừng mười tháng Ba.//

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *lễ Nghinh Ông* (lễ hội cúng cá Ông (còn gọi là cá voi) của ngư dân các tỉnh vùng ven biển Việt Nam từ Quảng Bình trở vào các tỉnh miền Nam để cầu cho biển lặng gió hoà, ngư dân may mắn, làm ăn phát đạt, an khang),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: Hai bài ca dao đầu tiên nói về những lễ hội: Lễ Giỗ Tổ – gợi nhớ đến các vị vua Hùng; lễ hội Trường Yên – gợi nhớ đến vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Đại Hành.

+ Câu 2: Hội đua thuyền trong bài ca dao 3 được tổ chức ở các làng thuộc xã Thiệu Châu (nay là xã Tân Châu), huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Điểm thú vị của cuộc đua: chèo từ làng Phú đến làng Hồng, mọi người nỗ lực hết sức mình để chèo thuyền về đích, các đội tập trung dồn sức khiến nước hai bên mái chèo bắn lên như cánh chim tung, những người trên bờ náo nhiệt không kém, họ hò reo, cổ vũ nhiệt tình để tiếp thêm sức mạnh cho các đội.

+ Câu 3: Lễ Nghinh Ông được miêu tả rất rộn ràng, náo nhiệt với sự tham dự của rất nhiều du khách cũng như người dân, kéo dài trong khoảng ba ngày, không khí vui tươi với đèn hoa, pháo nổ ngập sông. Lễ hội thường được tổ chức ở vùng biển.

+ Câu 4: Hội đua bò được tổ chức ở Châu Đốc → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Không khí ngày hội vô cùng náo nhiệt, sôi động. Mọi người hò reo cổ vũ,...

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Những lễ hội được nói đến trong bài đọc giúp em biết thêm về các lễ hội ở khắp mọi miền đất nước, thêm tự hào về truyền thống, văn hoá của đất nước ta,...)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *hỉ hả* (vui vẻ),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý:

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 → rút ra nội dung bài đọc.
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa các bài ca dao. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại hai bài ca dao đầu và xác định giọng đọc (Gợi ý: *Giọng đọc tươi vui, thông thả, tha thiết, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện thời gian, địa điểm, vẻ đẹp của cảnh vật, ...*):

1. Ai về Phú Thọ/ cùng ta,/
Vui ngày Giỗ Tổ/ tháng Ba mùng mười.//
Dù ai/ đi ngược về xuôi,/
Nhớ về Giỗ Tổ/ mùng mười tháng Ba.//

*

2. Ai/ là con cháu Rồng Tiên,/
Tháng Hai/ mở hội Trường Yên/ thì về.//
Về thăm đất cũ Đình/ Lê,/
Non xanh,/ mước biếc/ bốn bề như xưa.//

– HS luyện đọc thuộc lòng 3 – 4 bài ca dao trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm Cộng đồng gắn bó

1.2.1. Tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,...

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ, đồng dao, ca dao,... phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ, đồng dao, ca dao, ...:

+ Về tình cảm gia đình (Gợi ý: *Đồng dao tặng mẹ tặng ba* – Nguyễn Trọng Tạo, *Bầm ơi* – Tố Hữu, *Con yêu mẹ* – Xuân Quỳnh,...)

+ Về tình bạn, tình thầy trò (Gợi ý: *Buổi học cuối cùng* – Nguyễn Thị Mai, *Mây và gió* – Minh Huệ, *Gọi bạn* – Định Hải,...)

+ Về mối quan hệ với cộng đồng (Gợi ý: *Gà trống và cáo* – La Phong-ten, Nguyễn Minh lược dịch, *Hành trình của bầy ong* – Nguyễn Đức Mậu, *Cháu nghe câu chuyện của bà* – Nguyễn Văn Thắng,...)

+ ?

– HS chuẩn bị bài thơ, đồng dao, ca dao,... để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,...: tên bài thơ, đồng dao, ca dao,..., tên TG, điều tâm đắc,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao,...

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ, đồng dao, ca dao,... đã đọc

– HS đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... hoặc trao đổi bài thơ, đồng dao, ca dao,... cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về từ ngữ dùng hay và điều tâm đắc khi đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,..., giải thích lí do xem đó là điều tâm đắc.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi lại một đoạn trong bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ

HS có thể ghi lại một đoạn trong bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ mà em thích: nội dung, ý nghĩa của bài thơ, đồng dao, ca dao,...

1.2.5. Đọc một bài thơ, đồng dao, ca dao,... được bạn chia sẻ mà em thích

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,...

– HS thực hành đọc bài thơ, đồng dao, ca dao,... ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về kết từ

2.1. Luyện tập nhận diện cặp kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm 4, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. *Hễ ... thì ...*; b. *Không những ... mà ... còn ...*; c. *Vì ... nên ...*; d. *Tuy ... nhưng ...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng cặp kết từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.

(Đáp án:

- a. *Tuy ... nhưng ...*
- b. *Giá mà ... thì ...*
- c. *Nhờ ... nên ...*)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm cặp kết từ nối các vế với nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

+ Các cặp kết từ có thể sử dụng: *Vì ... nên .../ Do ... nên .../ Nhờ ... nên .../ Nếu ... thì .../ Hễ ... thì .../...*

+ Cặp kết từ *Vì ... nên .../ Do ... nên .../ Nhờ ... nên ...* biểu thị mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa hai vế câu; cặp kết từ *Nếu ... thì .../ Hễ ... thì ...* biểu thị mối quan hệ điều kiện, giả thiết – kết quả giữa hai vế câu;...

Lưu ý: HS có thể sử dụng các cặp kết từ khác miễn hợp lí về nghĩa.)

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng cặp kết từ

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 2)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích đã nghe, đã đọc mà em yêu thích với những chi tiết sáng tạo:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ?

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo; sắp xếp ý; diễn đạt; chính tả;...).

3.3. Viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn vào VBT.

(Gợi ý:

- + *Thêm vào chi tiết tả ngoại hình của nhân vật.*
- + *Thêm vào lời nói, ý nghĩ, hành động,... phù hợp với sự việc.*
- + *Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với nhân vật, sự việc.*
- + ?)

- HS chia sẻ đoạn văn trước lớp theo kĩ thuật *Phòng tranh*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Bình chọn bài văn kể chuyện có nhiều chi tiết hấp dẫn

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS tham quan *Phòng tranh*, bình chọn bài văn kể chuyện có nhiều chi tiết hấp dẫn.
- 1 – 2 HS chia sẻ lí do bình chọn trước lớp.
- HS trưng bày bài viết ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm 1 – 2 bài ca dao về lễ hội.*
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Tìm hiểu thêm thông tin về lễ hội được nhắc đến trong bài ca dao.*
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học một tuần.
- HS có thể thiết kế thành trang giới thiệu và trưng bày ở lớp theo kĩ thuật *Phòng tranh*.
- 4 – 5 HS giới thiệu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: NGÀY XUÂN PHỐ CÁO

(tiết 12 – 14, SHS, tr. 130 – 132)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn trao đổi được về nội dung tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp thiên nhiên của Phố Cáo vào mùa xuân*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm của TG trước khung cảnh thiên nhiên quá đổi nên thơ và cuộc sống thanh bình ở bản Lán Xi, xã Phố Cáo*.
3. Luyện tập sử dụng kết từ.
4. Viết được bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó.
5. Chia sẻ được với người thân những điều thú vị ở Phố Cáo vào ngày xuân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về bản Lán Xi, xã Phố Cáo (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Mùa này” đến hết.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc và cùng bạn trao đổi về nội dung tranh (**Lưu ý:** HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng) → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ngày xuân Phố Cáo”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ngày xuân Phố Cáo

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên, tình cảm, cảm xúc của TG hoặc hoạt động của người dân, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *bằng lăng*, ...

+ Luyện đọc một số câu dài, miêu tả vẻ đẹp của cảnh:

• *Khói đốt rơm rạ buổi chiều/ dường như khiến khung cảnh trở nên gần gũi.//;*

• *Xa xa,/ những dãy sa mộc xanh thẫm/ đang vươn dọc bầu trời/ như tường thành hiên ngang/ che chở cho bản làng xứ núi.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “bừng sắc nắng”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “bản làng xứ núi”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên ở bản Lán Xi vào ngày xuân là: nường cải mèo hoa nở vàng tươi khắp lối đi, màu nâu của đất mới, gió xuân mang khói trắng về trời, dãy núi như đang nằm lặng chờ thời khắc lộc biếc chồi non bừng sắc nắng,...*

+ Câu 2: *Những đôi thông và những dãy sa mộc được tả theo nét riêng: Khói đốt bốc lên làm mờ nhoè, bằng lăng cả những đôi thông chọc thẳng bầu trời; dãy sa mộc xanh thẫm đang vươn dọc bầu trời như tường thành hiên ngang che chở cho bản làng xứ núi.*

+ Câu 3: *Những hình ảnh làm nên sự yên bình của bản Lán Xi:*

• *Thiên nhiên: củ cải đã to tướng nằm vùi xuống đất nâu, trở mình nhô lên đón nắng xuân hiền hoà; vại đun rơm đã chất cao hơn cả bờ rào đá; chẳng rõ là mây hay là khói đang bay ngang tay.*

• *Con người: vài người đàn ông đang lo dắt bò cày xới; một người đàn bà lùi húi đốt nương.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn tên “Khung cảnh phố núi” vì bài văn miêu tả khung cảnh bản làng phố núi thanh bình,...*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thênh thang* (nghĩa trong bài: không bị bó hẹp về thời gian, không gian),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của thiên nhiên Phố Cáo vào ngày xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của những đôi thông và những dãy sa mộc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Khung cảnh thiên nhiên hoà với cảnh người dân sinh hoạt yên bình.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tình cảm, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm cảnh vật, hoạt động, trạng thái của con người, cảm xúc của TG, ...*):

Mùa này,/ củ cải đã to tướng/ nằm vui xuống đất nâu,/ rồi trở mình/ nhô lên đón nắng xuân hiền hoà.// Vài người đàn ông đang lo dắt bò cày xới.// Một người đàn bà lúi húi đốt nương.// Cạnh nhà,/ vài đụn rơm/ đã chất cao hơn cả bờ rào đá.// Thỉnh thoảng,/ tôi cũng chẳng rõ là mây hay là khói/ đang bay ngang tay mình.// Khung cảnh cứ yên bình đến thế,/ nhẹ nhàng đến thế.// Tôi chỉ muốn ngồi lại bên hiên căn nhà vắng,/ nhìn ngắm mãi buổi chiều thên thưng.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về kết từ

2.1. Luyện tập sử dụng kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: *và, của.*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng cặp kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

a. *Tuy (Mặc dù, Cho dù) ... nhưng ...*

b. *Nếu ... thì .../ Vì (Nhờ) ... nên ...*

c. *Nếu ... thì ...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu với cặp kết từ cho trước

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét

2.4. Viết câu có sử dụng cặp kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trả lời 1 – 2 câu hỏi để nhớ lại nội dung của bài “Ngày xuân Phở Cáo”.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 3)

3.1. Viết bài văn kể chuyện sáng tạo

– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.

– HS có thể nghe GV lưu ý thêm:

+ Dựa vào dàn ý đã lập ở tr. 124 (*Tiếng Việt 5, tập một*) để viết bài văn hoàn chỉnh.

+ Chọn nhân vật em muốn mượn lời và kể lại bằng lời của nhân vật đó.

+ Có thể lược bớt một số chi tiết không quan trọng, tập trung kể cụ thể sự việc chính.

- + Thêm vào một vài chi tiết sáng tạo ở một vài sự việc.
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết để điều chỉnh một số chi tiết. (Gợi ý: *Từ xưng hô; lời nói, ý nghĩ; suy nghĩ, cảm xúc; chính tả; ...*)
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ với người thân những điều thú vị ở Phố Cáo vào ngày xuân.*
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 5: NHỮNG LÁ THƯ (tiết 15 – 18, SHS, tr. 133 – 136)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kể được tên 2 – 3 việc làm thể hiện sự quan tâm đến người cao tuổi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức thư của bác Ao-ki đã giúp cho cụ Ya-e-nô không còn cảm thấy cô đơn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình cảm đáng quý, đáng trân trọng giữa những con người trong cùng một cộng đồng.*
3. Luyện tập sử dụng đại từ và kết từ.
4. Nhận diện được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.
5. Đóng được vai cụ Ya-e-nô trong truyện “Những lá thư” để nói lời cảm ơn khi đọc xong bức thư do bác Ao-ki viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tivi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Thế rồi” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể tên 2 – 3 việc làm thể hiện sự quan tâm đến người cao tuổi (Gợi ý: *Thăm hỏi các cụ già trong viện dưỡng lão; quan tâm, chăm sóc cho ông bà; ...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Những lá thư”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những lá thư

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng người dẫn chuyện thông thả, chậm rãi; giọng bác bưu tá vui vẻ, thân thiện; giọng cụ Ya-e-nô trầm ấm; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, cảm xúc của nhân vật; ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *Mát-xu-đa Ya-e-nô, Ao-ki Dai-ki-chi, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Kể từ đó,/ cứ tới nhà cụ Ya-e-nô phát thư,/ bác lại dùng bữa/ và nói chuyện với bà cụ.//;*

• *Nhìn thấy tên người gửi là/ Ao-ki Dai-ki-chi,/ cụ vội vàng mở phong bì,/ rút lá thư ra.//;*

• *Từ mắt cụ Ya-e-nô,/ những giọt nước mắt đã chảy rơi.// Bác Ao-ki ngượng ngùng nhìn cụ.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

+ GV có thể cung cấp thêm thông tin: Truyện được trích trong tuyển tập tác phẩm đoạt giải “Giải thưởng truyện đồng thoại JXTG” lần thứ 48.

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “mới về”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “của bưu điện”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Cụ Ya-e-nô đã lớn tuổi, sống một mình ở rìa làng.*

+ Câu 2: Khuyến khích HS kể lại cuộc trò chuyện bằng lời của mình, VD: *Bác bưu tá vừa đánh tiếng: “Cụ ơi, cụ có thư!” thì cụ Ya-e-nô từ trong nhà bước ra. Vừa gặp bác bưu tá, cụ Ya-e-nô đã mời bác vào nhà dùng trà. Cụ mang rất nhiều món ra để đãi khách. Bác Ao-ki ăn đến khi no mới ra về.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Cụ Ya-e-nô thường viết thư gửi cho mình vì cụ sống một mình, rất cô đơn nên viết thư để tự đem lại niềm vui cho bản thân, giúp cụ tìm được người để trò chuyện và cảm thấy lúc nào cũng có người quan tâm, nhớ đến cụ,...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Việc làm của bác Ao-ki sau khi trò chuyện với đồng nghiệp nói lên rằng bác Ao-ki rất đồng cảm, thương cụ Ya-e-nô và muốn giúp cụ không còn cảm thấy cô đơn nữa,...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Cụ Ya-e-nô rất cô đơn, cụ cũng rất thân thiện và mến khách. Bác Ao-ki rất dễ thương, có trách nhiệm với công việc; nhờ đồng cảm, bác đã giúp cụ Ya-e-nô không còn thấy cô đơn nữa, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *lã chã* ((nước mắt) rơi, chảy thành giọt nhiều và không dứt),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Cuộc trò chuyện giữa cụ Ya-e-nô và bác Ao-ki vào lần đầu gặp nhau.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Niềm vui của cụ Ya-e-nô.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Việc làm ý nghĩa của bác Ao-ki* → rút ra nội dung bài đọc.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc chậm rãi, thông thả; giọng bác Ao-ki vui vẻ, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, ...*):

Thế rồi,/ hôm sau,/ bác Ao-ki tới chỗ cụ Ya-e-nô.//

– Cụ ơi,/ cụ có thư!//

Cụ Ya-e-nô đi ra,/ về mặt lấy làm lạ.// Hôm nay/ chắc chắn không có thư tới cơ mà...//

Nhìn thấy tên người gửi là/ Ao-ki Đại-ki-chi,/ cụ vội vàng mở phong bì,/ rút lá thư ra.//

“Cháu chào cụ Ya-e-nô.// Lúc nào cháu cũng được uống trà/ và ăn món ngon của cụ.// Món ăn cụ làm ngon lắm.// Từ giờ,/ cho cháu lại được tiếp tục làm phiên cụ.// Cụ nhớ giữ gìn sức khỏe/ để sống thật lâu/ cụ nhé!”//

Từ mắt cụ Ya-e-nô,/ những giọt nước mắt lã chã rơi.// Bác Ao-ki ngưng ngừng nhìn cụ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Viết 4 – 5 câu giới thiệu truyện “Những lá thư”.*

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Trang trí đoạn viết của em.*

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về đại từ và kết từ

2.1. Tìm và nêu tác dụng của kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT. (Đáp án:

+ *bởi* → *nói* “hai màu chủ đạo” với “được dệt”.

+ *và* → *nói* “màu xanh biêng biếc” với “màu vàng ươm”.

+ *như* → *nói* “năng” với “vàng ươm”.

+ *còn* → *nói* “được điểm” với “bức tranh đơn sắc ấy”.

+ *bởi* → *nói* “màu trắng của cánh cò hoặc màu đen bóng mượt của đàn trâu ra đồng sớm” với “được điểm”.

+ *của* → *nói* “cánh cò” với “màu trắng”; “đàn trâu ra đồng sớm” với “màu đen bóng mượt”.

+ hoặc → nói “màu đen bóng mượt của đàn trâu ra đồng sớm” với “màu trắng của cánh cò”.

+ mà → nói “chỉ vừa đi vừa lặng yên lắng nghe âm thanh ngày mới” với “chúng chẳng chuyện trò gì mấy”.)

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chữa lỗi lặp từ trong đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS hoạt động nhóm đôi, chỉ ra lỗi lặp từ. (Đáp án: *cá đuôi cò*)

– HS thảo luận nhóm đôi, thay thế các từ ngữ lặp lại bằng đại từ hoặc danh từ dùng để xưng hô. (Gợi ý: *Thay cụm từ “cá đuôi cò”*:

+ Ở câu 2, 4 bằng đại từ: *nó*.

+ Ở câu 5 bằng danh từ dùng để xưng hô: *bạn/ cậu*.

+ Ở câu 7 bằng đại từ xưng hô: *tôi/ tớ*.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết câu có sử dụng kết từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trả lời 1 – 2 câu hỏi để nhớ lại nội dung của bài “Những lá thư”.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

3.1. Tìm hiểu cấu tạo đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ, trả lời câu hỏi.

(Gợi ý:

a. *Đoạn văn giới thiệu nhân vật Pi-ka-chu.*

b. Câu văn đầu tiên cho biết Pi-ka-chu là nhân vật trong bộ phim “Bưu bối thần kì”.
c. Các câu văn tiếp theo giới thiệu đặc điểm ngoại hình, tính cách, đặc trưng, ... của nhân vật.

d. Câu cuối đoạn văn nói về ý nghĩa của nhân vật.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Chia sẻ về nhân vật em thích trong phim hoạt hình

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai cụ Ya-e-nô trong truyện “Những lá thư” để nói lời cảm ơn khi đọc xong bức thư do bác Ao-ki viết.*
- HS hoạt động nhóm đôi, thực hành đóng vai và nói lời cảm ơn.
- Lưu ý:** GV hướng dẫn HS chú ý sử dụng cử chỉ, điệu bộ, giọng nói phù hợp.
- 1 – 2 nhóm HS thực hành đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: NGÔI NHÀ CHUNG CỦA BUÔN LÀNG (tiết 19 – 21, SHS, tr. 137 – 139)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được với bạn điều em biết về những ngôi nhà ở Tây Nguyên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Biết thêm thông tin về nhà rông ở Tây Nguyên cũng như các giá trị về văn hoá, sinh hoạt cộng đồng của người dân Tây Nguyên.*
3. Giới thiệu được về một hoạt động cộng đồng.
4. Tìm được ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.

5. Suy tầm được tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên; nói được 1 – 2 câu về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã suy tầm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về nhà rông ở Tây Nguyên (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “cồng, chiêng, ché,...”.
- Tranh, ảnh về nhân vật trong phim hoạt hình em thích (nếu có).
- HS mang theo ảnh, video clip về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói với bạn điều em biết về những ngôi nhà ở Tây Nguyên → đọc tên bài và liên hệ với nội dung khởi động → phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ngôi nhà chung của buôn làng”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ngôi nhà chung của buôn làng

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV hoặc bạn đọc mẫu. (Gợi ý: Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp, ý nghĩa các hoạt tiết của nhà rông và cuộc sống của người dân Tây Nguyên, ...)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:
 - + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *nhà gươl*,...
 - + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện vẻ đẹp, ý nghĩa của nhà rông:
 - *Nóc nhà gươl của người Cơ-tu/ tạc hình hai con gà trống đang vươn cổ gáy,/ hoặc hình hai con trâu đực/ nằm nối đuôi nhau.//;*
 - *Cuộc sống có nhiều đổi thay,/ nhưng nhà rông,/ nhà gươl/ vẫn là nơi nuôi dưỡng,/ neo đậu tình cảm quê nhà,/ nơi gắn kết cộng đồng,/ nơi quyện hoà cùng thiên nhiên/ của bà con các dân tộc Tây Nguyên.//;...*

- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).
- Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “cồng, chiêng, ché,...”.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến “quả bầu đựng nước,...”.
 - + Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Hai đoạn đầu cho biết nhà rông tọa lạc ở trung tâm buôn làng, là không gian sinh hoạt chung, nơi tổ chức lễ hội, tiếp đón khách quý,... Đây cũng là nơi lưu giữ báu vật, của cải chung của buôn làng.*

+ Câu 2: *Gia-rai – mái nhà rông như một lưỡi rìu khổng lồ hướng lên trời xanh, trên đầu cầu thang tạc hình quả bầu đựng nước; Ba-na – nhà rông cao lớn, sừng sững, nóc nhà được trang trí bằng dải hoa tiết chính là hình cây rau dớn; Co-tu – nóc nhà tạc hình hai con gà trống đang vươn cổ gáy, hoặc hình hai con trâu đực nằm nối đuôi nhau; Gié-Triêng – trên đầu cầu thang chạm hình núm chiêng, hình mũi thuyền.*

+ Câu 3: *Dù trải qua bao năm tháng, nhà rông vẫn là nơi có ý nghĩa quan trọng, thiêng liêng đối với bà con các dân tộc ở Tây Nguyên.*

+ Câu 4: *Nội dung của mỗi đoạn văn:*

- *Nhà rông ở Tây Nguyên tọa lạc ở trung tâm buôn làng.*
- *Nhà rông là không gian sinh hoạt chung, nơi tổ chức lễ hội, tiếp đón khách quý và lưu giữ báu vật, của cải chung của buôn làng.*
- *Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có cách tạo dáng và trang trí hoa văn nhà rông riêng biệt.*
- *Nhà rông có ý nghĩa quan trọng đối với đồng bào ở Tây Nguyên.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: *Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu một số thông tin về nhà rông.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Nhà rông của mỗi dân tộc Tây Nguyên đều có nét đặc trưng riêng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Sự gắn kết giữa nhà rông với thiên nhiên, cộng đồng người dân Tây Nguyên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ công dụng của nhà rông, ...*):

Đồng bào Tây Nguyên thường có ngôi nhà chung,/ gọi là “nhà rông”/ hoặc “nhà gươl”,/ uy nghi/ toạ lạc ở trung tâm buôn làng./

Nhà rông được xây dựng bằng trí tuệ,/ tâm sức/ và đôi tay tài hoa của cả cộng đồng.// Đây/ là không gian sinh hoạt chung,/ nơi tổ chức lễ hội,/ tiếp đón khách quý,...// Đây/ cũng là nơi lưu giữ báu vật,/ của cải chung của buôn làng,/ như công,/ chiêng,/ ché,...//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng

2.1. Giới thiệu về một hoạt động cộng đồng

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.

Lưu ý: HS có thể sử dụng ảnh, video clip đã chuẩn bị để bài giới thiệu thêm sinh động.

– 1 – 2 HS giới thiệu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần giới thiệu theo các tiêu chí:

+ Nội dung giới thiệu.

+ Trình tự giới thiệu.

+ Hình thức giới thiệu: tốc độ, âm lượng nói; yếu tố phi ngôn ngữ;...

+ Sử dụng phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu.

+ ?

2.2. Trao đổi về ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ, nói về ý nghĩa của các hoạt động cộng đồng theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.
- Đại diện mỗi nhóm HS trình bày một ý nghĩa tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

3.1. Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong phim hoạt hình

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị), nghe bạn nhận xét, góp ý.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Ghi lại các ý chính cho đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, khuyến khích HS ghi chép bằng các từ ngữ văn tắt.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: *Sưu tầm tranh, ảnh về một hoạt động cộng đồng của đồng bào Tây Nguyên.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà trước buổi học khoảng một tuần:
 - + Sưu tầm tranh, ảnh theo yêu cầu.
 - + Tìm hiểu thêm một vài thông tin về hoạt động cộng đồng đó (có thể tìm kiếm trên internet).
- HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: *Nói 1 – 2 câu về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã sưu tầm.*
- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói về hoạt động của con người trong tranh, ảnh đã sưu tầm.

- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 7: DÁNG HÌNH NGỌN GIÓ

(tiết 22 – 25, SHS, tr. 140 – 143)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được về điểm thú vị của hình ảnh gió trong đoạn thơ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những việc làm âm thầm của gió đã giúp ích bao điều cho cuộc sống này. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi những người ngày đêm âm thầm cống hiến công sức cho cộng đồng, quê hương, đất nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bài văn về một lễ hội, về mối quan hệ cộng đồng; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về hình ảnh đẹp, câu văn sinh động trong bài văn được chia sẻ.

3. Biết cách sử dụng từ ngữ trong câu văn, đoạn văn.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết; viết lại được đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn.

5. Viết được 2 – 3 câu về gió, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý bài văn thuộc chủ điểm “Cộng đồng gắn bó”, hướng dẫn tìm kiếm bài văn trên internet.
- HS mang tới lớp bài văn phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về điểm thú vị của hình ảnh gió trong đoạn thơ (Gợi ý: *Gió đi khắp nơi, làm việc chăm chỉ không nghỉ,...*) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Dáng hình ngọn gió”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Dáng hình ngọn gió

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, hồn nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động của các sự vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *oi bức, lượn, ...*

+ Luyện đọc một số câu thơ miêu tả hoạt động của gió:

Gió/ khô ô muối trắng/

Gió/ đẩy cánh buồm đi/

Gió/ chẳng bao giờ mệt!//

Nhưng/ đó ai biết được/

Hình dáng gió/ thế nào.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba.

+ Đoạn 3: Hai khổ thơ cuối.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Căn nhà của gió được miêu tả bằng hình ảnh “bầu trời rộng thênh thang”, “chân trời như cửa ngõ”.*

+ Câu 2: *Nét đáng yêu của gió được thể hiện qua các hành động: Hát rầm rì trong vòm lá, dạo nhạc lao xao trên sóng biển, nép vào vành nón, quạt dịu những ngày hè oi bức.*

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Gió luôn âm thầm làm việc, đem lại những điều có ích cho cuộc sống;...*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Gió giống như một cô gái xinh đẹp và tài năng. Cô gái ấy biết đánh đàn, biết hát, biết làm dịu những trưa hè nắng nóng. Cô cũng luôn chăm chỉ làm những điều có ích cho cuộc sống; ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Miêu tả ngôi nhà của gió.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Nét đáng yêu, hồn nhiên của gió.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Gió đem lại những điều có ích cho cuộc sống → rút ra nội dung bài đọc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, đáng vẻ, đặc điểm, hoạt động của các sự vật, ...*):

Những ngày hè/ oi bức/

Cứ tưởng/ gió đi đâu/

Gió/ nép vào vành nón/

Quạt dịu/ trưa ve sầu.//

Gió/ còn lượn lên cao/

Vượt sóng dài/ biển rộng/

*Cồng nước/ làm mưa rào/
Cho/ xanh tươi đồng ruộng.//*

*Gió/ khô ô muối trắng/
Gió/ đầy cánh buồm đi/
Gió/ chẳng bao giờ mệt!//
Nhưng/ đố ai biết được/
Hình dáng gió/ thế nào.//*

- HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm *Cộng đồng gắn bó*

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet một bài văn:

+ Về một lễ hội (Gợi ý: *Hội vật* – Kim Lân, *Rước đèn ông sao* – Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Hội đua voi ở Tây Nguyên* – Lê Tấn,...)

+ Về mối quan hệ cộng đồng (Gợi ý: *Buổi sáng mùa hè trong thung lũng* – Hoàng Hữu Bội, *Miền Tây gặt lúa* – Nguyễn Minh Châu, *Đường đi Sa Pa* – Nguyễn Phan Hách,...)

+ ?

– HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên TG, hình ảnh đẹp, câu văn sinh động,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc

– HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về những hình ảnh đẹp, câu văn sinh động trong bài văn đã đọc.

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép về bài văn được bạn chia sẻ

HS có thể ghi chép lại 1 – 2 câu văn hay trong bài văn được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: câu văn có hình ảnh đẹp, câu văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật hay,...

1.2.5. Đọc bài văn được bạn chia sẻ mà em thích

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc bài văn.

– HS thực hành đọc bài văn ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ ngữ

2.1. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận trong nhóm đôi, làm bài vào VBT.

(Đáp án:

a. Nghĩa 1 là nghĩa gốc, nghĩa 2, 3 là nghĩa chuyển.

b. HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu. (Đáp án: *trong veo, chói chang, mang, quyen, mận mòi, ban tặng*.)

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm từ đồng nghĩa với từ cho trước

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ trong nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- + *gắn bó, kết đoàn, đùm bọc,...*
- + *thân tình, thân ái, thân thương,...*)
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu nói về sự gắn bó giữa các thành viên trong tổ hoặc lớp em

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn kể chuyện sáng tạo

(Bài viết số 3)

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe mà em thích bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện đó:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ?

Chân trời sáng tạo

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết thầy cô đã đánh giá.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo; ngôi kể; dùng từ; viết câu;...).

3.3. Viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết lại đoạn văn kể lại sự việc chính của câu chuyện cho hay hơn vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Bình chọn bài văn hay

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS bình chọn trong nhóm bài văn hay theo các tiêu chí:
 - + Bài văn kể chuyện giàu cảm xúc.
 - + Bài văn kể chuyện hấp dẫn.
- HS chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp, trưng bày bài viết ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết 2 – 3 câu về gió, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS có thể trưng bày bài làm và trưng bày ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: TỪ NHỮNG CÁNH ĐỒNG XANH (tiết 26 – 28, SHS, tr. 144 – 147)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu được mỗi đồ vật bằng 1 – 2 câu; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Từ những cánh đồng xanh, cỏ bàng trải qua nhiều công đoạn xử lý thú vị để trở thành sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi sự thanh bình của cảnh vật và nét đẹp lao động của con người.*
3. MRVT theo chủ đề *Cộng đồng*.
4. Viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình.
5. Trao đổi được với bạn suy nghĩ, cảm xúc của em về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

- Tranh, ảnh hoặc video clip về các sản phẩm làm từ cỏ bàng; cánh đồng cỏ bàng, cảnh người dân thu hoạch cỏ bàng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Cũng giống như thu hoạch lúa” đến “của người dân”.
- Tranh, ảnh, video clip về nhân vật trong phim hoạt hình (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu về ống hút cỏ bàng, túi hoặc nón làm từ cỏ bàng bằng 1 – 2 câu (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Từ những cánh đồng xanh”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Từ những cánh đồng xanh

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, nhẹ nhàng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của con người,...*)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:
 - + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *tăm tắp, giũ, bà con chòm xóm, ...*
 - + Luyện đọc một số câu dài, miêu tả cảnh vật, hoạt động của con người:
 - *Đến Tân Hoà Thành/ vào những ngày tháng Tám,/ chúng tôi bắt gặp những cánh đồng cỏ bàng/ xanh ngút ngàn.//;*
 - *Dưới ánh nắng,/ những hạt nước sáng lấp lánh tung lên/ làm sáng bừng gương mặt của các “vũ công”.//;*
 - *Sau khi phơi khô/ rồi giã cho tơi,/ nhờ bàn tay khéo léo/ cùng sự sáng tạo của con người,/ cỏ được đan thành đệm,/ túi,/ nón,.../ để phục vụ thị trường trong nước/ và xuất khẩu.//; ...*
- + Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *cỏ bàng* (trước kia, cỏ bàng được thu hoạch để làm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như đan đệm, đan túi, làm mũ nón, lợp nhà,... Hiện nay, cỏ bàng còn được sử dụng làm ống hút, quai xách li,...), *vũ công* (nghệ sĩ múa hoặc khiêu vũ),...

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “thu hoạch cỏ”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “của người dân”.
- + Đoạn 3: Tiếp theo đến “xuất khẩu”.
- + Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Hình ảnh nói lên vẻ đẹp của cánh đồng cỏ bàng: những cánh đồng cỏ bàng xanh ngút ngàn.*

+ Câu 2: *Công đoạn giữ cỏ được gọi là “vũ điệu giữ cỏ”, vì ở công đoạn này, hàng chục nắm cỏ đồng loạt được giữ mạnh, theo tay người tung xoè ra như múa, lúc này, những người nông dân chẳng khác gì những vũ công đang biểu diễn tiết mục đặc sắc của mình.*

+ Câu hỏi phụ: *Cỏ bàng có thể được làm thành những sản phẩm nào? (Cỏ được đan thành đệm, túi, nón, ...)*

+ Câu 3: *Chi tiết nói về vẻ đẹp của những người nông dân trong lao động: người dân cắt và xếp cỏ bàng; thực hiện “vũ điệu giữ cỏ”; chất cỏ lên thuyền để vận chuyển về làng; bà con chòm xóm háo hức cùng nhau ra đồng, cùng nhau san sẻ công việc trong chân tình, cởi mở.*

+ Câu 4: *Đoạn văn tương ứng với nội dung:*

- *Giới thiệu những cánh đồng cỏ bàng: Đoạn 1.*
- *Làm sản phẩm từ cỏ: Đoạn 3.*
- *Niềm vui của bà con nông dân: Đoạn 4.*
- *Thu hoạch và vận chuyển cỏ: Đoạn 2.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thị trường* (nơi thường xuyên tiêu thụ hàng hoá), *xuất khẩu* (đưa hàng hoá ra nước ngoài để buôn bán, kinh doanh),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu thời điểm thu hoạch cỏ bàng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Giới thiệu các công đoạn thu hoạch cỏ bàng, nổi bật là “vũ điệu giữ cỏ”.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ → rút ra ý đoạn 3: *Sản phẩm làm từ cỏ bàng được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 4: *Vẻ đẹp lao động của người nông dân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của con người, hình ảnh so sánh, ...*):

Cũng giống như thu hoạch lúa,/ họ dùng liềm cắt từng nắm cỏ/ rồi xếp thành hàng đều tăm tắp trên mặt ruộng.// Thú vị nhất trong các công đoạn thu hoạch/ chính là “vũ điệu giữ cỏ”.// Như hẹn trước,/ hàng chục nắm cỏ/ đồng loạt được giữ mạnh,/ theo tay người tung xoè ra như múa.// Dưới ánh nắng,/ những hạt nước sáng lấp lánh tung lên/ làm sáng bừng gương mặt của các “vũ công”.// Cỏ cắt và giữ xong/ được phân thành từng loại ngắn dài/ rồi cột thành từng bó/ chuyển ra bờ kênh.// Từ đây,/ chúng được chất lên thuyền/ chở về làng,/ mang theo niềm vui được mùa của người dân.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Cộng đồng

2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ “cộng đồng”

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả trong nhóm. (Đáp án: *Những người sống thành một xã hội, gắn bó thành một khối.*)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, tìm từ ngữ theo yêu cầu. (Gợi ý:

+ *đỡ đần, giúp đỡ, hỗ trợ, ...*

+ *kết đoàn, đùm bọc, chia sẻ, ...*)

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ nói về sự quan tâm, gần bó

- HS xác định yêu cầu của BT 2a.
- HS thực hiện trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý: *Lá lành đùm lá rách; Nhường cơm sẻ áo; Mối hở, răng lạnh.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Viết đoạn văn nói về một việc em hoặc bạn bè đã làm để giúp đỡ người khác

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết đoạn văn gì? (Đáp án: *Giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.*)
- Em cần giới thiệu nhân vật thể nào? (Đáp án: *Em thích, để lại cho em nhiều ấn tượng.*)

3.2. Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS dựa vào kết quả BT 2, tr. 139 (*Tiếng Việt 5, tập một*) và các gợi ý, trả lời một số câu hỏi của GV (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh, video clip về nhân vật đã chuẩn bị):
 - + Nhân vật em thích là ai? Trong bộ phim nào?

- + Em sẽ giới thiệu những gì về nhân vật đó?
- + Nhân vật đó có ý nghĩa thế nào với bộ phim?
- + Nêu nhận xét, đánh giá của em về nhân vật đó.
- + ?
- HS thực hiện viết đoạn văn vào VBT.

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nhận xét bài làm của bạn dựa vào các tiêu chí gợi ý.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS dựa vào kết quả BT 2, làm bài cá nhân vào VBT. (Gợi ý: *Sửa lại câu mở đầu cho hấp dẫn; giới thiệu thêm 1 – 2 nội dung giúp người đọc hình dung cụ thể hơn về nhân vật; sửa lại câu kết đoạn cho ấn tượng; ...*)
- 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp, trưng bày đoạn văn ở Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Cùng bạn trao đổi: Bài đọc “Từ những cánh đồng xanh” gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống?*
- HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi suy nghĩ, cảm xúc của em về ý nghĩa của những sản phẩm làm từ cỏ bàng đối với cuộc sống.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Tuần *Ôn tập cuối học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm “Chung sống yêu thương” và “Cộng đồng gắn bó”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 148 – 149)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Chiều thu quê hương”:

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “xoè cánh ấp con” và trả lời câu hỏi: Khu vườn chiều thu được tả bằng những màu sắc nào? (Gợi ý: *Khu vườn chiều thu được tả bằng nhiều màu sắc: màu xanh nhung của lá mía, màu vàng rực của hoa mướp cuối mùa, màu trong veo của nước giếng, màu xanh thăm thẳm của trời chiều, màu nắng vàng như tơ, màu chiều vàng rọi.*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “xoè cánh ấp con” và trả lời câu hỏi: Những âm thanh trong vườn thu gợi cho em cảm giác gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Những âm thanh trong vườn thu (tiếng lá mía quạt vào mái rạ lao xao như ai ngả nón chào, tiếng chiều vàng rọi) gợi cho em cảm giác cảnh vật thật đẹp; cảnh vật và con người rạo rực, náo nức, xôn xao trong chiều thu; cuộc sống nơi quê hương TG thật trù phú, đầm ấm;...*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Hoa mướp” đến hết và trả lời câu hỏi: Hai câu thơ: “Vòng khoai lang xoè lá ra nằm sưởi/ Cùng với mẹ gà xoè cánh ấp con.” giúp em hình dung điều gì về cuộc sống ở quê hương TG? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Hai câu thơ: “Vòng khoai lang xoè lá ra nằm sưởi/ Cùng với mẹ gà xoè cánh ấp con.” giúp em hình dung cuộc sống ở quê hương TG rất đầm ấm, thanh bình;...*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Hoa mướp” đến hết và trả lời câu hỏi: Bài thơ thể hiện tình cảm gì của TG đối với quê hương? (Gợi ý: *Bài thơ thể hiện tình yêu, niềm tự hào của TG với quê hương.*)

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *trong lẻo* (rất trong, trong đến mức nhìn đến tận đáy, không có một chút gợn, vẩn), *vàng rọi* (màu vàng ngời sáng, rực rỡ, đều khắp), *bồi da thấm thịt* (nghĩa trong bài: xây đắp thêm cho đất nước thêm vững mạnh, giàu đẹp),...

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng *bông hoa cảm xúc*.

2. Chia sẻ về bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá có trong bài thơ “Chiều thu quê hương”.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 2 (SHS, tr. 149)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về từ đồng nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý: *siêng năng* – *chuyên cần*)

→ *Sử dụng từ đồng nghĩa có thể tránh được việc lặp từ; nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được nói đến.*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*. (Gợi ý:

a. *xuyên/ chiếu/ len lỏi/...; tạo/ kết/ biến/...*

- b. *nóng bức/ nóng nực/ nóng như đổ lửa/...; giá rét/ rét buốt/ rét căm căm/...*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện về từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý:
 - + *bờ vai rộng, khoác túi lên vai, đau vai, ...*
 - + *vai áo, áo hở vai, ...*)
- HS chơi trò chơi *Chuyên hoa* để chữa bài trước lớp.
- HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Viết đoạn văn có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 150 – 151)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ, đại từ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về từ loại

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn văn.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Đáp án:

- + *Danh từ: vườn, ao, ổi, măng, quả, hoa.*
- + *Động từ: dẫn, vít, phát hiện, nổ.*

- + *Tính từ: xa, trắng muốt, dày, giòn, thơm.*
- + *Đại từ: tớ, tôi.*)
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện sử dụng đại từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS hoạt động nhóm đôi, làm bài vào VBT. (Đáp án: *ta, nó, ai, đó.*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện về đại từ nghi vấn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý, làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

a. *Hội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?*

Hội có bao nhiêu đội viên?

Bí danh của các đội viên là gì?

Bạn thích nhất bí danh nào? Vì sao?

b. *Các đại từ được sử dụng: nào, đâu, bao nhiêu, gì, nào, sao.)*

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 151 – 152)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh về một câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại về một câu chuyện có nhân vật là cây cối hoặc loài vật:
 - + Em chọn kể câu chuyện nào?
 - + Câu chuyện có những nhân vật nào?

- + Câu chuyện có những sự việc chính nào?
- + Em có thể thêm vào mỗi sự việc các chi tiết nào để thể hiện sự sáng tạo?
- + ?
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 152)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh, ảnh về các câu chuyện trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại về một câu chuyện trong chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” đã học:
 - + Chủ điểm “Cộng đồng gắn bó” có những câu chuyện nào?
 - + Em chọn kể câu chuyện nào?
 - + Câu chuyện có những sự việc chính nào?
 - + Em mượn lời của nhân vật nào để kể?
 - + Khi mượn lời nhân vật đó, em thể hiện lời nói, ý nghĩ,... thế nào?
 - + ?
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 VÀ TIẾT 7 (SHS, tr. 153 – 154)

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Câu chuyện của chim sẻ”.
2. Viết được bài văn tả cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở vào một buổi trong ngày hoặc bài văn kể lại câu chuyện “Câu chuyện của chim sẻ” bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Câu chuyện của chim sẻ”:

- HS đọc thầm văn bản “Câu chuyện của chim sẻ” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó, VD: *doi* (dài đất dài và hẹp), *bột màu* (đã phai màu),...
- HS trả lời câu hỏi, thực hiện các BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

- a. *Cánh đồng cỏ ở dưới chân đồi.*
 - b. *Nói lời xin lỗi các bạn để mền.*
 - c. *Vì chiếc lá quá nặng.*
 - d. *Để thiết kế con tàu vượt “đại dương”.*
 - e. *trong, và*
 - g. *Mình*
 - h. *Sẻ nhỏ đã học được nhiều điều sau khi rời tổ của bố mẹ: được ngắm vẻ đẹp của cánh đồng, được học những bài học về lời xin lỗi và giúp đỡ mọi người.*
 - i. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Sẻ nhỏ tự hào khi trả lời câu hỏi của mẹ vì chú đã có thêm hiểu biết, đặc biệt là biết cách ứng xử phù hợp với mọi người;...*
 - k. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn tên “Bài học của chú chim sẻ nhỏ” vì câu chuyện nói về những bài học bổ ích của chim sẻ trong một ngày;...*
- l. HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.)

B. Đánh giá kĩ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng viết qua hoạt động viết:

- HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.
- HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.
- HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học.



*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ THU TRANG – HOÀNG THỊ MINH TÂM

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ THU TRANG – HOÀNG THỊ MINH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 5 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG5V001M24

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 06-2024/CXBIPH/56-2346/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-40351-3

Tập hai: 978-604-0-40352-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 5
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 5 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 5
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 5
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 5
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 5 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 5
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 5
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 5
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

ISBN 978-604-0-40351-3



Giá: 49.000đ